

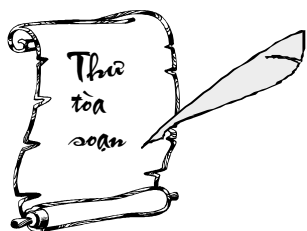
# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le N° 0708 G 88353

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy



Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Vaillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.  
Prix du numéro : 3,5 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

ISSN 1145-9557 - Số 210 - Năm thứ 20, tháng 01-2007

# 2007

## Chúc mừng và kêu gọi

*Thông Luận* bước vào năm thứ 20. Đối với một tờ báo ý kiến, hoàn toàn không có quảng cáo chỉ sống nhờ đóng góp của độc giả, đó là một kỷ lục sống dai. Điều này tự nó cũng chứng tỏ cảm tình và sự hưởng ứng của độc giả và thân hữu mà một lần nữa tôi xin thay mặt ban biên tập và Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên chân thành cảm tạ.

Xin chúc độc giả và thân hữu một năm 2007 an khang, hạnh phúc và thành công trong mọi dự định.

Cùng với năm mới, *Thông Luận* cũng được vinh dự đáng buồn mà chúng tôi không bao giờ muốn : đó là tờ báo giấy thuần túy ý kiến duy nhất còn lại trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cũng trở thành tổ chức chính trị duy nhất còn giữ được báo giấy. Hiện nay, trong khối ba triệu người Việt hải ngoại, chỉ còn lại những tờ báo thương mại mà số độc giả và khoản thu ngày càng giảm đi.

Tình trạng đáng buồn này trước hết do một tiến bộ kỹ thuật mà tất cả chúng ta đều hoan nghênh : sự phát triển của mạng Internet cho phép thực hiện những tờ báo điện tử giản dị hơn, nhanh chóng hơn, không bị gò bó trong khuôn khổ và nhất là đỡ tốn kém hơn. Tuy



nhiên cũng phải kể đến một nguyên nhân khác là sự loãng nhạt nhanh chóng bản thể Việt Nam trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Đại bộ phận giới trẻ lớn lên tại

hải ngoại không còn thông thạo tiếng Việt nữa. Ngôn ngữ bao giờ cũng là yếu tố cơ bản của một quốc gia, khi tiếng Việt không còn là ngôn ngữ để trao đổi nữa thì cũng khó có thể nói đến một cộng đồng người Việt đúng nghĩa.

Mặt khác, cũng phải nhìn nhận một sự thật : thời gian cũng đã khiến sự gắn bó với đất nước không còn đậm đà như trước. Cộng đồng người Việt hải ngoại có lẽ là một trong những cộng đồng mất bản sắc dân tộc nhanh chóng nhất. Chúng ta đã quá quan tâm đến thành công cá nhân và gia đình, và nói chung đã thành công, nhưng bù lại nhiều con em của chúng ta đã không còn là người Việt. Có những trường hợp mà những thành công cá nhân cộng lại không phải là thành công của tập thể.

Trên ngưỡng cửa năm 2007, cùng với lời cảm tạ sự ủng hộ bền bỉ của độc giả và thân hữu, chúng tôi mạn phép đưa ra một lời báo động và một lời kêu gọi.

- Cùng nhau, chúng ta hãy giữ cho tờ báo ý kiến còn lại này được bền vững để làm nhiệm vụ của nó. *Thông Luận* phải hiện diện trong giai đoạn chuyển hóa quan trọng này khi Việt Nam vừa tiến một bước mới trong tiến trình hội nhập với thế giới và sự đàn áp dân chủ không thể hung bạo như trước nữa.

*Thông Luận* sẽ hiện diện để làm nhiệm vụ của nó. Tuy vậy, gần mười ngàn USD mỗi năm để tài trợ cho tờ báo là một số tiền quan trọng mà Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên có thể sử dụng vào những mục tiêu rất cần thiết, như yểm trợ anh em dân chủ trong nước. Yểm trợ *Thông Luận*, bằng đóng góp tài chính hay bằng cách vận động giúp gia tăng số độc giả mua báo dài hạn, vì vậy cũng là tham gia vào cuộc vận động dân chủ.

Nguyễn Văn Huy  
Chủ nhiệm

# Kế hoạch hiện đại hóa quốc phòng lần thứ hai tại ASEAN

Nguyễn Minh

## Kế hoạch hiện đại hóa quốc phòng lần thứ hai

Trong cuộc chạy đua vũ trang ngày càng tăng cường độ tại Đông Á, các quốc gia ASEAN đang tiến hành kế hoạch hiện đại hóa quân sự lần thứ hai.

Kế hoạch hiện đại hóa lần thứ nhất bắt đầu từ giữa thập niên 1980 đến giữa thập niên 1990. Lý do của kế hoạch hiện đại hóa này là vào thời điểm đó Đặng Tiểu Bình lên cầm quyền tại Trung Quốc, Bắc Kinh chủ trương dùng vũ lực bành trướng ra Biển Đông (chiếm một số đảo và bãi san hô trong quần đảo Trường Sa) và công bố một lãnh hải mới bao trùm cả một vùng biển rộng lớn kéo dài tới Đông Nam Á. Trước đe dọa này, các quốc gia ASEAN, lúc đó chưa có sự gia nhập của ba nước Đông Dương, nhờ có tỷ lệ phát triển kinh tế cao liên tục trong nhiều năm nên đã có dư ngoại tệ để tân trang lại kho vũ khí để đối đầu với sự bành trướng của Trung Quốc ra Biển Đông. Nhưng kế hoạch hiện đại hóa lần thứ nhất này đã bị khựng lại sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, nguồn dự trữ ngoại tệ của một số quốc gia ASEAN, đặc biệt là Thái Lan và Indonesia, bị cạn kiệt. Trừ Singapore, mọi dự án canh tân quốc phòng của các quốc gia ASEAN khác đều bị đình chỉ hoặc bãi bỏ mặc dù đã được quốc hội thông qua.

Từ đầu thế kỷ 21, sinh hoạt kinh tế của các nước ASEAN khởi sắc trở lại, những kế hoạch hiện đại hóa quốc phòng bị đình chỉ hay đình hoãn trước kia đã được phục hồi trở lại, nhưng với những vận tốc khác nhau. Trong hai năm 2004-2005, 4 nước có tỷ lệ phát triển kinh tế cao đã dành cho quốc phòng một ngân sách lớn trong GDP của mình: Miến Điện (9%), Việt Nam (6,9%), Brunei (5,6%), Singapore (4,7%), trong khi đó Indonesia chỉ dành cho quốc phòng 2,8%, Thái: 0,35%.

Điểm nổi bật của đợt hiện đại hóa quốc phòng lần này là sự gia tăng rất đáng kể cả về số lượng lẫn chất lượng của các loại chiến xa, tàu chiến, tàu ngầm, chiến đấu cơ, máy bay vận tải và tàu đổ bộ loại lớn. Phần lớn các chiến cụ này đều nhập từ nước ngoài, nhưng về tàu chiến, tàu đổ bộ và các loại súng ống khác thì một số đã được sản xuất tại chỗ.

Sau đây là một vài số liệu tóm lược về các loại trang thiết bị quân sự nhập từ năm 2000 đến 2006 (The World Defence Almanach 2006 và Jane's Fighting Ships 2006-2007).

Về bộ binh: Indonesia nhập 2 trực thăng tấn công Mi-35 của Nga. Malaysia nhập 4 thiết giáp tốc độ nhanh của châu Âu A400M, 48 chiến xa PT-91 M (và đặt mua thêm 48 chiếc khác) của Ba Lan và 211 xe bọc thép ACU-300 từ Thổ Nhĩ Kỳ. Singapore đưa vào sử dụng 100 thiết giáp xa Bionics, 50 khẩu đại bác 155 mm, các loại đầu đạn 155 mm, 50 đại bác di động SPH, tất cả đều được chế tạo tại chỗ. Thái Lan vừa trang bị thêm cho bộ binh 6 trực thăng S-70B và 8 trực thăng UH-60L của Mỹ.

Về hải quân: Brunei nhập 3 tàu Corvette 1940 tấn từ Anh (2004), Indonesia tăng cường thêm 4 tàu tuần tiểu PBF7 chế tạo trong nước và nhập một tàu đổ bộ lớn của Đại Hàn. Malaysia mua 2 tuần dương hạm của Anh, 6 chiếc Corvette cấp Keda mua của Đức. Philippines đưa vào sử dụng 3 chiếc Corvette 1.100 tấn tự đóng trong nước. Singapore mua thêm 4 tàu ngầm cấp Challenger của Thụy Điển và 4 tàu đổ bộ tự sản xuất trong nước. Thái Lan đưa vào hoạt động 3 tàu tuần tiểu tự chế. Việt Nam đưa vào sử dụng 2 tàu Corvette BPS 500 (500 tấn) mua công thức của Nga đóng trong nước, 12 tàu phóng hỏa tiền cấp Tarantul của Nga, 10 tàu tuần tiểu của Nga.

Về không quân: Indonesia nhập 2 chiến đấu cơ Su-27 SK, 2 oanh tạc cơ Su-30 MK của Nga và 20 khu trục cơ Hawk của Anh. Philippines trang bị thêm 10 chiến đấu cơ Mig-29 mua của Nga và 12 khu trục cơ K-8 mua của Trung Quốc. Singapore mua thêm 14 trực thăng CH-47/SD và 8 trực thăng AH-64D của Mỹ và 75 hỏa tiễn đối không với bằng sáng chế của Nga. Thái Lan mua 6 oanh tạc cơ Su-30 MK của Nga. Việt Nam mua 2 máy bay tuần thám trên biển M-28 của Ba Lan, 12 chiến đấu cơ Su-27 SK và 60 oanh tạc cơ Su-30 MK của Nga.

## Khả năng trang bị quân sự của các nước ASEAN

1. Brunei: Nước này có nguồn lợi tức do xuất khẩu dầu mang lại rất cao nhưng vấn đề lớn nhất trong quốc phòng là thiếu người, do đó kế hoạch nhập khẩu trang bị quân sự mới có phần chậm trễ. Brunei có 8.000 quân nhân trên một dân số 36.500 người (2004). Brunei vừa mua 3 chiếc Corvette mới (trọng tải 1940 tấn) nhưng không cung cấp đủ thủy thủ vì mỗi chiếc cần 79 người. Do thiếu người nên kế hoạch sử dụng máy bay tuần tiểu trên biển và các hỏa tiễn địa đối không cứ bị đình chỉ. Ưu tiên về quốc phòng của Brunei hiện nay là chống khủng bố, chống nhập thuốc phiện lậu, chống đánh cá lậu và bảo vệ vùng kinh tế độc quyền trên biển cả.

2. Philippines: Vì phải đối đầu với nhiều thế lực chống đối chính phủ, kế hoạch hiện đại hóa quốc phòng của Philippines có phần chậm trễ hơn so với các nước ASEAN khác. Phải chờ đến năm 2006 này Philippines mới có kế hoạch hiện đại hóa mỗi năm 12 đại đội bộ binh, 2 đại đội thủy quân lục chiến, một phi đoàn không quân. Tuy nhiên Phi đang gặp khó khăn về tài chính, nếu không có sự giúp đỡ của nước ngoài khả năng hiện đại hóa quốc phòng rất khó thành công. Cho đến năm 2006, Philippines chỉ đủ khả năng mua lại của Singapore 20 chiếc trực thăng UH-1H cũ do Mỹ chế để tân trang lại cho quân đội Phi.

3. Indonesia là một quốc gia có nhiều vấn đề về đối nội (khủng bố của phái Hồi giáo quá khích, phong trào đòi ly khai độc lập của Ache của Papua) và đối ngoại (phân chia lãnh hải với Đông Papua và Mã Lai) nhất trong ASEAN.

Ngoài ra Indonesia còn phải đương đầu với nạn hải tặc ngày càng gia tăng quanh các eo biển và hải đảo có tàu bè quốc tế qua lại. Vì có một lãnh thổ và lãnh hải trải rộng gần 5.000 km chiều dài và hơn 2000 km chiều ngang, khả năng phòng thủ chính của Indonesia dựa vào không quân và hải quân, do đó rất tốn kém vì tất cả đều nhập từ nước ngoài. Năm 1997, kế hoạch hiện đại hóa quốc phòng của Indonesia bị ngừng trệ vì nguồn ngoại tệ bị cạn kiệt. Chỉ từ năm 2000 kế hoạch hiện đại hóa quốc phòng mới được tiến hành trở lại với tốc độ 2 chiếc Su-27 và 2 chiếc Su-30 mỗi năm. Nhưng từ đầu năm 2007, tốc độ trang bị mỗi năm sẽ là 6 chiếc. Indonesia cũng nhập từ Nga 2 trực thăng công kích Mi-35M và đang có kế hoạch nhập thêm. Hải quân vừa được trang bị thêm một tàu vận tải và đổ bộ đa năng mua từ Hàn Quốc, hiện đang có kế hoạch mua thêm 5 chiếc nữa. Hải quân Indonesia cũng vừa trang bị thêm hai tàu Corvette 1.700 tấn mua của Hà Lan và nhiều trang thiết bị cần thiết khác mua từ Ba Lan : máy bay tuần tiểu hải dương, hỏa tiễn đối không, pháo cao xạ.... Họ cũng đưa vào sử dụng hai tàu phóng hỏa tiễn tự chế.

4. Campuchia : Từ năm 2000 Campuchia đã đưa ra chiến lược "mềm dẻo để đối ứng" và kế hoạch tái phối trí lại quân đội. Những dự định quốc phòng như tổ chức lại những binh đoàn thân cận của thủ tướng Hun Sen như lữ đoàn không kỵ 911 và lữ đoàn bộ binh 70, nhưng đến nay vẫn chưa đi đến đâu. Hiện nay Trung Quốc là quốc gia viện trợ nhiều nhất về quân sự cho Campuchia, con số là bao nhiêu rất khó biết được. Sự giúp đỡ này có thể nhìn thấy được qua việc tăng cường và trang bị hai lực lượng biên phòng dọc vùng biên giới và trên biển của Campuchia, cụ thể là số lượng hải thuyền trên các sông rạch và các tàu tuần tiểu ven biển.

5. Lào : Ít ai có được số liệu chính xác về quốc phòng và trang bị quân sự của Lào. Cũng như Campuchia, Trung Quốc là quốc gia viện trợ quân sự nhiều nhất cho Lào (các loại súng đạn và hệ thống truyền tin) và nhận huấn luyện binh sĩ Lào sử dụng các thiết bị quân sự của Trung Quốc. Cho đến năm 2006 Lào đã trang bị cho không quân 12 trực thăng Mi-17 của Nga.

6. Miến Điện : Vì khá cô lập với quốc tế, ít ai biết rõ năng lực quốc phòng của Miến Điện. Bù lại mọi người đều biết chính quyền quân đội Miến Điện đang gặp khó khăn trong việc đối phó với hai thế lực đòi tự trị của các người Karen và Shan. Hai lực lượng này tiếp tục hùng cứ tại hai vùng đông-nam và đông-bắc Miến, và sống nhờ vào việc chuyên chở và buôn bán thuốc phiện. Sở dĩ quân đội Miến Điện không dám tiến sâu vào sào huyệt của các nhóm dân cư này là vì không đủ quân số, số người đào ngũ ngày càng đông vì đồng lương quá thấp và thức ăn tồi tệ. Có nhiều đại đội chỉ có từ 200 đến 300 binh lính thay vì 750 người như qui định. Tuy vậy cố gắng hiện đại hóa quân đội Miến Điện vẫn được tiến hành một cách đều đặn, chẳng hạn vào giữa năm 2003 mua 1.000 xe thiết giáp từ Ukraine để bảo vệ đường biên giới dài với Thái, Trung Quốc và Bangladesh. Có thể suy đoán thêm là giới lãnh đạo Miến Điện muốn thoát khỏi ảnh hưởng của Trung Quốc nên đã cố

gắng tìm mua những loại vũ khí mới từ những quốc gia khác như cho gắn thêm trên các Corvette do Trung Quốc giúp đóng các trọng pháo của Ý, radar và sonar của Israel. Ngoài ra Miến Điện còn mua thêm 10 chiến đấu cơ Mig-29 của Nga.

### **Khả năng hiện đại hóa quốc phòng của Việt Nam**

Điều đáng để ý là từ năm 2000 Việt Nam bắt đầu dồn sức trang bị cho hải quân và không quân để có thể đối đầu với các loại vũ khí hiện đại của các nước lớn. Việt Nam đã mua rất nhiều chiến thuyền mới của Nga như 10 tàu phóng ngư lôi, 2 tuần dương hạm 1.900 tấn, v.v. Ngoài ra Việt Nam còn mua thêm các loại máy bay chiến đấu của Nga như 22 chiến đấu cơ Su-22M, 12 chiến đấu cơ Su-27, 8 oanh tạc cơ Su-30 MK, 10 máy bay tuần tiểu NV-28. Như vậy tầm hoạt động của hải quân và không quân Việt Nam có thể triển khai từ Đà Loan đến Vịnh Thái Lan, có khả năng trinh sát thường xuyên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Thêm vào đó lực lượng phòng không cũng được trang bị thêm các dàn hỏa tiễn địa đối không S-300 PMU1 có khả năng nghênh kích phi cơ địch từ xa 100 km.

Từ trước đa số các vũ khí trang bị cho quân đội Việt Nam đều mua từ Nga hoặc Trung Quốc, nhưng gần đây nguồn cung cấp này đã được đa dạng hóa. Năm 2006, bộ binh Việt Nam được trang bị thêm 150 chiến xa T-72 của Serbia-Montenegro, không quân được trang bị thêm 22 oanh tạc cơ Su-22M4 của Ba Lan.

Nếu chịu khó quan sát, lần này Việt Nam không đặt mua vũ khí của Trung Quốc mặc dù Trung Quốc tìm đủ cách để bán rẻ, hay trả bằng nguyên nhiên liệu. Một dữ kiện khác nữa là chính quyền cộng sản Việt Nam chấp nhận ký kết với các quốc gia không thuộc phe cộng sản cũ là khối Commonwealth (Anh, Úc, Tân Tây Lan, Canada) và Nhật qua trung gian của Singapore để sử dụng Cam Ranh để hiện đại hóa quân đội, hay chấp nhận tham gia các cuộc diễn tập quân sự chung trên biển cả.

Một yếu tố tích cực khác nữa là từ năm 2004 Việt Nam chấp nhận công bố sách trắng về quốc phòng, qua đó người ta nhận xét trong nhiều năm liên tiếp Việt Nam đã chi mỗi năm 1,15 tỷ USD cho quốc phòng, khoảng 2,5% GDP. Theo The World Fact Book 2002-2005, chi phí quốc phòng thực sự của Việt Nam trong khoảng thời gian đó là 12,95 tỷ USD, riêng năm 1998 chỉ 6,5 triệu USD. Sở nghiên cứu chiến lược của Anh (IISS) trong Military Balance cho biết chi phí quốc phòng thực sự của Việt Nam trong năm 2004 là 3,17 tỷ USD, khoảng 6,9% GDP, tức gấp ba lần con số của sách trắng quốc phòng của Việt Nam.

Trong cuộc chạy đua vũ trang giữa các quốc gia trong vùng Đông Á và Đông Nam Á này, những quốc gia còn nghèo khó như Việt Nam đã rất mệt nhọc. Nhưng dù sao chấp nhận gia tăng kinh phí quốc phòng với những điều kiện khó khăn để hiện đại hóa quân đội vẫn là một tín hiệu tốt. Càng tốt hơn là chính quyền Việt Nam đang cố gắng tìm các nguồn cung cấp vũ khí khác với khối cộng sản cũ. Sự độc lập nào cũng có một giá phải trả.

**Nguyễn Minh (Tokyo)**

# 2007 : LÀM GÌ ĐỂ THẮNG ?

*Nguyễn Gia Kiểng*

Đầu năm thường vẫn là dịp của những suy nghĩ và quyết định. Điều này càng đúng cho năm 2007.

Nhận định rõ rệt đầu tiên là phải dám tin rằng có thể giành thắng lợi cho dân chủ, bởi vì tùy ở chỗ có lòng tin ở thắng lợi hay không mà người ta suy nghĩ và hành động một cách khác hẳn. Điều này có thể nhiều người cho là ngây ngô. Chúng ta chẳng đã từng gào thét liên tục trong hàng thập niên rằng chế độ cộng sản chắc chắn sẽ sụp đổ, dân chủ nhất định sẽ thắng hay sao ? Tuy nhiên nếu nhìn kỹ những gì đã xảy ra thì có thể đó chỉ là những khẳng định nguyên tắc và bắt buộc thôi. Đại bộ phận những người và tổ chức đối lập không hành động như những người có niềm tin ở thắng lợi. Sự kiện sau hơn 30 năm vẫn chưa có được một tổ chức dân chủ mạnh, hơn thế nữa phần lớn các tổ chức đối lập tan rã hoặc yếu đi cũng chứng tỏ một sự thiếu niềm tin rõ rệt. Mọi nghiên cứu tâm lý xã hội đều quả quyết rằng khi đã tin tưởng có thể thay đổi được tình thế người ta sẽ *tự động* thành lập hoặc tìm đến với các tổ chức - bởi vì tổ chức không gì khác

hơn là một nhịp cầu nối liền một hiện tại không thể chấp nhận và một ước mơ có thể trở thành sự thực. Trong phần sau chúng ta sẽ bàn thêm về lý do của sự thiếu tự tin này, ở đây chúng ta tạm thời chỉ nói trước một điều : sự bi quan này vô lý vì không có gì mạnh bằng một ý kiến đã chín muồi ; dân chủ ngày nay là một ước vọng đã chín muồi và được sự chuyên chở của cả một trào lưu áp đảo và không thể đảo ngược trên thế giới, chọn lựa dân chủ là chọn hướng đi tất yếu và tất thắng của lịch sử.

Nhận định rõ rệt thứ hai là Việt Nam bắt buộc phải có dân chủ nếu muốn có một tương lai.

Không cần lý thuyết nhiều, chỉ cần nhìn vào tình trạng đất nước. Hãy lấy hai điều mà mọi người, đối lập cũng như đảng và nhà nước cộng sản, lãnh đạo tối cao cũng như cán bộ cơ sở và thường dân đều đồng ý. *Một* là chúng ta đang bị quốc nạn tham nhũng tàn phá một cách kinh khủng, chống tham nhũng là cuộc chiến đấu sống còn. *Hai* là chúng ta đang tụt hậu một cách bi đát ; ai ngờ vực xin cứ nhìn vào những xí nghiệp của chúng ta : đại bộ phận là những xí nghiệp gia công quần áo và giấy dếp, đóng bao bì, nông phẩm và hải sản đông lạnh. Trên hai vấn đề này, cùng với vô số vấn đề nghiêm trọng khác, đất nước nhất định phải có giải pháp thật nhanh chóng.

Về tham nhũng tôi đã có một nhận định về lý thuyết (1). Ở đây chỉ xin đặt một câu hỏi : trong lịch sử thế giới đã bao giờ có trường hợp một chính quyền tham nhũng tự cải tiến để biến thành một chính quyền không tham nhũng chưa ? Câu trả lời dứt khoát là chưa bởi vì không thể có. Người ta không thể biến một chính quyền tham nhũng

thành một chính quyền không tham nhũng, người ta chỉ có thể thay thế nó bằng một chính quyền khác. Chấm. Nhưng làm thế nào để thay thế một chính quyền mà không qua nội chiến, đổ vỡ và đổ máu ? Chỉ có dân chủ, qua những cuộc bầu cử tự do cho phép giải pháp này.

Về cuộc cách mạng tri thức đang diễn ra sôi nổi và sẽ quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của các dân tộc, cần ý thức thật rõ rệt một điều : ý kiến và sáng kiến là tất cả. Nhưng ý kiến và sáng kiến chỉ có thể nảy sinh nơi những con người tự do, trong những xã hội dân chủ. Những người lãnh đạo đảng cộng sản và những người dễ dãi với họ không hiểu được rằng khi một người bị cấm đoán thì khả năng bị suy giảm ngay cả trong những việc không bị cấm đoán. Một nhà khoa học có thể hoàn toàn không có ý định

làm thơ nhưng nếu bị cấm làm thơ ông cũng không thể sáng tạo ngay trong địa hạt khoa học.

Chúng ta phải có dân chủ nếu muốn có một tương lai. Không có giải pháp thay thế. Dân chủ có thể không phải là điều kiện đủ, nó không thay

thế được cho những chính sách đúng và những người trách nhiệm đúng, nhưng nó là điều kiện cần, nghĩa là phải có.

Phải có và hoàn toàn có thể có. Năm 2007 sẽ là một khúc quanh lớn.

Trong năm qua đất nước đã tiến một bước quan trọng trong tiến trình hội nhập với thế giới. Không nhiều thì ít đảng cộng sản cũng bắt buộc phải thích nghi với thực tại mới này và sẽ thay đổi cách đương đầu với đối lập dân chủ. Những biện pháp đàn áp phải giảm mức độ thô bạo nhưng, bù lại, chúng sẽ được phối hợp với những thủ đoạn đánh phá tinh vi hơn và thâm độc hơn, như tung ra các tổ chức dân chủ cuối, bội bản, gây chia rẽ, làm rối loạn hàng ngũ dân chủ và làm mất lòng tin của quần chúng đối với phong trào dân chủ. Nhưng dù thế nào đi nữa thì hoạt động dân chủ cũng sẽ thuận lợi hơn. Cốt lõi của đàn áp là sự hung bạo, khi sự hung bạo đã phải giảm xuống thì đàn áp không những mất hiệu quả mong muốn mà còn phản tác dụng. Các bản án một hai năm tù chẳng khủng bố tinh thần được ai mà còn kích thích sự chống đối. Trong giai đoạn sắp tới thành công hay thất bại chủ yếu tùy thuộc ở bản lĩnh của chính những người dân chủ. Họ có đủ sáng suốt để phân biệt giữa cái giả và cái thực, giữa sự hời hợt và sự nghiêm túc không ? Họ có sa vào những cái bẫy mà chính quyền cộng sản tung ra hay không ? Họ có đủ bản lĩnh không ? Đây là lúc rất cần sự chính xác.

Trước hết đừng lầm lẫn bản chất của cuộc đấu tranh này. Lý do chính của thái độ bi quan không tin tưởng vào thắng lợi là sự lẩn lộn đó. Phải hiểu thật rõ rệt rằng đây

là, và chỉ là, cuộc vận động dân chủ hóa đất nước. Mục tiêu của nó không phải là để tiêu diệt đảng cộng sản và những người cộng sản, một mục tiêu vừa sai vừa không thể thực hiện. Chính lầm lẫn này đã khiến nhiều người không thấy có hy vọng thắng lợi và hành động một cách vô trách nhiệm hay bỏ cuộc. Nếu chúng ta hiểu rằng đây chỉ là cuộc đấu tranh giành tự do và dân chủ cho đất nước thì vấn đề thành công hay thất bại sẽ khác hẳn. Lúc đó chỉ cần đất nước có dân chủ thôi là chúng ta đã toàn thắng rồi, bất kể người cầm quyền là ai. Và nếu hiểu như vậy thì thắng lợi không những có thể có mà còn hiển nhiên, tất cả chỉ là vấn đề thời gian.

Trên thực tế chúng ta *đã thắng lợi* khá nhiều. Sự hung bạo đã giảm rất nhiều và Việt Nam cũng không còn đóng kín với thế giới bên ngoài nữa. Khi một chế độ hung bạo không thể hung bạo nó sụp đổ. Khi một chế độ bưng bít không thể bưng bít nó sụp đổ. Những thay đổi quan trọng này không phải do thiện chí của đảng cộng sản, nó đã chỉ nhượng bộ miễn cưỡng dưới áp lực của thực tại, trong đó có những cố gắng bền bỉ, kể cả những hy sinh, của những người dân chủ. Trong hơn ba thập niên qua đã diễn ra một cuộc giằng co giữa một bên là xã hội Việt Nam cố gắng để tự cởi trói và bên kia là đảng cộng sản cố gắng để duy trì ách kềm kẹp, cán cân lực lượng đã không ngừng thay đổi một cách thuận lợi cho xã hội dân sự và ngày nay điểm đoạn tuyệt đã đạt tới.

Nhưng đảng cộng sản có thể mất quyền, thậm chí sụp đổ, mà đất nước vẫn không có dân chủ, thậm chí còn có thể rơi vào hỗn loạn. Dân chủ không đồng nghĩa với sự tiêu vong của đảng cộng sản. Muốn có dân chủ cũng cần suy nghĩ đúng để có thông điệp và hành động phù hợp.

Thông điệp mà ta phải gửi tới quần chúng là đảng cộng sản đang dẫn đất nước vào bế tắc. Đất nước tuy có tăng trưởng về mặt kinh tế nhưng không tăng trưởng một cách lành mạnh, ở mức độ đáng lẽ phải có. Tham nhũng đã khiến chênh lệch giàu nghèo quá lớn và của cải tập trung trong tay một số người rất nhỏ. Dưới chế độ cộng sản, Việt Nam đã tụt hậu bị dìm trong cuộc cách mạng tri thức hiện nay. Một thực tế phân công lao động mới đang hình thành trên thế giới trong đó có những nước nắm những ngành kỹ thuật cao và những nước khác đảm nhận những công việc nặng nhọc và lợi tức thấp ; số phận đang chờ đợi đại bộ phận dân tộc là số phận thua kém của những người lao động tay chân.

Những điều này có thể đa số đã biết, nhưng làm thế nào để ra khỏi bế tắc ? Tất cả mọi nghiên cứu về tâm lý học, xã hội học và chính trị học đều đồng ý trên một kết luận dứt khoát : một khối người dù đông đảo đến đâu và hoàn toàn đồng ý với nhau về sự thua thiệt và những nguy cơ của mình cũng sẽ *không* có hành động tập thể để thay đổi thực tại, trái lại mỗi người chỉ cố gắng luồn lách để tìm lối thoát cá nhân cho riêng mình, và thực tại tồi tệ vẫn tiếp tục. Hành động tập thể cần có để thay đổi thực tại bao giờ cũng phải do sự động viên và điều động của một tổ chức, cố gắng động viên này có thành công hay không tùy thuộc ở

tâm vóc và sự gắn bó của tổ chức.

Những ai ngờ vực kết luận này có thể đặt một câu hỏi khác để tự tìm giải đáp : đã có bao giờ có trường hợp một dân tộc giành được thắng lợi cho dân chủ mà không có một tổ chức dân chủ mạnh ?

Vậy thì vấn đề đặt ra không phải là thuyết phục quần chúng rằng phải thay đổi chế độ này, quần chúng đã đồng ý rồi ; vấn đề đặt ra là động viên quần chúng tham gia cuộc đấu tranh cho dân chủ, và điều này chỉ có các tổ chức mới làm được.

Những người ít nhiều tham gia vào cuộc đấu tranh cho dân chủ đều đồng ý rằng trở ngại chính không phải là chỉ đảng cộng sản mà còn là sự thụ động của quần chúng. Vậy thông điệp mà ta phải gửi tới quần chúng là mỗi người không thể luồn lách, tìm cách giải quyết các vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân được, mà phải có một giải pháp chung cho đất nước và như thế phải hành động chung. Không phải ai cũng đủ tư cách để gửi thông điệp này, bởi vì sức thuyết phục của nó tùy thuộc cả lời nói lẫn người nói.

Đến đây xin có vài lời về một cách làm chính trị : chủ nghĩa nhân sĩ. Cần minh định rằng có những chuyên gia về chính trị không tham gia vào hoạt động chính trị ; họ làm công việc nghiên cứu và bình luận để đóng góp làm sáng tỏ một số vấn đề. Đây là vai trò cần thiết cho sinh hoạt chính trị trong mọi giai đoạn. Họ không phải là những người hoạt động chính trị kiểu nhân sĩ vì lý do giản dị là họ không có tham vọng hoạt động chính trị. Nhân sĩ, trái lại, là một người có tham vọng chính trị, mong muốn một vai trò quyền lực nào đó nhưng không tham gia một tổ chức nào, mà hành động với tư cách cá nhân, với hy vọng thành tích và tài năng cá nhân của mình có thể giúp mình đạt mục tiêu. Chủ nghĩa nhân sĩ đã gây rất nhiều tác hại, và có nhiều triển vọng sẽ được sử dụng như một vũ khí chống dân chủ.

Trước hết, nó là một thể hiện của chủ nghĩa luồn lách trong chính trị, bởi vì nó cũng là một cách để giải quyết vấn đề cá nhân (tham vọng chính trị, ước mơ quyền lực và ảnh hưởng) bằng những hành động cá nhân. Luồn lách là phản ứng thông thường của những cá nhân bất lực và sợ hãi ; điều nghịch lý là chủ nghĩa nhân sĩ đem thể hiện nó trong một trường hợp mà việc đầu tiên phải làm là thuyết phục quần chúng kết hợp lại thành đội ngũ và đấu tranh có tổ chức. Các chính khách nhân sĩ không thể thành công (ai tin lời kêu gọi kết hợp của một người đã chứng minh bằng chính bản thân rằng ông ta không chịu đứng hay không thể đứng trong một tổ chức nào cả ?) nhưng họ còn tác hại, bởi vì để biện hộ cho cách hoạt động của họ, họ phải lý luận rằng không cần có tổ chức hoặc không có tổ chức nào đáng hưởng ứng cả. Vô tình hay cố ý họ làm nản lòng thay vì động viên quần chúng và đóng góp giữ phong trào dân chủ trong thế bất lực, vì một lần nữa cần nhắc lại một sự thực hiển nhiên là không có tổ chức thì không làm được gì cả. Chính quyền cộng sản không thể mơ ước một đồng minh quý báu hơn. Lý do cũng thường được viện dẫn là không có

những lãnh tụ xứng đáng, điều khôi hài là có vô số nhân sĩ thấy mình xứng đáng giữ vai trò lãnh đạo.

Một chính khách nhân sĩ chỉ có thể là một người cơ hội và vọng ngoại, bởi vì nếu không có lực lượng họ chỉ có thể hy vọng một cơ may nào đó giúp cho họ tham gia chính quyền mà thôi, và cơ may này chỉ có thể đến từ bên ngoài. Chúng ta có thể nhận xét là các nhân sĩ rất siêng năng châu chực những cơ quan và nhân vật nước ngoài và cũng rất háo hức trước những dịp mà họ tưởng là cơ hội lớn.

Chủ nghĩa nhân sĩ là một bệnh hoạn mà chúng ta thừa hưởng ở di sản lịch sử và văn hóa Khổng giáo. Văn hóa Khổng giáo dạy kẻ sĩ ở ẩn chờ thời cho đến khi thấy được một minh chúa. Cái triết lý minh chủ cũng rất huyền bí, minh chủ là do số trời. Nhưng số trời thì ai biết được, biết đâu mình lại chẳng có số làm lãnh tụ ? Và người ta làm chính trị như đi mua vé số. Sở dĩ tâm lý này vẫn còn dai dẳng vì trong suốt giai đoạn lịch sử vừa qua đất nước ta, trước một đảng cộng sản cai trị một cách không khác với một chế độ quân chủ tuyệt đối bao nhiêu, những người được đưa lên cầm quyền đều không phải do lực lượng của mình mà có được chính quyền, tất cả đều chỉ do sự chọn lựa tùy tiện của ngoại bang, không khác gì một cuộc xổ số. Cái tâm lý không phục ai, coi thường mọi người cũng là di sản của các chế độ nô lệ ngoại bang và bản xứ kế tiếp nhau trong suốt dòng lịch sử. Các tập thể nô lệ có đặc điểm chung là không quý trọng nhau và chỉ nể người ngoại quốc. Đó là một tâm lý mà chúng ta cần khắc phục.

Chúng ta phải dứt khoát khước từ chủ nghĩa nhân sĩ dưới mọi thể hiện của nó.

Ngoài những nhóm nhỏ vài ba người qui tụ chung quanh một nhân sĩ, hay do kết hợp quyền lợi của một vài nhân sĩ, mà ta có thể đồng hóa với cách làm chính trị nhân sĩ, một trong những thể hiện này là các liên minh lỏng lẻo và các buổi họp mặt theo công thức "ngồi lại với nhau". Cần nói rõ : những sinh hoạt này tự chúng là tốt, chúng cho phép trao đổi ý kiến, tìm hiểu lẫn nhau, kể cả phối hợp hành động trong những công tác cụ thể có thời hạn nhất định. Sai lầm là ở chỗ người ta thường coi như thế là đủ để thay thế các tổ chức đích thực. Người ta cố đánh lừa mình để tin như vậy, bởi vì người ta muốn như vậy. Các công thức này cho phép các nhân sĩ không có tổ chức, hay những nhóm nhỏ, cái ảo tưởng là được đóng một vai trò quan trọng trong một cơ cấu lớn mà không cần kinh qua những khó khăn để xây dựng tổ chức. Chúng ta hãy tự hỏi trong hơn 30 năm qua đã có bao nhiêu cuộc họp mặt trong đó người ta gặp nhau thân mật, trao đổi ý kiến rất nhiệt tình và chia tay với tất cả thiện chí, nhưng đã có những kết quả nào ? Đã có bao nhiêu liên minh, liên kết qui tụ hàng chục, có khi hàng trăm tổ chức, nhưng những kết hợp này đâu rồi và còn để lại gì ? Sao chúng ta không biết rút kinh nghiệm ? Sao ta cứ lặp lại mãi một sai lầm đã kéo dài hàng mấy chục năm và sau cùng chẳng thỏa mãn được ai ?

Tôi không nghĩ như Lênin là đấu tranh chính trị chỉ có ba vấn đề : tổ chức, tổ chức và tổ chức. Nhưng ít nhất ngày nay khi đã tương đối có đồng thuận lành mạnh về lập

trường rồi thì tổ chức gần như là tất cả. Phải xây dựng tổ chức, dù khó khăn đến đâu cũng phải làm vì đó là điều kiện không có không được.

Vấn đề cơ bản của một tổ chức dân chủ là dung hòa giữa hai hiệu ứng mâu thuẫn : hội nhập và phân biệt. Một mặt phải có hội nhập, nghĩa là đồng thuận trong ý kiến và gắn bó trong hành động, để có sức mạnh tập thể. Mặt khác, nhu cầu tự nhiên của mỗi thành viên là muốn phân biệt mình với các thành viên khác trong tổ chức để xác nhận chỗ đứng của mình và giành một tầm quan trọng. Hiệu ứng hội nhập phải mạnh hơn hiệu ứng phân biệt thì tổ chức mới hoạt động được và tồn tại được. Trong trường hợp ngược lại tổ chức không những vô ích mà còn có hại vì chỉ phí phạm sinh lực để hòa giải những xung đột. Cái gì đúng cho một tổ chức cũng đúng cho một liên minh ; đó là lý do khiến các liên minh không thể tồn tại lâu dài được, và thay vì là một môi trường kết hợp trở thành một môi trường xung đột.

Để có hội nhập mạnh cần có một đồng thuận mạnh, không những trên các mục tiêu mà cả trên các phương tiện để đạt tới ; cần có sự hiểu biết và quý mến lẫn nhau qua một quá trình làm việc chung ; cần biết khả năng, sở trường của mỗi người để phân công công tác một cách hợp lý ; và cần một cơ chế lãnh đạo thực sự. Tất cả những yếu tố này đều đòi hỏi nhiều thì giờ và cố gắng bền bỉ. Không thể xây dựng được một tổ chức đúng nghĩa trong một vài năm.

Xây dựng một tổ chức dân chủ rất khó, càng khó đối với người Việt Nam vì chúng ta chưa có kinh nghiệm xây dựng thành công một tổ chức dân chủ lớn (đảng cộng sản dĩ nhiên không phải là kinh nghiệm xây dựng một tổ chức dân chủ). Những người nô lệ có thể làm việc từng đoàn đông đảo một cách ngoan ngoãn và chịu đựng những hy sinh ghê gớm dưới sự sợ hãi, nhưng kết hợp tự nguyện, hy sinh tự kiến và lòng tự ái để đặt mình dưới một cơ chế dù không hề bị đe dọa là điều mà chỉ có những con người rất thông minh và rất văn minh mới làm được. Chúng ta phải nhận thách đố này.

Cuộc đấu tranh của chúng ta là một cuộc cách mạng văn hóa. Nó nhắm thay đổi quan niệm chính quyền khổng chế và cưỡng bức bằng một quan niệm chính quyền đối thoại và hợp tác ; thay thế cách giải quyết các mâu thuẫn bằng bạo lực và tàn sát bằng cách giải quyết hòa bình và tương kính ; thay thế quan niệm *chức quyền* bằng quan niệm *chức trách* ; thay thế những bạo chúa bằng những người đại diện được ủy nhiệm ; biến những con người nô lệ thành những con người tự do. Nó là cuộc chiến đấu rất cao quý, rất xứng đáng để chúng ta chấp nhận những khó khăn và hệ lụy của sinh hoạt tổ chức. Nhất là nếu chúng ta chấp nhận thử thách đó thì thắng lợi là chắc chắn.

**Nguyễn Gia Kiểng**

#### **Chú thích :**

(1) Nguyễn Gia Kiểng, "Một cách nhìn tham nhũng và chống tham nhũng" (*Thông Luận* số 202, tháng 4-2006, trang 6-7)

# HIỆP ƯỚC BIÊN GIỚI VIỆT-TRUNG

Trương Nhân Tuấn

LTS : Ngày 15 tháng 12 vừa qua, cụ Phạm Quế Dương đặt vấn đề với nhà nước, qua một bài viết đăng trên báo *Tổ Quốc* số 7, yêu cầu công bố bộ bản đồ đính kèm Hiệp Ước Biên Giới Trên Đất Liền ký với Trung Quốc ngày 30 tháng 12 năm 1999. Bốn năm trước, tức năm 2002, cũng vì các bài viết liên quan về biên giới mà cụ bị nhà nước bắt bỏ tù. Chắc phải có những sự việc ray rức trong lòng nên hôm nay cụ mới lần nữa bất chấp hiểm nguy lên tiếng công khai trước công chúng. Hiệp ước đã ký bảy năm mà bộ bản đồ vẫn không ai biết. Tin đồn dãi rằng Việt Nam đã mất "ải Nam Quan", mất thác Bản Giốc, mất 720 km2 đất... đến hôm nay vẫn không thể kiểm chứng. Trưởng ban phân giới Việt Nam, có lần trả lời phỏng vấn BBC, nói rằng việc phân giới đến năm 2008 mới xong. Yêu cầu của cụ Dương vì thế có hợp lý không? Bài này xét lại tính hợp lý về yêu cầu của cụ Phạm Quế Dương.

## 1. Vài điểm ghi nhận về Hiệp Ước Biên Giới 1999

Nhà nước cộng sản Việt Nam đã ký lại với Trung Quốc Hiệp Ước Biên Giới Trên Đất Liền vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 tại Hà Nội. Hiệp ước này được thông qua do nghị quyết của Quốc Hội số 36/2000/QH10 ngày 9-6-2000. Điều đáng chú ý là các việc, từ thương thuyết, ký kết hiệp ước với Trung Quốc cho đến Quốc Hội thông qua, tất cả đều diễn ra trong bí mật. Hầu hết đại biểu Quốc Hội đều không biết nội dung của hiệp ước này ra sao mặc dầu họ đã biểu quyết thông qua. Còn người dân thì hầu như không ai biết. Người ta chỉ xôn xao bàn tán về hiệp ước này khi việc phân giới, cắm mốc được bắt đầu, tức vào khoảng cuối năm 2001. Từ đó có tin đồn rằng Việt Nam mất 720 km2 đất, trong đó có ải Nam Quan và thác Bản Giốc.

Hiệp ước gồm có hai phần : 1/ phần văn bản và 2/ là bộ bản đồ đính kèm. Điều II của hiệp ước, dài nhất và quan trọng nhất, mô tả đường biên giới. Theo đó đường biên giới được vẽ bằng "đường đỏ" trên bản đồ tỉ lệ 1/50.000. Hướng đi của đường biên giới, vị trí các giới điểm, tọa độ tương đối các cao điểm... ghi trong hiệp ước là dựa trên bộ bản đồ này để mô tả lại. Phần cuối điều II của hiệp ước xác nhận điều này : *"Đường biên giới trên đất liền được vẽ bằng đường đỏ trên bản đồ tỷ lệ 1/50.000 do hai bên cùng xác định, độ dài và diện tích dùng trong mô tả đường biên giới được đo từ bản đồ này. Bộ bản đồ nói trên đính kèm Hiệp ước này là bộ phận cấu thành không thể tách rời của Hiệp ước"*.

Điều I của hiệp ước ghi : *"Hai Bên ký kết lấy các Công ước lịch sử về biên giới hiện nay giữa Việt Nam và Trung Quốc làm cơ sở"*.

Công ước lịch sử ở đây phải là công ước Pháp-Thanh 1887 về phân định biên giới. Ông Lê Công Phụng, thứ trưởng bộ ngoại giao, trưởng ban biên giới, người có trách nhiệm hiệp ước, trả lời phỏng vấn của *Việt Nam Thông Tấn Xã* vào đầu năm 2002, xác nhận việc này : *"Hai bên lấy các Công ước Pháp-Thanh năm 1887, 1895 cùng các văn kiện, bản đồ hoạch định và cắm mốc biên giới kèm theo, cũng như các mốc giới cắm theo quy định để xác định lại đường biên giới trên đất liền. Đây là nguyên tắc cơ bản và quan trọng"*.

Bộ bản đồ của công ước 1887 được thể hiện qua bộ bản

đồ của Sở Địa Dư Đông Dương 1/100.000. Nó vẫn còn hiệu lực pháp lý nếu hai bên - Trung Quốc và Việt Nam không phủ nhận nó để ký kết một hiệp ước khác. Hiệp ước biên giới giữa Lào và Việt Nam (ký năm 1978), hay hiệp ước Việt-Miên đang được thành hình hiện nay là dựa lên bộ bản đồ Đông Dương của Pháp.

Điều VI của hiệp ước qui định : *"Hai Bên ký kết quyết định thành lập ủy ban Liên hợp phân giới và cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam Trung Quốc (dưới đây gọi là ủy ban Liên hợp phân giới, cắm mốc) và giao cho ủy ban này nhiệm vụ xác định trên thực địa đường biên giới Việt Trung như đã nêu trong Điều II của Hiệp ước"*, cho thấy ban phân giới chỉ có trách nhiệm "xác định trên thực địa" đường biên giới theo tiêu chuẩn của bộ bản đồ 1/50.000 đính kèm hiệp ước. Có nghĩa là những người này sẽ làm các công tác như đã được xác định ở điều IV : *"cắm mốc, xác định vị trí chính xác của đường sống núi, đường phân thủy, trung tuyến của dòng chảy hoặc dòng chảy chính, trung tuyến luồng chính tàu thuyền đi lại... xác định rõ sự quy thuộc của các cồn, bãi trên sông suối biên giới..."*.

Như vậy, đường biên giới theo Hiệp ước 1999, trước hết thành hình trên bản đồ, sau đó mới xác định trên thực địa qua các mốc giới. Việc cắm mốc chỉ cụ thể hóa các chi tiết của bộ bản đồ trên thực địa mà thôi.

Điều 1 ghi : *"Hai Bên ký kết lấy các Công ước lịch sử về biên giới hiện nay giữa Việt Nam và Trung Quốc làm cơ sở, căn cứ vào các nguyên tắc luật pháp quốc tế được công nhận cũng như các thỏa thuận đạt được trong quá trình đàm phán về vấn đề biên giới Việt - Trung..."* cho thấy ngoài "các công ước lịch sử", Hiệp Ước Biên Giới 1999 còn được đặt cơ sở trên "các thỏa thuận đã đạt được trong quá khứ". Các thỏa thuận này là các thỏa thuận nào ? Khi nào ? Người dân có biết không ? Quốc Hội có biết không ? Chúng đã làm đường biên giới pháp lý 1887 thay đổi như thế nào ? Đến nay hình như chỉ có một số rất nhỏ người Việt biết đến những thay đổi này.

Phần văn bản hiệp ước được báo *Nhân Dân điện tử* công bố vào tháng 8 năm 2002 sau nhiều phê bình, phản đối, chỉ trích, lên án... của nhiều nhân sĩ yêu nước trong và ngoài nước. Nhiều người cho rằng đảng cộng sản Việt Nam "bán đất và biển cho Tàu", mục đích công bố phần

văn bản chắc chắn nhằm vào việc xoa dịu dư luận chứ không nhằm bạch hóa vấn đề. Một số nhân sĩ ở trong nước, như cụ Phạm Quế Dương, anh Lê Chí Quang, anh Nguyễn Vũ Bình... đã bị nhà cầm quyền bắt bỏ tù vì đã lên tiếng chỉ trích mạnh mẽ thái độ của nhà nước về sự không minh bạch này. Riêng anh Nguyễn Vũ Bình đến nay vẫn còn bị cầm tù.

Bộ bản đồ, "bộ phận cấu thành không thể tách rời của hiệp ước", vẫn bị tách rời, không công bố. Bảy năm sau khi hiệp ước được ký kết, không ai biết được bộ bản đồ này ra sao.

## 2. Hiệp ước biên giới 12-1999 có làm cho Việt Nam mất đất hay không ?

Ông Lê Công Phụng trả lời phóng viên Việt Nam Thông Tấn Xã việc này như sau :

"Trước hết, với tư cách là trưởng đoàn đàm phán cấp chính phủ về biên giới, lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc, tôi xin khẳng định tin về việc ta để mất đến 700 km<sup>2</sup> đất là không đúng và không có cơ sở. Bởi vì, như trên đã nêu, sau khi đối chiếu đường biên giới chủ trương của hai bên theo đường biên giới Pháp-Thanh, thì toàn bộ diện tích hai bên tranh chấp ở 164 khu vực C chỉ khoảng 227 km<sup>2</sup>. Trong số đó khoảng 113 km<sup>2</sup> thuộc Việt Nam và khoảng 114 km<sup>2</sup> thuộc Trung Quốc ; tức là diện tích được giải quyết cho mỗi bên xấp xỉ ngang nhau, thì không thể có việc ta bị mất hàng trăm cây số vuông được".

Nhưng lời của ông Phụng không ai có thể kiểm chứng vì bộ bản đồ đính kèm chưa công bố.

Tuy nhiên, theo hồi ký "Hồi ức và Suy nghĩ" của nguyên thứ trưởng bộ ngoại giao Trần Quang Cơ thì Trung Quốc đã có những hành động xâm lấn lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam : "Trong khi trên bộ, Trung Quốc không có dấu hiệu nào muốn giải quyết các vấn đề tồn tại về biên giới, lại còn làm xấu thêm tình hình (xâm canh xâm cư, xây kè cống làm thay đổi dòng chảy các sông suối biên giới có lợi cho Trung Quốc, lấn sang phía ta) thì trên biển Trung Quốc liên tiếp có những bước leo thang nghiêm trọng từ tranh chấp ngoài biển Đông, Trung Quốc đã từng bước ngày càng lấn sâu vào thềm lục địa..."

Mặt khác cuốn "Tình hình Trung Quốc lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam từ năm 1954 đến nay" ghi : "Lợi dụng đặc điểm là núi sông hai nước ở nhiều nơi liền một dải, nhân dân hai bên biên giới vốn có quan hệ họ hàng, dân tộc, phía Trung Quốc đã đưa dân họ vào những vùng lãnh thổ Việt Nam để làm ruộng, làm nương, rồi định cư những người dân đó ở luôn chỗ có ruộng, nương, cuối cùng nhà cầm quyền Trung Quốc ngang ngược coi những khu vực đó là lãnh thổ Trung Quốc".

Vì thế việc Trung Quốc lấn đất của Việt Nam là việc có thật. Ông Phụng khẳng định là Việt Nam không có mất 700 km<sup>2</sup> đất. Theo ông thì chỉ có tranh chấp ở 164 khu vực, diện tích tổng cộng 227 km<sup>2</sup>. Sau khi phân chia thì phía Việt Nam được 113 km<sup>2</sup> và phía Trung Quốc được 114 km<sup>2</sup>.

Những chi tiết trích dẫn dưới đây làm cho người ta hoài

nghi lời nói của ông Phụng : "Khu vực Trình Tường thuộc tỉnh Quảng Ninh là một thí dụ điển hình cho kiểu lấn chiếm đó. Khu vực này được các văn bản và các bản đồ hoạch định và cắm mốc xác định rõ ràng là thuộc lãnh thổ Việt Nam : đường biên giới lịch sử tại đây đi qua một dải núi cao, chỉ rõ làng Trình Tường và vùng chung quanh là lãnh thổ Việt Nam. Trên thực tế, trong bao nhiêu đời qua, những người dân Trình Tường, những người dân Trung Quốc sang quá canh ở Trình Tường đều đóng thuế cho nhà đương cục Việt Nam. Nhưng từ năm 1956, phía Trung Quốc tìm cách nắm số dân sang làm ăn ở Trình Tường bằng cách cung cấp cho họ các loại tem phiếu mua đường, vải, và nhiều hàng khác, đưa họ vào công xã Đồng Tâm thuộc huyện Đông Hưng, khu tự trị Choang Quảng Tây. Nhà đương cục Trung Quốc ngấm ngầm biến một vùng lãnh thổ Việt Nam, dài 6 km, sâu hơn 1.300 m thành sở hữu tập thể của một công xã Trung Quốc. Từ đó, họ đuổi những người Việt Nam đã nhiều đời nay làm ăn sinh sống ở Trình Tường đi nơi khác, đặt đường dây điện thoại, tự cho phép đi tuần tra khu vực này, đơn phương sửa lại đường biên giới sang đôi Khâu Thúc của Việt Nam. Tiếp đó họ đã gây ra rất nhiều vụ hành hung, bắt cóc công an vũ trang Việt Nam đi tuần tra theo đường biên giới lịch sử và họ phá hoại hoa màu của nhân dân địa phương".

Địa danh Trình Tường ghi lại ở trên đã cho thấy Trung Quốc lấn sang Việt Nam khoảng 8 km<sup>2</sup>. Việc lấn đất, sau đó nếu trả lại đất, có thể tha thứ, nhưng hành vi côn đồ "hành hung, bắt cóc" của "nhà đương cục Trung Quốc" là một hành vi không thể bỏ qua.

Ngoài khu vực Trình Tường, còn có trên 40 khu vực khác cùng bị lâm vào tình trạng tương tự : "Trình Tường không phải là một trường hợp riêng lẻ, còn đến trên 40 điểm khác mà phía Trung Quốc tranh lấn với thủ đoạn tương tự như xã Thanh Loa, huyện Cao Lộc (mốc 25, 26, 27) ở Lạng Sơn, Khảm Khau (mốc 17-19), ở Cao Bằng, Tả Lũng, Làn Phù Phìn, Minh Tân (mốc 14) ở Hà Tuyên, khu vực xã Nam Chay (mốc 2-3) ở Hoàng Liên Sơn với chiều dài hơn 4 Km, sâu hơn 1 Km; diện tích hơn 300 héc ta".

Hoặc :

"Ở một số địa phương, do địa hình phức tạp, điều kiện sinh hoạt của dân cư Trung Quốc gặp khó khăn, theo yêu cầu phía Trung Quốc, Việt Nam đã cho Trung Quốc mượn đường đi lại, cho dùng mỏ nước, cho chăn trâu, lấy củ, đặt mỏ mả... trên đất Việt Nam, họ đã dần dần mặc nhiên coi những vùng đất mượn này là đất Trung Quốc. Khu vực Phía Un (mốc 94-95) thuộc huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng là điển hình cho kiểu lấn chiếm này. Tại đây, mới đầu phía Trung Quốc mượn con đường mòn, rồi tự ý mở rộng mặt đường để ô tô đi lại được vào khu vực mỏ của Trung Quốc, đặt đường dây điện, đưa dân đến ở ngày càng đông, lập làng bản mới. Dựa vào thực tế đó, từ 1956 họ không thừa nhận đường biên giới lịch sử chạy trên đỉnh núi Phía Un mà đòi biên giới chạy xa về phía Nam con đường, sâu vào đất Việt Nam trên 500 mét. Lý lẽ của họ là nếu không phải đất của Trung Quốc sao họ có thể làm đường ô tô, đặt đường dây điện thoại được... Nguyên nhân chủ yếu của việc họ lấn chiếm là vì khu vực Phía Un có mỏ mangan".

Tài liệu trên đây viết năm 1979. Sau cuộc chiến biên giới 1979 (kéo dài đến nhiều năm sau thập niên 1980) nhiều địa điểm trên biên giới thuộc Việt Nam bị Trung Quốc chiếm đóng. Đến nay không ai biết số phận các vùng đất đó ra sao.

Theo ông Phụng thì những tranh chấp về biên giới đã được giải quyết. Hai bên chỉ sai biệt 1 km<sup>2</sup> (114 km<sup>2</sup> - 113 km<sup>2</sup> = 1 km<sup>2</sup>). Điều này hoàn toàn không có tính thuyết phục. Các tài liệu trên cho thấy việc mất đất cho Trung Quốc là có thật. Nhưng mất bao nhiêu thì không ai biết.

### 3. Khu vực Hữu Nghị Quan

Đây là một địa điểm hiểm yếu, chiến lược, ở trên đường biên giới của hai nước Việt-Trung. Tên dân ta thường gọi là "ải Nam Quan", có giá trị lịch sử và tình cảm quan trọng đối với mọi người dân Việt. Địa điểm này xưa nay có nhiều tên khác nhau như *Trấn Nam Quan*, *Trấn Di Quan*, *Đại Nam Quan*, *Hữu Nghị Quan*, v.v... Vào thời Pháp thuộc, địa điểm mang tên *Trấn Nam Quan*; người Pháp gọi là *Tchen Nan Kouan*, sau đó gọi tắt thành *Nan Kouan*. Trên các văn bản, vào thời "quân quản" - "*les Amiraux*" - thì viết là *Nan Kouan*. Sau đó, thời các toàn quyền dân sự, viết *Nam Quan* hay "*porte Nam Quan*" - "*cổng Nam Quan*", có khi là "*Ai Nam Quan*", tức ải Nam Quan. Có lẽ vì lý do này danh từ "*ải Nam Quan*" trở nên quen thuộc với người Việt.

Theo văn bản của Công ước phân định biên giới 1887, là nghị định thư (biên bản cắm mốc) ký kết giữa đại tá Galliéri và ông tri phủ Long Châu tên Thái Hy Bân ngày 19 tháng 6 năm 1894, thì cột mốc cắm tại địa điểm này mang số 18, cắm trên con đường từ cửa Nam Quan về Đồng Đăng, cách cửa 100 m về hướng Nam (*à environ 100 m en avant de la porte de Nam Quan*). Tên của địa điểm, trên văn bản tiếng Pháp là *Nam Quan* và trên văn bản tiếng Hoa là *Trấn Nam Quan* Ngoại.

Ông Lê Công Phụng trả lời câu hỏi liên quan đến "ải Nam Quan" như sau :

*"Khu vực Hữu Nghị Quan có liên quan đến đoạn biên giới đi qua đường bộ nối liền hai nước và đi qua tuyến đường sắt. Đối với đoạn đường bộ thì Biên bản hoạch định Pháp Thanh năm 1886 quy định rằng đường biên giới «nằm ở phía Nam ải Nam Quan, trên con đường từ Nam Quan đến làng Đồng Đăng.*

*Khi phân giới, hai bên đã cắm mốc số 18 để xác định đường biên giới và vị trí của mốc này cũng được mô tả là nằm trên đường từ Nam Quan đến Đồng Đăng (mốc này đã bị mất) ; còn trên bản đồ cắm mốc Pháp-Thanh năm 1894 thì địa danh Nam Quan nằm ở phía Bắc đường biên giới. Như vậy, đường biên giới luôn luôn ở phía Nam của Nam Quan, chứ không phải đi qua địa danh đó. Đối với đoạn đường sắt, phía Trung Quốc cho rằng đường biên giới đi qua điểm nối ray, nhưng qua đàm phán hai bên đã đi đến giải pháp là đường biên giới nằm ở phía Bắc điểm nối ray 148 m, chứ không phải ở điểm nối ray như ý kiến của Trung Quốc".*

Ông Phụng cắt nghĩa nhưng không đủ nghĩa, nói đúng

nhưng không nói hết về biên giới tại vùng Hữu Nghị Quan. Ông Phụng chỉ nói đường biên giới ở phía Nam của Hữu Nghị Quan mà không nói cách là bao nhiêu. Ông cũng không nói lý do vì sao cột mốc số 18 bị mất.

Theo tài liệu của nhà nước Việt Nam công bố 1979 : "*Trung Quốc đã ủi nát mốc biên giới số 18 nằm cách cửa Nam Quan 100 m trên đường Quốc Lộ để xóa vết tích đường biên giới lịch sử, rồi đặt cột mốc ki lô mét 0 đường bộ sâu vào lãnh thổ Việt Nam trên 100 m, coi đó là vị trí đường quốc giới giữa hai nước ở khu vực này".*

Nhân dịp trả lời phỏng vấn báo điện tử *Vacs Orient* (tức *ViệtNamNet* hiện nay), ông Phụng nói thêm về biên giới tại Nam Quan như sau : "*Còn cột mốc số không - nhân dân Lạng Sơn báo cáo với Trung ương, Chính phủ và các nhà đàm phán rằng cột mốc có từ khi những người già còn chưa ra đời. Chúng ta tôn trọng cơ sở pháp lý đã có, tôn trọng thực tiễn, nhất là vì lâu nay quản lý đã như vậy. Cho nên hiện nay chúng ta công nhận mục Nam Quan là của Trung Quốc, cách cột mốc số 0 trên 200 m".*

Ông Phụng quên cột mốc số 18 và chỉ nói về "cột mốc số không". Giả sử bây giờ có người hỏi ông Phụng nhân dân nào ở Lạng Sơn đã báo cáo cột mốc có đó từ khi những người già chưa ra đời thì chắc chắn ông Phụng sẽ không có đường trả lời.

Theo tài liệu của nhà nước công bố : "*Năm 1955, tại khu vực Hữu Nghị Quan, khi giúp Việt Nam khôi phục đoạn đường sắt từ biên giới Việt Trung đến Yên Viên, gần Hà Nội, lợi dụng lòng tin của Việt Nam, phía Trung Quốc đã đặt điểm nối ray đường sắt Việt Trung sâu trong lãnh thổ Việt Nam trên 300m so với đường biên giới lịch sử, coi điểm nối ray là điểm mà đường biên giới giữa hai nước đi qua".*

Biên giới vùng Nam Quan được Hiệp Ước 1999 hoạch định như thế nào ? Dời về phía Việt Nam 100, 200 hay 300 m ? Khu nối đường rầy dời về 300 m hay 148 m ?

### 4. Khu vực thác Bản Giốc

Thác Bản Giốc ở về hướng Đông-Bắc phủ Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, nằm trên sông Qui Xuân (hay Qui Thuận, Quay Sơn). Sông Qui Xuân bắt nguồn từ phủ Trấn An (hay Thiên Bảo), chảy vào Việt Nam, theo các biên bản phân giới Pháp-Thanh, tại ải Lung (cột mốc 81), chảy lại sang Tàu ở khoảng cột mốc số 50. Từ cột mốc số 50 cho đến gần cột mốc số 53 sông Qui Xuân là đường biên giới hai nước. Thác Bản Giốc là một loại thác nước bậc thêm, cao khoảng 30 mét. Cột mốc gần thác Bản Giốc là cột số 53, tên Bách Nga Khẩu, cắm bên lề một con đường và trên phần nối dài của một khu rừng nhỏ (*au bord du chemin au SO et sur le prolongement d'un petit bois*).

Theo các tài liệu lịch sử hiện đang tồn trữ tại văn khố Pháp thì thác Bản Giốc hoàn toàn thuộc về Việt Nam.

Tài liệu của nhà nước công bố cũng xác nhận việc này : "*Tại khu vực cột mốc 53 (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng) trên sông Qui Thuận có thác Bản Giốc, từ lâu là của Việt Nam và chính quyền Bắc Kinh cũng đã công nhận sự thật đó".*

Ông Lê Công Phụng cũng mô tả : "*Về thác Bản Giốc,*

thì đây là điều rất phức tạp. Chúng tôi cũng rất lạ là trong sách sử của chúng ta và Trung Quốc từ năm 1960 đến nay, không ai nói thác Bản Giốc có phần là của Trung Quốc. Ngay Trung Quốc cũng không nói đây là của Trung Quốc. Còn đối với chúng ta, thác này đã đi vào sử sách, nhất là sách giáo khoa của học sinh, thành di tích, điểm du lịch được nhiều người ưa chuộng".

Nhưng hiện nay thác Bản Giốc có trên bản đồ du lịch tỉnh Quảng Tây dưới một tên khác là *Đức Thiên Bộc Bố* và được giới thiệu như là "*première grande chute d'eau transnationale de l'Asie*" (thác nước liên quốc gia lớn nhất đầu tiên tại châu Á).

Việc này cho thấy vùng thác Bản Giốc đã được phân định và thác này ở trên đường biên giới. Vấn đề phân giới vì vậy đã kết thúc. Vì kết thúc nên mới có thể khai thác du lịch.

Vì sao thác Bản Giốc đang là của Việt Nam lại chia hai với Trung Quốc ?

Ông Lê Công Phụng nói về việc này như sau : "*Lẽ ra theo thực tiễn thì chúng ta chỉ được 1/3. Nhưng sau đàm phán, chúng ta và bạn đã thỏa thuận thác Bản Giốc được chia đôi, mỗi bên được 50 %. Hiện nay cả hai bên đang tiến hành khai thác du lịch phía bên mình. Đây là điều mà chúng tôi rất khó hiểu, bởi lẽ trong công ước giữa nhà Thanh và Pháp, thác Bản Giốc chỉ thuộc về chúng ta có 1/3 thôi ; và theo thực trạng cột mốc được cắm từ thời nhà Thanh, thì chúng ta cũng chỉ được 1/3 thác*".

Điều này mâu thuẫn với lịch sử.

Nhà nước đã tố cáo vấn đề Trung Quốc lấn chiếm thác Bản Giốc như sau : "*Năm 1955-1956, Việt Nam đã nhờ Trung Quốc in lại bản đồ nước Việt Nam tỉ lệ 1/100.000. Lợi dụng lòng tin của Việt Nam, họ đã sửa ký hiệu một số đoạn đường biên giới dịch về phía Việt Nam, biến vùng đất của Việt Nam thành của Trung Quốc. Thí dụ : họ đã sửa ký hiệu ở khu vực thác Bản Giốc (mốc 53) thuộc tỉnh Cao Bằng, nơi họ định chiếm một phần thác Bản Giốc của Việt Nam và cồn Pò Thoong*".

Hoặc : "*Ngày 29 tháng 2 năm 1976, phía Trung Quốc đã huy động trên 2.000 người, kể cả lực lượng vũ trang, lập thành hàng rào bố phòng dày đặc bao quanh toàn bộ khu vực thác Bản Giốc thuộc lãnh thổ Việt Nam, cho công nhân cấp tốc xây dựng một đập kiên cố bằng bê tông cốt sắt ngang qua nhánh sông biên giới, làm việc đã rồi, xâm phạm lãnh thổ Việt Nam trên cồn Pò Thoong và ngang nhiên nhận cồn này là của Trung Quốc*".

Ngày 30 tháng 10 năm 2005, trưởng ban biên giới Việt Nam, nhân trả lời phỏng vấn BBC, nói rằng việc phân giới vùng Bản Giốc chưa xong nên không thể kết luận Việt Nam nhường một nửa thác Bản Giốc cho Trung Quốc được.

Điều này khó có thể đúng, bởi vì Trung Quốc đã khai thác kinh tế thác Bản Giốc.

## 5. Kết luận

Phần 1 đã chứng minh bộ bản đồ 1/50.000 đính kèm hiệp ước có trước văn bản. Phần mô tả hướng đi đường biên giới (điều II) là dựa lên bộ bản đồ này. Phần này cũng

chứng minh giai đoạn cắm mốc chỉ để cụ thể hóa đường biên giới trên thực địa. Nhà nước vì thế không thể viện lý do cắm mốc chưa xong để không công bố bộ bản đồ.

Phần 2 chứng minh việc Trung Quốc lấn đất là việc có thật. Tình trạng này xảy ra trên toàn bộ chiều dài đường biên giới.

Phần 3 và 4 cho thấy những bất nhất của cấp hữu quan về khu vực Nam Quan và Bản Giốc và việc mất đất ở hai vùng này là có thật.

Bài này viết khi hiệp ước biên giới đã ký vừa đúng bảy năm. Dầu thời gian có trôi qua, những vết thương máu chảy có thể đã lành da, nhưng chắc chắn mỗi khi nghe lại vấn đề biên giới, vấn đề "bán đất nhượng biển cho Tàu" mọi người đều chợt thấy xót xa, cay đắng. Có người Việt nào không yêu thương, gắn bó với đất nước của mình ? Các câu hỏi Việt Nam có mất đất cho Tàu hay không ? Mất bao nhiêu ? Mất tại đâu ? vẫn còn nguyên tính thời sự.

Lời lên tiếng của cụ Phạm Quế Dương qua bài viết đăng trên báo *Tổ Quốc* số 7 (15-12-2006) đòi hỏi chính phủ phải công bố bộ bản đồ đính kèm hiệp ước vì thế thật là hữu lý và chính đáng. Nhà nước phải nhanh chóng công bố bộ bản đồ này để giải tỏa những ngộ nhận (nếu có) nơi dân chúng và để chứng tỏ nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là một nhà nước có trách nhiệm.

Riêng hành động của cụ Phạm Quế Dương, phải nhìn nhận đây là một hành động can đảm, thể hiện lòng yêu nước nồng nàn. Đó là khí tiết của kẻ sĩ. Người viết trân trọng ngả mũ kính phục.

**Trương Nhân Tuấn (Marseille)**

**MUA BÁO**  
Gia nhập HYNHĐ

**ABONNEMENT**  
Adhésion à VNfraternité

Họ (Nom) : .....  
Tên (Prénom) : .....  
Địa chỉ (Adresse) : .....  
Mã số hành chính (Code postal).....  
Thành phố (Ville) : .....  
Điện thoại (Tél.) : .....

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (\*) :

mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm)

☐

pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

☐

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ

pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(\*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trắng nếu KHÔNG

Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : **Vietnam Fraternité**  
Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau -  
77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) : .....

Chữ ký (Signature).....

# Tổ quốc và thơ !

*Hà Sĩ Phu*

Tổ quốc và Thơ ! Đề tài quá lớn này xin dành cho các nhà lý luận văn học chuyên nghiệp. Ở đây tôi chỉ nhặt ra một mảnh, nhưng là một mảnh gương lỗi, tuy nhỏ nhưng cũng đủ thu gọn một khuôn hình về xã hội và tổ quốc Việt Nam trong thơ.

Mảnh gương rơi vào tay tôi là một bài thơ chuyển tay có nhan đề như một câu hỏi "*Thế này là thế nào...*", ký tên Trần Ái Dân. Ái Dân chắc hẳn là một bút danh, bút danh chưa xuất hiện bao giờ và không được giới thiệu thì tạm coi là ẩn danh vậy.

Bài thơ ngắn và dân dã.

Nhưng muốn hưởng hết thi vị của bài thơ dân dã này, lại phải khai vị bằng một bài thơ "bác học", cũng mở đầu từ một câu hỏi, cũng phác họa một chân dung đất nước. Ấy là bài thơ nổi tiếng "*Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?*" của Chế Lan Viên mà rất nhiều người đã thuộc lòng vì nó hoành tráng, nó đã từng bơm cho mọi người bay lên cùng "Tổ quốc".

Từ nhà viết Hồ Tây năm 1965, Chế Lan Viên thấy cuộc đời, thấy xã hội Việt Nam đang đẹp quá rồi (cứ cho là ông nghĩ thế thật), nhưng nghĩ rằng cái đẹp hoành tráng ắt phải phát ra từ sông từ núi, ông bèn gọi Sông Hồng ra làm kẻ phát ngôn :

*Hỡi Sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm*

*Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?*

Sông Hồng bèn đáp ngay tắp lự :

*Chưa đâu ! Ngay cả trong những ngày đẹp nhất...*

Rồi Sông Hồng nói rất cụ thể : những thời đẹp nhất của Việt Nam từ trước đến nay với những chiến công hiển hách của Nguyễn Trãi, Hưng Đạo, Quang Trung, với những kiệt tác như Kim Vân Kiều... cũng chưa thể sánh với cái đẹp hôm nay !

Thực ra hỏi để mà hỏi thôi, chứ Chế thi sĩ thừa biết Sông Hồng sẽ trả lời như thế nên mới hỏi. Sông Hồng nói như Đảng nói. Khi Đảng đã tuyên bố với cả núi sông rằng Đảng quyết thực hiện "sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối" thì Sông Hồng chứ "ông cụ thân sinh" ra Sông Hồng cũng không dám nói khác.

Thế là Chế thi sĩ bắt đầu yên tâm và triển khai.

Là "nhà thơ trí tuệ" bậc nhất ông hiểu linh hồn của Tổ quốc chính ở nơi con người, nên bên cạnh những vẻ đẹp của những "chiến công", những "sự nghiệp" (như đánh thắng tướng Đờ Cát, những cánh đồng hợp tác lúa vàng bội thu, những mùa nhãn Hưng Yên, những mẻ thép Thái Nguyên, những công trình thủy điện...), ông tập trung ca ngợi vẻ đẹp của những con người. Những con người hiện ra trước mắt ông toàn là những người sung sướng, yêu thương nhau, anh hùng và vĩ đại.

*Ruộng đoàn tụ nên người thôi chia cắt  
Đêm no ấm, giọng chào khuya khoan nhặt*

*Mỗi trang thơ đều dội tiếng ta cười !*

"Vóc nhà thơ" thì "đứng ngang tầm chiến lũy". Thậm chí "mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt", cũng tức là có

khả năng thành một Phù đổng Thiên vương !

Khi từng bộ mặt "con người mới xã hội chủ nghĩa" đều đẹp như thế thì mặt trời cũng muốn thức dậy thành người Việt Nam :

*Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ*

*Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn...*

"Ca" nhau tài đến thế là cùng !

Xúc động nhất khi ta thấy nhà thơ mũi lòng "Thương thay những thế kỷ vắng anh hùng" ! Ở một xã hội mà châu báu đã dư thừa (ra ngô gạo anh hùng) thì lòng thương vẫn thường "bao la" như thế !

Thế là cái thực tế trước mắt thì vô cùng tươi đẹp rồi, nhưng Chế Lan Viên lại tài hơn Tố Hữu ở chỗ chưa coi đó là "thiên đường của các con tôi" chưa coi đó là "đỉnh cao muôn trượng" mà còn mở triển vọng ra đến vô tận:

*Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả*

*Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn*

Theo ông dưới sự lãnh đạo của Đảng thì ngày tháng nào cũng đẹp, và càng ngày càng đẹp (chỉ có đẹp trở lên thôi), nhưng ông chọn cái hôm nay là đẹp nhất chỉ vì đây là "...buổi Đảng dựng xây đời, mất được thấy dòng sông ra gặp bể".

Mới ở cửa bể mà đã đẹp thế này, thì khi vẫy vùng ngoài biển lớn sẽ sung sướng đến chừng nào, ai mà hình dung ra được nhỉ ? Tài thật.

Nhưng đọc một bài thơ ca ngợi chế độ tài tình như thế, ta không khỏi thắc thỏm một mối lo : xã hội (năm 1965-1966) mới đẹp đến mức này nhưng may mắn có một thi sĩ thiên tài như thế để mô tả, nếu mai sau lại còn đẹp hơn nữa thì lấy đâu ra thiên tài thứ hai mà ca ngợi cho xứng ? Xã hội thì hàng ngày hàng giờ cứ bay lên như Phù đổng, thử hỏi 40 năm sau chẳng hạn thì sự vĩ đại sẽ kinh khủng đến nhường nào, và lúc ấy ai sẽ là người mô tả nổi nó đây ?

Câu hỏi khó thế mà thời đại cho câu trả lời ngay nhõn tiền : thì đây, đúng 40 năm sau, năm 2006, với bài thơ "*Thế này là thế nào...*" mối lo ấy đã được giải đáp.

\*\*\*

Đã xong bài thơ khai vị, tôi xin trở lại với bài thơ chính mà tôi đã giới thiệu lúc đầu để cùng nhau "nhấm nháp". (Xin cứ nhấp một ngụm rượu Chế Lan Viên khai vị, rồi lại "nhấm" một "miếng" thơ dân dã Ái Dân cho hai thứ song hành, đối chiếu, quện vào nhau mà nâng thi vị của nhau lên).

**Thế này là thế nào...**

*Thời buổi thế này là thế nào hã giờ  
Làm xít lốp xe - dính rải đầy đường sá  
Giữa phố đông người rạch mặt người  
Khách tàu hỏa tha hồ ăn đá*

*Thời buổi thế này là thế nào hã giờ  
Các cô gái ra đường mông phải độn các-tông  
Sợ những mũi kim tiêm cấm phạt  
Kim bết si đa đầu phải vô trùng*

*Thời buổi thế này là thế nào hã giờ  
Đến cục cút cũng là cút rơm  
Nông phu phải miết tay, phải ngủi kiểm tra  
Người ta luyên đất sét giống cút người ghé góm*

*Thời buổi thế này là thế nào hã giờ  
Trò giữa lớp phang Thầy, con nện Cha trước bàn thờ tổ  
Thịt lợn quay bôi véc ni đồ lự  
Fóc-môn ngâm xác người pha bánh phở cho ngon*

*Thời buổi thế này là thế nào hã giờ  
Xương trâu bò thế xương liệt sĩ  
Trâu bò lên ngôi "Tổ quốc ghi công"  
Được toàn dân dâng hoa, quỳ bài bái lễ*

*Thời buổi thế này là thế nào hã giờ  
Vua xuất xứ từ một anh hoạn lợn  
Diễn văn eng éc tiếng lợn kêu  
Đất nước tàn tạ xót xa  
Triều đình cần xé thối tha  
Vua vấy tai nhờn nhờn, hếch mũi lên hơn hơn*

*Thời buổi thế này là thế nào hã giờ*

#### **Trần Ái Dân**

Bức chân dung thật của nhân dân mình, hình hài thật của tổ quốc mình là thế nào đây ?

Câu hỏi ấy nhà thơ thượng thượng Chế Lan Viên đã hỏi rồi, và đã được núi sông giải đáp rồi, sao Ái Dân còn phải băn khoăn hỏi lại ?

Phải hỏi lại vì sách vở gì, văn thơ gì cũng không đánh đố được thực tế. Những khuôn mặt của những kẻ rai đình, ném đá, cầm kim tiêm bết máu si đa, những khuôn mặt trò phang thầy, con nện cha, nặn cứt giả và hài cốt liệt sĩ giả, những khuôn mặt cần xé nhau tranh bả cung đình... kinh tởm thế, liệu mặt trời kia còn có thể "ghé môi hôn" được không ? Không lẽ mặt trời cũng xạo ? Nên phải hỏi xem "Thế này là thế nào hã giờ". Con người đầy ấp tình yêu thương, đoàn kết, anh hùng, giàu lý tưởng... hay ty tiện, gian trá, lọc lừa, lì lợm, tàn ác, lưu manh, vô giáo dục, lòng người chai lỳ, thất vọng và ly tán ? Hay hiện thực nằm trong cả hai bài thơ, "hiện thực xã hội chủ nghĩa" và "hiện thực dân gian" ?

Bảo Ái Dân cường điệu ư ? Không đâu, Ái Dân chỉ mới đưa ra vài nét chấm phá, thực tế còn khủng khiếp gấp vạn lần.

Những ngư dân Hậu Lộc đói rách quanh năm, phải đánh cá với chiếc thuyền nát tại lãnh hải của Tổ quốc mình, bị người ta bắn chết để thị uy và vu cho tội xâm phạm lãnh hải của người ta để ăn cắp lưới, mà các cấp chính quyền trên dưới đều ra rả hùa theo. Dư luận về mười sáu tấn vàng không cánh mà bay, nhân dân không được biết tung tích. Chuyện mục Nam Quan, thác Bản Giốc và bao nhiêu cao điểm quân sự để phòng thủ đất nước bỗng dung chui về lãnh thổ người ta... Tất cả những dấu hỏi như thế mà cả mấy trăm nghị sĩ mũ cao áo dài không một ai dám hé răng, không một cánh tay dám giơ lên chất vấn, mà lại kênh kiệu rủ lòng "thương" cho "những thế kỷ vắng anh hùng" thì thật là những não trạng điên loạn.

Ở những xứ sở "vắng anh hùng" chắc hẳn những vấn đề ấy đã có nhiều người lên tiếng chất vấn. Đáng "thương" chẳng là "thương" cho giới cầm quyền của các nước ấy : làm tổng thống, thủ tướng mà chẳng được quyền tự tung, tự tác, quyền trói tay bịt miệng nhân dân, quyền tự do lừa dân đi hướng này hướng nọ như "dắt trâu bò" (chữ của chủ tịch Hồ Chí Minh).

Có nghe không tiếng khóc của những gia đình ngư phủ chết oan, của những em gái ngây thơ bị phơi trần cho thiên hạ chọn, hay bị bán thủ một đêm cho những tên vô lại nước ngoài..., có nghe không những tiếng rên la của người dân bị cướp nhà cướp đất, những lời uất nghẹn của hàng nghìn vụ án oan sai mỗi năm...? Hay chỉ nghe thấy "giọng chèo khuya khoan nhặt", thấy "mỗi trang thơ đều dội tiếng ta cười" (và tự hào rằng tiếng cười ấy là do Nguyễn Văn Trỗi dạy cho !), nghe tiếng "chim cu gẩn, chim cu gáy xa xa", và nghe cả tiếng hát bốn nghìn năm của Sông Hồng nữa ?

Đừng thắc mắc sao Sông Hồng lại "hát" những lời y như một cán bộ tuyên huấn của Đảng, vì Chế Lan Viên đã giải thích ngay :

*Ta tựa vào Đảng ta, lên tiếng hát !*

À ra thế, phải tựa vào Đảng mà hát, chứ có phải cứ đứng thẳng giữa trời mà hát được đâu ? Đứng trong dàn đồng ca của Đảng, dẫu là Lịch Sử, là Sông Hồng, hay là Trường Sơn gì nữa thì cũng phải hát theo bè, theo cánh tay người bắt nhịp chỉ huy.

Nên ta chẳng trách chi một thi sĩ có tài như Chế Lan Viên. Chẳng qua trong dàn đồng ca ông có chất giọng tốt hơn thì phải lĩnh xướng. Cái quý của ông là sau giờ lĩnh xướng ông đã lùi ngùi nghĩ về thân phận "xướng ca" của mình. Ông đã biết tự phủ định mình trước khi bị thực tế phủ định.

Một trí tuệ mẫn cảm như Chế Lan Viên đã biết trước sẽ có ngày "Những người ấy nhắc những bài thơ tôi làm, mà tôi xấu hổ". Ông đã tự nhủ thăm những tác phẩm tô hồng như bài "Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng" chẳng qua chỉ là "Bánh vẽ".

Chỉ một bài thơ "Bánh vẽ", một bài "Trừ đi", một bài "Ai, tôi !" trong phần di cảo Chế Lan Viên đã đủ để hậu thế cảm thông cho ông, xóa hết cho ông mọi lỗi lầm mà về một mặt nào đó có thể coi là bất khả kháng. Ông vẫn là một bậc thầy của thi ca. Chỉ có phần lùi ngùi tiếc cho ông thôi. Dẫu có lấy nhân quan đời sau mà phê phán ông, vẫn không thể không dành lại một phần mến yêu và khâm phục tài thơ.

\*\*\*

Non sông, tổ quốc là hình tượng thiêng liêng cao quý của mỗi dân tộc. Loài người đã định nghĩa Tổ quốc từ nghìn đời rồi, thiết nghĩ chẳng cần nói lý thuyết làm chi. Nhưng hễ cái gì là thiêng liêng cao quý là y như rằng có kẻ muốn chiếm đoạt, muốn dùng làm của riêng, thậm chí còn muốn đổi tên tổ quốc, gò tổ quốc vào cái khuôn thể chế chính trị nhất thời của mình.

Năm nay là năm Con Lợn. Nghĩ đến câu Tổ quốc là Mẹ hiền (ngôi Mẹ hiền để dành cho Tổ quốc, anh nào tự xưng Mẹ hiền là hỗn với Mẹ đấy), bất giác tôi hình dung một cách ngộ nghĩnh Tổ quốc Mẹ hiền như con Lợn mẹ thanh thân nằm kên ra cho đàn con bú sữa. Đàn con tranh nhau, những con nhỏ yếu hơn thì bị những con khỏe hơn đẩy bật ra để chiếm lấy núm vú nhiều sữa nhất. Loài vật nó tranh nhau là lẽ thường, loài nào chẳng vậy.

Thế mà có một lần, tôi được chứng kiến cảnh một con Lợn mẹ hất đứa con khỏe nhất đàn ra, dành vú cho một con yếu nhất.

Tôi cứ nhớ mãi đến tận bây giờ.

**Hà Sĩ Phu (Đà Lạt, tháng 12-2006)**

Một khái niệm cần xét và minh định lại :

## "Yêu nước" là yêu gì ? - Thế nào là yêu nước ?

*Tôn Thất Thiện*

### Một sự lẫn lộn về tư tưởng

Gần đây, một tập san mới xuất hiện. Nó mang tên "*Tổ Quốc*". Ban cố vấn và Ban biên tập gồm một số người trước đây thuộc phe cộng sản ; và một số người trước đây thuộc phe quốc gia. Họ đều tự coi là người "yêu nước", vì họ đã tranh đấu cho Việt Nam, "vì Tổ Quốc". Nhưng họ cũng đã nhân danh "Tổ Quốc" Việt Nam bắn giết người Việt Nam khác cũng tranh đấu cho "Tổ Quốc" Việt Nam.

Câu hỏi được đặt ra ngay là : "*Làm sao một người yêu nước Việt Nam lại đi bắn giết một người khác cũng yêu nước Việt Nam, mà nói rằng mình tranh đấu vì Tổ Quốc Việt Nam được ?*".

Như vậy "tổ quốc" là gì ? "Yêu nước" là yêu gì ? Thế nào là "yêu nước" ?

Tình trạng thiếu rõ ràng trên đây có từ lâu, và nó không gây vấn đề vì ai cũng cho rằng mình yêu nước là một điều dĩ nhiên. Không ai nghĩ rằng mình kém yêu nước hơn người khác. Và nhất là không ai có thể quả quyết rằng *những điều mình làm thực sự là những hành động yêu nước hay không yêu nước*, vì không ai có thể nói rõ ràng : "yêu nước" là yêu gì, thế nào là "yêu nước", và thế nào là "không yêu nước" ? Không ai chấp nhận rằng mình không "yêu nước", nhưng cũng không ai có thể tố cáo một người khác là "không yêu nước" !

Nguyên do là có một sự lẫn lộn căn bản về tư tưởng, và sự lẫn lộn này bắt nguồn từ sự thiếu rõ ràng của các từ ngữ liên hệ với "nước" : "quốc", "tổ quốc", "ái quốc", "yêu nước", "đất nước", "nhà nước", "chính quyền", "chính phủ", "cách mạng", v.v.

Ở đây, tôi xin dẫn một ví dụ cụ thể : kinh nghiệm của chính bản thân tôi, và tôi chắc rằng đó cũng là kinh nghiệm của rất nhiều người thuộc thế hệ tôi, những người sinh ra trong những năm 1920-1930, đã mục kích những biến chuyển trong gần suốt thế kỷ 20, và đã được nghe những từ ngữ trên đây, nhưng chưa hẳn có một ý niệm rõ ràng về nội dung và ý nghĩa gần, và nhất là xa, của những từ ngữ đó.

Tôi nghe nói đến hai chữ "ái quốc", "tổ quốc" lần đầu tiên trong đời tôi năm tôi 11 tuổi. Lúc đó là năm 1935. Người thốt ra hai chữ đó là người quản gia của thân phụ tôi. Ông ta đọc báo mỗi ngày, và buổi tối thường kể cho chúng tôi nghe những sự việc vừa xảy ra ở Việt Nam và trên thế giới. Một hôm, ông nói đến ông Ngô Đình Diệm, và nói : "Ông ấy thiệt là một nhà ái quốc". Cũng năm đó, tôi đi hướng đạo. Theo thể lệ của hướng đạo, sau một thời gian, để tỏ quyết định gia nhập thí sinh phải đặt tay trên cờ hướng đạo tuyên thệ ba điều. Điều thứ nhất là "trung thành với tổ quốc".

Tôi không được giải thích rõ ràng "tổ quốc" là gì, và "trung thành với tổ quốc" thì phải làm những gì ; tôi chỉ hiểu rằng "tổ quốc" là một cái gì cao quý, tuy trừu tượng nhưng phải tôn kính vì thiêng liêng.

Những năm tiếp theo là những năm tình hình quốc tế sôi động, dẫn đến Chiến Tranh Thế Giới, với một

hậu quả lớn đối với Việt Nam : Pháp yếu đi vì bị Đức đánh bại và bị Nhật Bản ép phải cho họ đóng quân ở Việt Nam. Tất nhiên sự kiện này ảnh hưởng đến Việt Nam. Ai cũng cảm thấy một cơ hội lớn để giành lại độc lập đang mở ra cho Việt Nam. Nhiều tổ chức, phong trào, hoạt động mạnh. Rõ ràng rằng họ nhằm hung đúc tinh thần "ái quốc", nhưng không làm một cách công khai được vì Pháp vẫn còn nắm quyền lực. Sau khi Nhật lật đổ chính quyền bảo hộ Pháp vào tháng 3 năm 1945, các hoạt động "ái quốc" mới bùng lên.

Cùng với những hoạt động "ái quốc" từ 1945 và trong những năm chiến tranh chống Pháp, những từ ngữ và cụm từ liên quan đến cuộc chiến tranh giành độc lập, đặc biệt là "quốc", trở thành thông dụng, và mang những nghĩa độc đáo hơn. Những người như các cụ Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu được nhắc đến như là những nhà "ái quốc", và "ái quốc" ở đây nặng nghĩa chống Pháp giành lại độc lập cho Việt Nam. "Tổ quốc" là Việt Nam, nhưng thường được ghép với "hy sinh", trong cụm từ "hy sinh vì tổ quốc". Nó vẫn là một cái gì cao quý, thiêng liêng, khiến người ta sẵn sàng hy sinh tính mạng vì nó, nhưng không định nghĩa được một cách thật chính xác vì nó quá trừu tượng.

Ngoài ra, với sự trở lại chính trường của cựu hoàng Bảo Đại, từ ngữ "quốc gia" thành phổ cập. Đồng thời, từ năm 1950, với sự tái xuất của đảng cộng sản dưới danh hiệu "Đảng Lao Động", từ ngữ "cách mạng" và "yêu nước" cũng được dùng thường hơn là "tổ quốc" và "ái quốc". Ngoài tội "phản quốc", chính quyền cộng sản đặt thêm một tội nữa để thanh toán địch thủ : tội "phản cách mạng". Ở miền Nam, tội nặng nhất là tội "theo cộng sản". Trong cuộc chiến 1954-1975, từ ngữ "tổ quốc" ít được dùng đến. Ở miền Bắc "hy sinh vì tổ quốc" thành "hy sinh vì cách mạng" (hiểu theo nghĩa Cách Mạng Vô Sản Thế Giới), tính chất chiến tranh là "chống Mỹ cứu nước". Ở miền Nam tính chất chiến tranh là "bảo vệ tự do", cuộc chiến là "chống cộng".

Tình trạng kéo dài như trên đến khi Việt Nam "thống nhất" năm 1975. Đây là một dịp đặc biệt về phương diện xác định nghĩa của khái niệm "tổ quốc". "Yêu nước" được định nghĩa chính thức.

Tại Đại hội IV của Đảng Cộng Sản Việt Nam, năm 1976, báo cáo chính trị của đại hội tuyên bố rằng : "*Ngày nay tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập thì dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một*", và nghị quyết của đại hội thì nói rằng : "*Ngày nay nước nhà đã hoàn toàn độc lập thì tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là một*", nghĩa là : yêu tổ quốc là yêu xã hội chủ nghĩa.

Thật là rõ ràng !

### Tổ quốc của người Việt Nam là xã hội chủ nghĩa ?

Rõ ràng, nhưng lại làm cho vấn đề rắc rối thêm ! Nhiều câu hỏi mới được đặt ra !

Vì "xã hội chủ nghĩa" chỉ là một chủ nghĩa, làm sao dân tộc Việt Nam lại là một chủ nghĩa được ? Phần

khác, nó là một chủ nghĩa ngoại lai và đồng hóa với Liên Xô, và Liên Xô đồng hóa với Stalin, nên "tổ quốc" của người Việt Nam là Liên Xô ! "Yêu nước" là yêu Liên Xô, và "trung quân" là trung với Stalin ! Lại nữa, chủ nghĩa xã hội là một lý thuyết về xã hội do Mác và Lênin đề xướng, được quảng bá nhờ Stalin, mà lý thuyết xã hội thì thay đổi qua thời gian. Nếu Stalin không còn, và nhứt là nếu Liên Xô cũng không còn - một sự kiện thực sự đã xảy ra vào năm 1990 - thì người Việt phải yêu cái gì và trung với ai đây ? Nhà thi sĩ quốc doanh Tố Hữu sẽ bảo người Việt thương ai hơn cha, hơn mẹ, hơn chồng mình đây ?

Tuy nhiên, từ 1975 tập đoàn cầm quyền cộng sản vẫn khăng khăng "kiên trì" chủ nghĩa Mác-Lê và nhất quyết theo "định hướng xã hội chủ nghĩa", đưa Việt Nam vào cảnh càng ngày càng bế tắc về chính trị - xã hội và suy đồi về đạo đức, như mọi người đều biết. Cho nên, sự áp đặt chế độ "xã hội chủ nghĩa" lên toàn lãnh thổ Việt Nam và buộc người Việt phải lấy "xã hội chủ nghĩa" làm "tổ quốc" tạo ra một tình trạng buộc mọi người phải xét lại vấn đề "yêu nước" một cách nghiêm túc, tìm cho ra câu trả lời chính xác cho những câu hỏi căn bản : "Yêu nước" là yêu gì ? "Tổ quốc" là gì ? Ai "yêu nước", ai "không yêu nước" ? Thế nào là "yêu nước" ?, v.v.

Vấn đề rất phức tạp, tế nhị. Những giải đáp đưa ra phải đúng, hợp lý, hợp tình, nhất là có thể dùng để làm cơ sở chỉ đạo tư tưởng đúng và hành động hữu hiệu, có thể thu hút được sự đồng thuận rộng rãi, tạo điều kiện cho một sự đoàn kết hoà hợp cố gắng chung để đưa xứ sở ra khỏi bế tắc hiện nay, và vươn lên trong tương lai. Công việc này đòi hỏi sưu khảo rộng rãi, và suy nghiệm chính chắn.

Một trong những người tiên phong trong công cuộc sưu khảo suy nghiệm trên đây là anh Nguyễn Gia Kiểng, với tác phẩm *Tổ Quốc Ăn Năn* (Paris, 2001) do anh sáng tác, và *Thành Công Thế Kỷ 21* (Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên, 2001) mà anh là một biên tập viên then chốt. Hai tác phẩm này đã soi sáng rất nhiều nhất vấn đề "yêu nước". Luận đề chính của nó là : nói rằng người Việt Nam yêu nước là "một sự lầm lẫn". Lòng yêu nước của người Việt nói chung "rất yếu". Theo anh, thật ra, "*Người Việt Nam hoặc không yêu nước, hoặc chỉ yêu nước một cách tương đối*". (*Tổ Quốc Ăn Năn*, tr. 66-69), và điều mà anh ấy muốn làm sáng tỏ là "lòng yêu nước rất mờ nhạt trong lòng người Việt, dù cộng sản hay không cộng sản" (tr. 66).

Quan điểm trên đây làm cho một số người thắc mắc, khó chịu, hoặc phản đối, vì nó là một quan điểm kỳ lạ, ngược ngạo, và chạm tự ái. Điểm này sẽ được bàn đến một cách chi tiết ở đoạn dưới. Có một điểm rất quan trọng phải đề cập đến ngay. Đó là vấn đề định nghĩa một số từ ngữ và cụm từ liên hệ đến "nước" : nước, đất nước, tổ quốc, nước non, giang sơn, lãnh thổ, ái quốc, yêu nước, quốc gia, nhà nước, chính phủ, chính quyền.

**Từ Điển Tiếng Việt** của Trung Tâm Từ Điển Học thuộc Viện Ngôn Ngữ Việt Nam (Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2001), định nghĩa những từ ngữ trên như sau :

1. Nước : Vùng đất trong đó những người thuộc một hay nhiều dân tộc cùng sống chung dưới một chế độ

chính trị - xã hội và cùng thuộc về một nhà nước nhất định.

2. Đất nước : Miền đất đai quan hệ với dân tộc làm chủ và sống trên đó.

3. Nước non : Sông núi, nước non ; thường dùng để chỉ đất nước.

4. Giang sơn : Sông núi, dùng để chỉ đất đai thuộc chủ quyền của một nước.

5. Lãnh thổ : Đất đai thuộc chủ quyền của một nước.

6. Ái quốc : (cũ) : yêu nước.

7. Yêu nước : .....

8. Quốc gia : Nước.

9. Tổ quốc : Đất nước được bao đời trước xây dựng và để lại, trong quan hệ với người dân có tình cảm gắn bó với nó

10. Nhà nước : Tổ chức, đứng đầu là chính phủ, quản lý công việc chung của một nước.

11. Chính phủ : Cơ quan hành pháp và hành chính cao nhất của một nước, thực hiện việc quản lý nhà nước ở cấp trung ương.

12. Chính quyền : Bộ máy điều khiển, quản lý công việc của nhà nước.

(Xin lưu ý : Ở mục "Ái quốc", *Từ Điển Tiếng Việt* ghi rằng đó là "yêu nước" cũ, nhưng mục "yêu nước" lại không có, cho nên ta vẫn không biết "yêu nước" là gì...).

Các từ ngữ 1-9 đều có một thành tố chung, thuộc về địa lý : đất đai. Từ ngữ 1 có thêm những thành tố : người, chế độ chính trị-xã hội. Từ ngữ 9 nói đến quá khứ/tổ tiên, dân, và tình cảm giữa các người dân. Ba từ ngữ 10-12 có một thành tố chung, là nhà nước.

Nếu ta gộp chung các định nghĩa 1-9 thì ta thấy "yêu nước" hay "yêu tổ quốc" là tỏ lòng quyến luyến với một vùng đất quen thuộc, do tổ tiên xây dựng và bảo vệ để lại, và với những người cùng sống với mình nên có tình gắn bó với nhau. Nhưng theo những định nghĩa (8), (1) thì những người sống trên đất đai đó sống trong một "quốc gia", thuộc quyền một "nhà nước", một "chính quyền", và liên hệ với "chính phủ". Theo 10-12 thì "chính phủ", "chính quyền", và "nhà nước" coi như đồng nghĩa.

Thấy rõ những liên hệ chằng chịt giữa những thành tố trên mới hiểu tại sao, như tác giả *Tổ Quốc Ăn Năn* ghi, có thể nói rằng người Việt Nam không yêu nước hoặc chỉ yêu nước một cách tương đối, đa số người Việt đã quay lưng lại với đất nước, và tệ hơn nữa, hai tiếng "yêu nước" trở thành "tục tũn", "thô bỉ", "nhảm nhí"... và tại sao lại có chuyện Tổ Quốc phải "Ăn Năn" ?

Những điều trên đây được anh Nguyễn Gia Kiểng giải thích, nhưng những giải thích này rất rác trong tác phẩm *Tổ Quốc Ăn Năn*, và một phần trong *Thành Công Thế Kỷ 21*, cần phải bỏ công sưu khảo, sắp xếp lại, mới thấy rõ. Bài này chỉ trình bày một vài chi tiết có tác dụng làm sáng tỏ những điểm vừa nêu ra ở trên. Độc giả nào muốn thấy đầy đủ các chi tiết khác để nắm vững vấn đề xin xem những chương "*Yêu nước*" (tr.65-75), "*Tổ quốc của kẻ sĩ*" (tr. 343-356), "*Tổ quốc ăn năn*" (tr. 567-585).

**Chính quyền cộng sản là "tổ quốc" ?**

"Tổ quốc" là vĩnh cửu, cao cả, thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Nhưng tổ quốc là một thực thể trừu tượng.

Người dân có thể cảm nhận về tổ quốc thế nào tùy ý, nhưng họ chỉ tiếp xúc với "chính quyền". Chính quyền là hiện thân của tổ quốc. Nó là bộ máy điều khiển công việc của "nhà nước". Mà nhà nước là tổ chức quản lý chung của một nước ; đứng đầu tổ chức đó là "chính phủ". "Nhà nước" là từ ngữ cũ chỉ định "nước nhà" ; và "nước nhà" là từ ngữ cũ chỉ định "quốc gia". Như vậy, trong thực tế, chính phủ là chính quyền, và chính quyền là nhà nước, là quốc gia, là tổ quốc. Trong cuộc sống hàng ngày, người dân chỉ biết tổ quốc, quốc gia, nhà nước, chính quyền qua chính phủ, nghĩa là qua sự tiếp xúc với các công chức nhà nước, hoặc cán bộ đảng, nếu chính quyền là đảng cộng sản, và có sự lẫn lộn giữa bộ máy điều khiển công việc của đảng và bộ máy điều khiển công việc của nhà nước, như tình trạng hiện tại của Việt Nam.

Những điều trên đây làm cho ta hết ngạc nhiên khi ta nghe nói rằng "đa số người Việt Nam quay lưng lại với đất nước" : người Việt kiều về thăm nhà chỉ muốn làm khách du lịch, người trong nước không muốn nghe nói đến chuyện đất nước. Như đã nói ở trên, hai tiếng "yêu nước" bây giờ thành "tục tũ", "thô bỉ", "nhảm nhí"...

Đa số người Việt Nam đã mất đi lòng yêu nước vì họ quá thất vọng với đất nước (= tổ quốc) nghĩa là với chính quyền (= chính phủ). Đối với người dân, thời Việt Nam theo Khổng giáo chính quyền là vua, "ái quốc" là "trung quân", và "nước" chỉ là một gánh nặng ; thời Pháp thuộc, "nước" đã bị tước đoạt, bộc lộ lòng yêu nước là một điều nguy hiểm ; gần đây, nếu tổ quốc của phe quốc gia là "một tổ quốc tâm phào", thì tổ quốc của phe cộng sản lại là một "một tổ quốc gian ác" (tr. 573).

Từ 1975, chính quyền ở Việt Nam hoàn toàn nằm trong tay đảng cộng sản, cho nên trách nhiệm về tình trạng nói trên hoàn toàn thuộc về đảng này. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã hủy diệt lòng yêu nước của người Việt Nam vì dưới quyền cai trị của họ, họ đã nhân danh tổ quốc tàn sát những người không chấp nhận chủ nghĩa của họ, biến tổ quốc thành "một tổ quốc đao phủ" ; họ đã phát động chiến tranh thôn tính miền Nam, làm cho nước nhà kiệt quệ, "tổ quốc Việt Nam đồng nghĩa với chiến tranh và chết chóc" ; họ đã dùng công an biến Việt Nam thành "một tổ quốc khổng chế và hăm dọa... hành động như bọn giặc cướp... đều cang và lật lọng"... ; họ đã làm cho hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, vì đối với những người này "tổ quốc là sóng gió, hải tặc, cái chết trong bụng cá... là một dĩ vãng cần quên đi".

Tình trạng trên đây làm cho việc đòi tổ quốc phải phải "ăn năn" không phải là vô lý. Khi anh Nguyễn Gia Kiểng viết : "*Tổ quốc phải là một tổ quốc trách nhiệm... biết hối hận và ăn năn...*" (tr. 585), nếu ta thay từ ngữ "tổ quốc" bằng "chính quyền", nghĩa là chính quyền cộng sản, thì câu đó thành "chính quyền [cộng sản] phải là một chính quyền trách nhiệm... biết hối hận và ăn năn...".

### Phục hồi lòng yêu nước

Ăn năn, sám hối thế nào là một vấn đề đã được nhiều người bàn đến nên không cần bàn ở đây. Tóm tắt, tổ quốc (= chính quyền cộng sản) phải trở nên một tổ quốc thiên hòa, khiêm tốn, tự coi mình không phải

là một cứu cánh, mà là một công cụ đứng trong và đứng dưới quốc gia, chỉ có sứ mệnh phục vụ quốc gia, mang lại phúc lợi và niềm tự hào cho dân tộc trong công cuộc xây dựng lại đất nước.

Một điều kiện nữa không kém quan trọng trong công cuộc xây dựng lại đất nước là lòng yêu nước thật sự của người dân. Lòng yêu nước đó đã mất đi thì nay phải phục hồi. Một ưu tư lớn trong việc phục hồi này là tránh những những đổ vỡ về tinh thần, vật chất và nhân mạng cho đất nước. Hơn 30 năm chiến tranh đã gây "phí phạm kinh khủng" về tài nguyên của nước, và tài sản và nhân mạng của dân Việt Nam. Phần khác, qua chiến tranh người Việt đã tỏ ra không yêu nhau : họ đã xung đột nhau gay gắt, phủ nhận, mặt sát, lên án, tiêu diệt nhau. Mà "không yêu nhau là không yêu nước" (tr. 351) Họ đã không có tự hào dân tộc, không dẫn thân tranh đấu, tránh gian nguy, không chấp nhận rủi ro, chấp nhận thỏa hiệp với chế độ độc tài tham nhũng, không chấp nhận một hy sinh nào cả, không gắn bó và trách nhiệm với cộng đồng...

Trong hơn 100 năm qua, thái độ độc lập, thống nhất đất nước, xóa bỏ quá khứ nhục nhã được coi như là những mục tiêu ưu tiên hàng đầu của dân tộc. Tranh đấu để đạt những mục tiêu đó là nhiệm vụ cao cả của mọi người Việt Nam, "tổ quốc" trở thành một cái gì thiêng liêng. "Hy sinh tất cả cho tổ quốc" không chỉ là một khẩu hiệu, mà là một cái gì có một sức lực vô biên. Nhân danh "tổ quốc" người ta sẵn sàng làm tất cả, vô điều kiện, kể cả thù ghét, bắn giết người đồng hương, hăng say đập phá tan tành xứ sở.

Ngày nay, không còn lý do để quan niệm đất nước như một chủng tộc hay quá khứ, "một tổ quốc thiêng liêng mà mọi người phải phục tùng, tôn kính, và phải phục vụ vô điều kiện" nữa, mà phải coi đất nước như là một quốc gia, "một không gian liên đới giữa những người hiểu nhau, quý trọng nhau, và hợp tác với nhau để xây dựng và chia sẻ một tương lai chung" (*Thành Công Thế Kỷ 21*, tr. 30). Quốc gia phải quan niệm như một cứu cánh, phải thực sự tự do, dân chủ, "tập thể của những người tự do, bình đẳng". Trong một quốc gia như vậy nhà nước/chính quyền chỉ là công cụ của quốc gia, phải khiêm tốn hiền hòa, đem lại phúc lợi và niềm tự hào cho người dân (*Thành Công Thế Kỷ 21*, tr. 28).

Trong công cuộc dựng nước, quốc gia cần có một thái độ lo lắng và thận trọng trong việc bảo vệ tài nguyên và nhân mạng, phải "quý trọng từng con đường nhỏ, từng cây cầu, từng dây phố, từng căn nhà...", phải tránh những sự phí phạm và những chiến tranh làm chết hàng triệu người". Trong quốc gia này, người Việt sẽ thương yêu kính trọng lẫn nhau và ngồi lại với nhau để giải quyết những vấn đề bất đồng thay vì khinh miệt lẫn nhau và chỉ tìm giải quyết với người ngoại quốc, hay cầu cạnh người ngoại quốc giải quyết những vấn đề của mình. Đó là tỏ ra tinh thần hòa giải, và tự hào dân tộc.

Một quốc gia như vậy mới có thể đem lại cho mọi người Việt Nam lý do để yêu nước, chung sức dựng nước, để cùng tồn tại, và vươn lên. Có một quốc gia như vậy ai cũng có thể yêu nước được mà khỏi phải cần yêu chủ nghĩa xã hội.

**Tôn Thất Thiện** (Ottawa, tháng 12-2006)

# Chi-Lê : phát triển nhờ độc tài ?

Nguyễn Huy Đức

"Với trái tim Chi-Lê trong một cây đàn, Vít ô a à ra"..., đó là điệp khúc mà những đứa trẻ vào những năm 1975-1980 đã được nghe và đã hát tại Việt Nam.

Đối với những trẻ thơ này, Chi-Lê đã được chính quyền Hà Nội quảng cáo là quê hương của những anh hùng cộng sản đang kháng cự với một nền độc tài khát máu và vô nhân đạo. Dĩ nhiên, chính quyền Việt Nam lúc bấy giờ cũng lên án rằng "Đế Quốc Mỹ" đã đứng sau biến cố trên và đã bật đèn xanh cho tập đoàn quân phiệt Chi-Lê xúc tiến cuộc binh biến.

Đứng đầu nhóm đảo chánh là cựu tướng Augusto Pinochet, nhân vật vừa qua đời ngày 10-12-2006 hưởng thọ 91 tuổi.

## Thử cơ hàn

Sinh ra và lớn lên trong một hoàn cảnh nghèo khó, Augusto Pinochet là con trưởng trong một gia đình đông con (6 anh em). Cuộc đời binh nghiệp của Pinochet khởi đầu nhờ người mẹ đã khuyến khích con mình nộp đơn thi vào trường sĩ quan. Ông phải thi lần thứ 3 mới đậu. Có lẽ vì lý do này mà sau đó Pinochet đã cố gắng bắt kịp thời gian đã đánh mất : ông liên tục được thăng quan tiến chức và cuối cùng được bổ nhiệm vào chức vụ tổng tư lệnh quân lực Chi-Lê vào thời điểm mà tổng thống Salvador Allende bắt đầu đưa quốc gia này vào con đường xã hội chủ nghĩa.

Tướng cũng cần nhắc lại rằng, vào đầu thập niên 1970, chính phủ Allende là chính quyền theo đuổi lý thuyết Mác-xít đầu tiên đã lên cầm quyền bằng lá phiếu (hầu hết các đảng cộng sản cầm quyền khác trên thế giới đều cướp chính quyền chứ chưa bao giờ ra tranh cử và đắc cử trong khuôn khổ hợp hiến và hợp pháp). Nhưng cũng phải khách quan nhìn nhận rằng chính phủ cánh tả Allende đã vấp phải rất nhiều sai lầm, gây nhiều xáo trộn cho xã hội và cho sinh hoạt kinh tế quốc gia. Những xáo trộn này đã gây ra nhiều cuộc đình công lớn, điển hình là cuộc bãi công đại quy mô của giới tài xế xe vận tải. Ngoài ra, chính sách trưng dụng hay thu mua các nông trường và các hãng xưởng cũng đã đem lại tình trạng suy thoái kinh tế trầm trọng với một tỷ lệ lạm phát phi mã (350%).

Hơn thế nữa, chính phủ Allende cũng đã tỏ ra rất lạm quyền. Vì cho là đã được lá phiếu đưa lên nắm giữ chức vụ tối cao, chính phủ Allende đã chẳng nể nang gì những định chế chính trị khác (lập pháp và tòa án). Thái độ này đã tạo ra một tình trạng vô trật tự và hỗn loạn chính trị. Có thể nói mà không sợ sai lầm là vào những tháng ngày cuối cùng của chính quyền Allende, bạo loạn và nội chiến đã manh nha và có lẽ sẽ xuất hiện nếu tệ nạn hỗn loạn chính trị vẫn tiếp tục.

Để chấn hưng tình huống, tổng thống Allende đã quyết định bổ nhiệm tướng Pinochet làm tổng tư lệnh quân lực Chi-Lê với hy vọng rằng viên sĩ quan này sẽ giúp chính phủ tái lập lại trật tự. Nhưng đây là một trong những sai lầm

chết người của tổng thống Allende. Không đầy một tháng sau ngày nhậm chức, tướng Pinochet lên tiếng đòi hỏi tổng thống phải rút lui khỏi chính trường theo lời yêu cầu của Hạ nghị viện, nếu không quân đội sẽ không bảo đảm cho sự tồn tại của chính quyền. Việc làm tiếp nối lời nói, vào ngày 11-9-1973, quân đội Chile đã tổ chức thành công cuộc đảo chính. Tổng thống Allende đã tự sát khi quân đội oanh tạc rồi xua quân vào dinh tổng thống.

## Xiết chặt chính trường

Ngay sau cuộc binh biến chấm dứt, tình trạng thiết quân luật đã được ban hành. Mọi quyền lực đều tập trung vào tay của một ủy ban quân quản. Các quyền dân sự bị hủy bỏ, các đảng phái chính trị cánh tả bị nghiêm cấm. Có thể khẳng định rằng truyền thống dân chủ Chi-Lê đã bị bức tử khi phe quân đội đã cướp chính quyền. Tệ hại hơn nữa, cuộc binh biến đã mở màn cho những tranh chấp quyền lực trong giới quân nhân. Phải đợi đến đến cuối năm 1974, tướng Pinochet mới thu tóm được quyền lực để chính thức trở thành tổng thống.

Liên tức thì, tướng Pinochet đã củng cố quyền lực của mình bằng những đợt truy lùng, bắt bớ, tra tấn, tù đầy hay thủ tiêu những người đối lập, nhất là những người theo đảng cộng sản. Theo thống kê tạm thời thì, dưới chế độ quân phiệt của Pinochet, đã có khoảng 3.000 người bị thủ tiêu hay mất tích, hơn 30.000 người là nạn nhân của những cuộc thanh trừng, tra tấn dã man và hàng chục ngàn người đã trốn ra nước ngoài tị nạn, trốn tránh các cuộc ruộng bắt hay phân biệt đối xử trong nước.

Với mục đích bóp nghẹt "mối đe dọa đỏ", chính quyền quân phiệt Pinochet đã thiết lập một lực lượng công an chìm (Dina) nổi tiếng tàn bạo. Song song đó, Pinochet còn hợp tác với các chế độ độc tài Nam Mỹ để thực hiện Chiến Dịch Condor nhằm truy lùng và sát hại những người theo khuynh hướng Mác-xít.

Tuy nhiên, chính quyền quân phiệt Pinochet vẫn không đoạt được huy chương vàng về tệ nạn vi phạm nhân quyền vì trên phương diện này, các tướng tá Á-Can-Đinh đã tỏ ra xuất sắc hơn nhiều. Chính quyền Pinochet chắc chắn cũng không phải là chính quyền độc tài cầm quyền lâu nhất, vì còn rất nhiều chế độ độc tài đã ra đời trước ngày đảo chính tại Chi-Lê và vẫn tiếp tục tồn tại cho đến ngày hôm nay. Nó cũng không phải là chế độ độc tài vô văn hóa nhất vì Pinochet đã biết sử dụng những chuyên gia và trí thức Chi-Lê để xây dựng lại đất nước.

Đặc điểm của chế độ độc tài Pinochet là đã gây ra rất nhiều tranh cãi, vì có rất nhiều người quan niệm rằng chính quyền độc tài Pinochet đã thành công trong công cuộc chấn hưng kinh tế.

## ...Thả lỏng thương trường

Thật vậy, dưới quyền lãnh đạo của mình, Pinochet chủ

trương áp dụng chính sách kinh tế thị trường. Vì thế, chính quyền Pinochet đã liên tục cắt những ngân quỹ nhà nước, khuyến khích đầu tư nước ngoài, hủy bỏ những biện pháp trợ giá hay kiểm duyệt giá cả, hạ thấp hàng rào thuế quan, v.v...

Có thể nói mà không sợ sai lầm là những gì do Pinochet chủ trương tại Chi-Lê vào thập niên 1970 đang được áp dụng tại Miến Điện, Trung Quốc và Việt Nam.

Cũng phải khách quan nhìn nhận rằng chính sách phát triển kinh tế dựa vào thị trường của chính quyền Pinochet đã nhanh chóng chấn hưng lại nền kinh tế quốc dân. Những thành quả gặt hái được đã làm mê hoặc nhiều người : rất nhiều chuyên gia vẫn quan niệm rằng chính sách kinh tế của chính quyền Pinochet đã đem lại thịnh vượng cho Chi-Lê. Một cách vô tình, những người này đã biện hộ cho lý thuyết cho rằng một quốc gia chậm tiến muốn phát triển cần phải có một chính quyền mạnh, như chế độ độc tài quân phiệt Pinochet.

Tuy nhiên câu hỏi cần đặt ra là chế độ độc tài có phải là một yếu tố không có không được để mở cửa kinh tế và tiến đến thịnh vượng ?

Câu trả lời dứt khoát là không, nhất là đối với một quốc gia như Chi-Lê.

Thật vậy, khác với đa số các quốc gia Nam Mỹ, Chi-Lê là một quốc gia có sinh hoạt dân chủ tự do từ 1930. Phải xem việc chính quyền Allende và tất cả những lạm quyền của nó như một dấu ngoặc trong tiến trình phát triển của đất nước. Dĩ nhiên khó đoán được những gì sẽ xảy ra nếu chính quyền Allende không bị lật đổ. Có lẽ nó sẽ hấp hối trong một khoảng thời gian dài trước khi cáo chung. Có lẽ nó sẽ gây nhiều tác hại hơn. Nhưng, có thể khẳng định mà không sợ sai lầm là cuộc binh biến lật đổ tổng thống Allende đã gây nhiều đổ vỡ hơn cho Chi-Lê.

Những mất mát, chia rẽ, hận thù trong những năm tháng dưới chế độ độc tài sẽ còn chờ rất nhiều thời gian và lòng quyết tâm của mỗi người để có thể được san bằng. Ngay sau khi cựu tổng thống Augusto Pinochet vừa qua đời, nhiều cuộc xung đột giữa phe ủng hộ và chống đối trên đường phố thủ đô Santiago là một bằng chứng cụ thể về một cuộc hòa giải dân tộc đang còn dang dở.

### **Độc tài : một xa xỉ phẩm ?**

Hơn thế nữa, với một chính quyền độc tài quân phiệt, Chi-Lê đã phải trả một giá rất đắt để đi vào lộ trình phát triển.

Như đã đề cập ở trên, tướng Pinochet đã chịu nhiều ảnh hưởng của những chuyên viên kinh tế thuộc trường phái tự do kinh tế. Người ta thường đề cập đến những người theo đuổi trường phái này như những "Chicago Boys". Cách xưng hô này ám chỉ những sinh viên tốt nghiệp từ những trường đại học kinh tế và thương mại của thành phố Chicago, tổng hành dinh của chủ nghĩa tư bản. Lẽ dĩ nhiên, sau khi thành tài, những sinh viên này đương nhiên trở thành những chuyên gia hay cố vấn kinh tế cho các chính khách lớn trên toàn cầu. Thế nhưng những phương pháp hay chính sách mà họ đề xướng ra chưa chắc gì đã phù hợp

với môi trường phát triển của từng quốc gia. Chính vì vậy, sai lầm là một điều không tránh khỏi.

Thông thường, tại một số quốc gia dân chủ, những sai lầm này có thể kiểm soát được vì những chính sách mà nó là kết quả đã được bàn tán kỹ lưỡng trước khi đem ra áp dụng. Do đó những tác hại của nó, nếu có, mà dân chúng là hàn thử biểu để đo lường, có thể bị ngăn chặn kịp thời.

Ngược lại, tại những quốc gia độc tài, các chính sách trên thường được đem ra áp dụng một cách độc đoán bởi một người hay một nhóm người, bất chấp những quy luật đương nhiên của xã hội mà Chi-Lê là một thí dụ của chế độ độc tài toàn trị điển hình. Thật vậy, trong giai đoạn 1975-1995, Chi-Lê đã là địa bàn cho những thử nghiệm của giới chuyên gia về phát triển kinh tế bất chấp những thiệt hại cho tương lai.

Như trên đã nói, cái giá mà người dân Chi-Lê phải trả cho phát triển là hàng ngàn vụ mất tích, bắt bớ và tra tấn. Đó là chưa nói đến hiện tượng chất xám bỏ ra nước ngoài vì sợ bắt bớ trong nước. Cái giá mà Chi-Lê đã trả cho phát triển rất cao nhưng kết quả chẳng có gì vinh quang : Chi-Lê lâm vào khủng hoảng tài chánh lớn năm 1982. Nguyên do của cuộc khủng hoảng này là chính sách hối suất cô đọng và lỗi thời cùng với chương trình tư hữu hóa ngân hàng thiếu vắng cạnh tranh. Hậu quả kinh tế của nó là cơn sốt thất nghiệp và sự phẫn nộ của thường dân. Nhiều cuộc bãi công, bạo loạn đã xảy ra và lan tràn từ thủ đô đến các tỉnh lỵ xa xôi. Chỉ sau khi thất bại ê chề, chính quyền Pinochet mới thay đổi đường lối, chấp nhận cạnh tranh và nới lỏng tự do. Cuối cùng nền dân chủ lâu đời của Chi-Lê đã được tái lập vào năm 1988 mặc dù Pinochet vẫn cố gắng bám víu quyền lực với chức vụ tư lệnh quân lực rồi nghị sĩ trọn đời.

Cái chết của Pinochet vẫn là một cơ hội để rút tỉa một số bài học tưởng như đã quá rõ ràng.

Một là chính quyền độc tài là một xa xỉ phẩm mà gia tài và mồi lực của các quốc gia nhược tiểu không có quyền duy trì. Lý do rất dễ hiểu : với nhu cầu tồn tại, các chế độ độc tài thường muốn đạt đến những mục tiêu phô trương, bất chấp giá phải trả (xã hội, con người, môi trường...).

Hai là độc tài chưa bao giờ sáng suốt và chẳng bao giờ đem lại phần vinh lâu dài. Độc tài sáng suốt đem lại phần vinh, từ đó tự do và dân chủ tất nhiên nảy nở là một lý thuyết mơ hồ. Chỉ có dân chủ, tự do mới có khả năng làm đem lại phát triển. Tự do đem lại phát triển và nâng cao hơn mức độ dân chủ.

Ba, khi nền dân chủ được thiết lập, sẽ có một giai đoạn chuyển tiếp mà trong đó những "tàn dư của chế độ cũ" vẫn có thể hoặc vẫn tiếp tục tồn tại (biểu tượng, nhân sự, guồng máy hành chánh...). Đây sẽ là một giai đoạn đau nhức đối với những người đã từng là nạn nhân của chế độ vừa tan rã. Tại một nước Việt Nam dân chủ, có thể nhiều người sẽ tự hạp và than khóc khi biết tin Lê Đức Anh hay Đỗ Mười chết. Cần chuẩn bị và bình tĩnh chấp nhận giả thuyết này và ngay cả những hiện tượng nhức nhối hơn nữa.

**Nguyễn Huy Đức (Paris)**

## Giao lưu cùng ông Nguyễn Trần Bạt

*Diệt Hoàng*

(Viết tặng các bạn sinh viên sau khi đọc bài "Ông Nguyễn Trần Bạt giao lưu với sinh viên Khoa quản lý đào tạo quốc tế")

Con người luôn bao gồm hai phần đó là thể xác và tinh thần. Cả hai phần này cần được phát triển và chăm sóc một cách đồng đều vì nếu một trong hai phần bị bỏ quên thì một con người hoặc sẽ không tồn tại hoặc sẽ tồn tại mà không ra gì.

Tôi không còn trẻ nữa nhưng khi đọc bài "Ông Nguyễn Trần Bạt giao lưu với sinh viên Khoa quản lý đào tạo quốc tế" tôi đã rất xúc động. Bài nói chuyện này là món ăn vô cùng bổ ích cho đời sống tinh thần không những với các bạn sinh viên và thanh niên mà còn hữu ích với tất cả mọi người, tất cả những ai có tinh thần đời sống phong phú và cầu tiến.

Tôi tin là nhiều người khi đọc xong bài nói chuyện này sẽ đồng ý với tôi rằng nếu các bạn sinh viên hiểu và nhận thức hết được những gì mà ông Nguyễn Trần Bạt truyền tải đến các bạn qua bài này thì người sinh viên đó nhất định sẽ thành công trong cuộc sống.

Ông Nguyễn Trần Bạt được biết đến như một doanh nhân thành đạt, là người sáng lập kiêm chủ tịch và tổng giám đốc Invest Consult Group, ông Bạt được nêu danh trong cuốn *Barons Who's Who in Vietnam* và *Barons Who's Who in Asia Pacific* như một luật sư và nhà tư vấn xuất sắc. Thế nhưng trong bài viết này tôi muốn đề cập đến ông Nguyễn Trần Bạt không chỉ là một doanh nhân mà còn là một nhà văn hóa, một nhà văn, một nhà chính trị, một nhà triết lý xuất sắc và hiểu biết rộng.

Một trong những phẩm chất không thể thiếu được để trở thành một doanh nhân thành đạt đó là sự thực tiễn. Chính ông Bạt đã khẳng định rằng : *"Tôi không thể đem chi bộ, công đoàn của công ty ra thay thế tiền lương cho cán bộ được". "Có thực mới vực được đạo", "cơm áo không đùa với khách thơ"...* Có phải chăng vì lẽ đó mà những người thành đạt trong kinh doanh như ông Nguyễn Trần Bạt hay Bill Gates luôn được các bạn trẻ ngưỡng mộ ?

Điều mà tôi tin ai cũng cảm nhận được vì nó xuyên suốt trong bài nói chuyện của ông Nguyễn Trần Bạt đó là sự chân thật và chia sẻ. Trong một xã hội bùng nổ thông tin, thiếu dân chủ và sự dối trá đã thành thói quen như ở Việt Nam thì những lời chân thành và thẳng thắn của ông sẽ góp phần thức tỉnh nhiều người, nhất là các bạn trẻ và sinh viên để rồi từ đó các bạn có được một sự nhìn nhận đúng đắn và tích cực đối với mọi diễn biến của cuộc sống. Từ đó các bạn sẽ định hướng đúng cho cuộc sống và cho những dự tính của mình trong tương lai.

Vì sao tôi nói rằng ông Nguyễn Trần Bạt là một nhà chính trị và một nhà triết lý xuất sắc ? Tôi cho rằng trong tất cả những hiểu biết của con người về cuộc sống thì hiểu biết về chính trị là hiểu biết quan trọng nhất. Chúng ta nhiều khi hay bị người khác quan trọng hóa danh từ "chính

trị" nên cứ nghĩ nó cách biệt và không liên quan gì đến mỗi người trong chúng ta thế nhưng thực tế thì không phải như vậy mà hoàn toàn ngược lại. Chính trị liên quan mật thiết đến cuộc sống của mỗi chúng ta và trong mọi lãnh vực từ việc nhỏ nhất như giá xăng dầu, giá dịch vụ điện thoại, giá tiền của bát cơm bụi đến chuyện lớn như tự do ngôn luận hay thành lập các tổ chức độc lập... đều bị các quyết định chính trị chi phối.

Một người có hiểu biết về chính trị sẽ tiên đoán được điều gì sẽ xảy ra trong tương lai và sẽ có những dự định thích hợp cho mình. Trường hợp thành công của ông Nguyễn Trần Bạt là một minh chứng tuyệt vời cho nhận định trên. Ngay từ trong những thập kỷ 80 ông đã tiên đoán là thế nào khối xã hội chủ nghĩa cũng sẽ sụp đổ, Việt Nam sẽ rơi vào khủng hoảng cho nên Việt Nam phải đổi mới và mở cửa. Trong thời gian đó (năm 1990-1991) tôi đang ở trong lòng nước Nga, đã chứng kiến những giây phút hấp hối sau cùng của nhà nước Liên Xô xã hội chủ nghĩa mà vẫn không tin rằng chủ nghĩa cộng sản đã chết. Khi đó tôi mới đến nước Nga chưa lâu và vẫn mang nặng trong mình những kiến thức đã được dạy và học dưới mái trường xã hội chủ nghĩa nên không thể nào tin được là một đất nước vĩ đại như Liên Xô mà có thể sụp đổ nhanh chóng đến như vậy, và người "tiền đưa" chủ nghĩa cộng sản Liên Xô về bên kia thế giới không phải là Mỹ hay một kẻ thù nào khác mà là chính nhân dân Liên Xô. Có lẽ cũng vì cú sốc này mà tôi đã "chia tay ý thức hệ", bắt đầu tìm hiểu về những giá trị, nhận thức mới, thực tế hơn những thứ mà trước đây tôi vẫn được dạy dỗ là phải căm thù và chống đối.

Từ những nhận định rất chính xác và mạnh dạn đó về tình hình chính trị thế giới và tình hình Việt Nam đã làm nên một doanh nhân nổi tiếng và thành đạt : Nguyễn Trần Bạt.

Ông Bạt có nói rằng *"tôi không phải là một nhà hàn lâm"* nhưng tôi thấy ông là một nhà hàn lâm, một triết gia xuất sắc. Tôi là người đã sống ở nước ngoài hơn 20 năm, đã làm nhiều việc để mưu sinh và bây giờ đang kinh doanh, tôi có một cuộc sống tạm ổn, không giàu không nghèo, tuy vậy tôi có thể mua một chiếc ô tô dễ hơn nhiều bạn sinh viên nghèo mua một chiếc xe đạp. Tôi nói điều này để các bạn sinh viên hiểu rằng tôi cũng rất thực tế. Mỗi ngày tôi đọc trên internet vài ba tiếng đồng hồ, vì ở nước Nga không có "tường lửa" nên tôi có thể tiếp xúc với mọi thông tin đa chiều và khác nhau, thế mà vẫn có những điều tôi vẫn không lý giải được. Chính ông Nguyễn Trần Bạt là người đã giúp tôi lý giải được nó, điều mà tôi muốn nói đến đó là "khoảng cách giàu nghèo trong xã hội".

Tôi cũng đã từng rất nghèo, tôi vẫn biết là trong xã hội luôn tồn tại người giàu và người nghèo, tức là tồn tại nhiều

giai cấp. Thế nhưng do ảnh hưởng của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa là phải đấu tranh giai cấp cho nên không những tôi mà chắc là còn nhiều người cũng nghĩ như vậy, tức là họ căm ghét những người giàu có. Trong xã hội Việt Nam ngày nay vẫn có những định kiến cho rằng sự giàu có của nhiều người là do bóc lột, và là nguyên nhân tạo ra sự nghèo khổ cho nhiều người khác ? Tôi kinh doanh mà nguyên lý của kinh doanh là sự trao đổi có thỏa thuận, tôi không bóc lột và làm một điều gì xấu xa, thế thì tôi và những người kinh doanh chân chính khác có đáng bị căm ghét và khinh bỉ hay không ?

Cái mâu thuẫn này cứ ám ảnh trong tôi cho đến bây giờ. Sau khi được ông Nguyễn Trần Bạt phân tích thì tôi thấy an tâm và thanh thản : *"Khoảng cách giàu nghèo không chỉ là khoảng cách của sự may mắn mà còn là khoảng cách của sự phân bố tự nhiên các năng lực của con người. Cho nên, chúng ta phải thừa nhận khoảng cách ấy một cách khách quan mà chúng ta không thể khắc phục triệt để khoảng cách ấy được"*. Nếu bạn kinh doanh và làm giàu chính đáng thì không có gì đáng xấu hổ và xét về mặt triết học thì đó còn là sự công bằng trong xã hội. Nếu bạn thừa nhận điều đó thì không có gì phải căm ghét những người giàu có, mà nên cố gắng để trở thành giàu có. Điều cần phải chống không phải là khoảng cách giàu nghèo mà phải chống cái nghèo cái đói, chống làm giàu phi pháp và bất chính. Và ông cũng cảnh báo rằng : *"Khi người ta nhận thức được rằng khoảng cách giàu nghèo là một tất yếu thì người ta sẽ không đau khổ, còn nếu khuyến khích người ta nhìn nhận một cách sai lệch về khoảng cách giàu nghèo thì sẽ có đấu tranh giai cấp và sẽ có cách mạng và chúng ta lại cùng nhau nghèo đói"*.

Để người dân có thể làm giàu chính đáng thì mọi chính quyền có trách nhiệm phải tạo điều kiện để người dân có thể làm giàu bằng chính khả năng và khát vọng chính đáng của mình. Cụ thể là chính quyền phải minh bạch mọi luật lệ - chính sách đầu tư kinh doanh, cần phải đối xử công bằng giữa các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp nhà nước, cần phải có những chính sách hỗ trợ các bạn trẻ bằng việc cung cấp tín dụng và các thông tin cần thiết. Điều mà chính quyền cần làm hơn tất cả là phải để cho người dân được tự do. Có tự do thì mọi người dân mới dám nghĩ dám làm và có thể mới xóa đói giảm nghèo, mới làm cho người dân giàu có hơn được. Người dân ở các nước tự do và dân chủ luôn giàu có và thành đạt hơn người dân ở các nước độc tài.

Còn về phía các bạn sinh viên ông cũng chân thành khuyên rằng không thể đốt cháy giai đoạn được, phải đi làm thuê, làm mướn trước thì mới được làm chủ sau. Tôi rất đồng ý và cho rằng dưới 30 tuổi mà bạn đã giàu có rồi thì chưa chắc đó là điều tốt cho bạn. Tuổi đó chưa giữ được tiền, vì khi các bạn còn trẻ thì vẫn còn "hăng" nên dễ thất bại. Nếu có một lời khuyên thì tôi cho rằng các bạn trẻ phải có một ước mơ (rất cháy bỏng, bền bỉ và quyết liệt) là "một ngày nào đó ta sẽ giàu" hãy để giấc mơ đó đi theo bạn vào giấc ngủ và cả những lúc khó khăn cực nhọc nhất. Khi bạn đã xác định được mục đích của mình thì những khó

khăn vấp phải hiện tại đều là nhỏ bé và không đáng để bạn bận tâm. Tất nhiên các bạn đừng bao giờ làm những điều sai quấy để rồi nó ảnh hưởng đến bạn suốt cuộc đời còn lại. Hãy để cho tâm hồn mình luôn được trong sáng và thánh thiện, ông Nguyễn Trần Bạt khẳng định : *"Tâm hồn như một đôi cánh để giúp con người đi qua các khó khăn mà nó không kịp nhận ra sự bất hạnh của nó trong khó khăn. Đây là kinh nghiệm vĩ đại nhất mà một người 60 tuổi như tôi nhận ra ở con người... Đừng vì sự tỉnh táo, sự khôn ngoan mà đánh mất đi sự trong sáng của đời sống tâm hồn, vì nếu đánh mất nó thì con người sẽ trở thành một kẻ lữ hành bằng cách đi bộ trên mặt đất đầy chông gai. Nếu giữ được sự trong sáng của đời sống tâm hồn thì các bạn sẽ thấy rằng đôi lúc người ta bay mà không phải đi bộ"*.

*"Điểm yếu nhất của sinh viên Việt Nam hiện nay là không hiểu tự do là gì ?"*, ông Nguyễn Trần Bạt nhận định. Tôi hoàn toàn đồng tình và thêm rằng không những sinh viên mà còn có cả những người vẫn coi mình là trí thức cũng không hiểu gì về tự do cả. Tôi ví dụ, vẫn có người cho rằng "đa đảng là loạn" ! Con người chứ đâu phải mãnh thú mà khi được "tự do" là cắn xé nhau ? Hơn nữa xã hội nào cũng có pháp luật để đảm bảo an ninh trật tự, bất cứ một kiểu tự do gì cũng không thể đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng. Ở Mỹ hay Pháp người dân có thể tự do biểu tình ôn hòa hay tự do chỉ trích chính phủ nhưng không thể nào tự do đập phá hay tự do đâm đá nhau được. Con người rất cần có tự do bởi vì ông Nguyễn Trần Bạt nói : *"Khi con người có tự do và biết sử dụng công nghệ tự do thì tự nhiên con người sẽ hình thành một khả năng rất quan trọng đó là tự lập. Khi nào các bạn tự lập được thì các bạn mới trả lời được một cách chính xác mình là ai. Khi còn sống bằng bố mẹ, bằng cô dì, chú bác, bằng tất cả các mối quan hệ không phải là sản phẩm trực tiếp từ trí tuệ của mình thì chưa tự lập. Khi nào con người tự lập được thì sẽ xuất hiện một cái quan trọng hơn nhiều, đó là tự trọng. Tự do - Tự lập - Tự trọng là những đại lượng hết sức quan trọng để hình thành giá trị của con người"*.

Thế kỷ 21 là thế kỷ của sự sáng tạo và những ý tưởng mới. Nếu không được tự do trong cách suy nghĩ và hành động thì làm sao các bạn sinh viên có thể có những giấc mơ và hoài bão lớn được ? Làm sao các bạn có thể làm giàu được ? *"Thực phẩm của những thiên tài là tự do, mà điểm mấu chốt của tự do là quên đi sự lệ thuộc của mình vào lời khen, tiếng chê của người khác"*. Có những điều hôm nay bạn đang làm bị nhiều người khác cho là "dở hơi", thậm chí "bậy bạ", nhưng ngày mai nó sẽ là đúng đắn, cái chính là bạn phải có thật đầy đủ các thông tin về việc mà bạn định làm và bạn phải đánh giá một cách nghiêm túc tính khả thi của việc đó, khi đã tin vào việc mình làm rồi thì phải mạo hiểm và chấp nhận đi đến cùng. Những người thành công đều thường bắt đầu bằng sự "hâm hâm" của mình.

Một điều mà ông Nguyễn Trần Bạt không nói rõ nhưng tôi tin là nhiều bạn sẽ hiểu và hãy xem đấy như là một lời nhắn nhủ, một phương pháp sống, làm việc, và là một kỳ vọng của ông gửi đến lớp trẻ, đó là khi ông khuyên các bạn

sinh viên nên chia cuộc sống của mình thành hai phần. Một phần là thành đạt và một phần thông thường. "...Để tạo ra cuộc sống hàng ngày thì con người phải lao động một cách thông thường, chấp nhận các tiêu chuẩn thông thường, sử dụng các công nghệ thông thường của cuộc sống"; ngoài cái phần sống thông thường (đời thường) đó các bạn sinh viên phải biết đầu tư cho phần tâm hồn, phần cuộc sống thành đạt. Tức là bạn phải có một lý tưởng để theo đuổi, ngoài việc đi kiếm cơm ăn hàng ngày. Lý tưởng đó là làm giàu chính đáng, lý tưởng đó cũng là tham gia vào công cuộc đấu tranh dân chủ để mang lại hạnh phúc công bằng cho mọi người, lý tưởng đó là tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, lý tưởng đó là xây dựng một đất nước giàu đẹp để có thể tự hào với mai sau... Hãy làm tất cả những gì mà bạn xem đó là cao đẹp và chính đáng. Tất nhiên xã hội bây giờ chưa cho phép bạn làm những điều đó nhưng từ bây giờ bạn phải biết trau dồi cho mình những kiến thức cần thiết để khi cần là có thể sử dụng được ngay.

Ông Nguyễn Trần Bạt cho rằng sự thành đạt của mỗi người đó là sự gặp gỡ thuận lợi giữa những các tiềm năng bên trong của con người với những điều kiện khách quan. Bạn không thể thành đạt nếu bạn không chuẩn bị cho mình những kiến thức và hiểu biết để đón nhận sự thay đổi khách quan của xã hội mỗi khi nó đến.

Một câu chuyện rất hay để có thể chứng minh cho điều này, câu chuyện cổ ở Trung Quốc kể rằng có một ông lão được một thầy tướng số phán rằng ông ta sẽ được "vời" ra làm quan Tế Tướng ở tuổi 70 (tôi quên mất tên). Thoạt đầu ai cũng cười vì cho rằng ông thầy tướng số nói sai, 70 tuổi mới được làm quan thì già mất rồi còn gì ? Thế mà sự việc xảy ra đúng như ông thầy tướng số tiên đoán. Câu chuyện này nhằm mục đích tuyên truyền cho việc xem tử vi, vào số phận may rủi của con người trước đây. Thế nhưng theo tôi ông lão này phải có một kiến thức rất lỗi lạc, uyên thâm và được rất nhiều người biết đến nhưng vì thời buổi nhiễu nhương, hôn quân trị vì nên cái tài của ông không được sử dụng cho nên ông phải chờ đến năm 70 tuổi, khi thiên hạ thái bình, minh quân xuất hiện thì cái tài của ông mới được nhìn nhận. Đó là sự gặp gỡ giữa tiềm năng con người với điều kiện khách quan.

"Con người cần phải có đủ tự tin để tin vào sự cao quý của đời sống tinh thần của mình. Cái đó là tài sản vô giá của tất cả các bạn, không vì bất cứ lý do gì mà đánh đổi nó. Thưa ông, thưa bà, ông bà có thể lấy đi bất cứ cái gì thuộc về miền năng lực thông thường của tôi, nhưng cái bí mật, cái riêng tư của đời sống tâm hồn của tôi thì xin ông bà bỏ dèp bên ngoài nếu muốn bước vào !".

Khi giàu có và thành đạt người ta thường nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi và hưởng thụ, đó là việc làm hoàn toàn chính đáng như là để bù cho những năm tháng cống hiến và lao động vất vả của tuổi trẻ. Thế nhưng ông Nguyễn Trần Bạt đã không làm như vậy, dù có đủ điều kiện để nghỉ ngơi nhưng ông vẫn lao động không mệt mỏi. Ông đã viết được ba cuốn sách : "Văn hóa và con người", "Suy tưởng" và "Cải cách và sự phát triển" và ông vẫn tiếp tục viết sách, tôi mong các tác phẩm của ông được đưa lên

mạng hoặc phổ biến rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân đặc biệt là trong các bạn trẻ. Ông đã dành nhiều thời gian để giao lưu với sinh viên các trường đại học lớn trong nước. Ông tạo ra một tiền lệ rất tốt cho hoạt động rất văn hóa và cần thiết, tạo nên cầu nối giữa các thế hệ : giao lưu với sinh viên. Tôi cũng mong rằng các trường đại học lớn ở Việt Nam nên tạo nhiều cơ hội để những người như ông Nguyễn Trần Bạt có cơ hội giao lưu với các em sinh viên và ngược lại.

Tôi tin rằng những tâm tình, những lời nói chân thật thẳng thắn xuất phát từ trái tim, những trăn trở và kỳ vọng của ông vào tương lai dân tộc, vào lớp trẻ sẽ được đón nhận nồng nhiệt bất cứ nơi nào, khi ông đến.

Năm mới 2007 đã đến, thời gian trôi thật là nhanh, năm 2007 sẽ có một sự kiện vô cùng quan trọng trong đời sống chính trị-xã hội của Việt Nam đó là Bầu Cử Quốc Hội. Đây là một cơ hội tốt cho một công cuộc "Đổi Mới" mới. Tôi tin rằng sẽ có những thay đổi tích cực, không chỉ với nhà cầm quyền mà còn từ nhận thức của dân chúng, đặc biệt là từ giới trẻ: thanh niên và sinh viên, những chủ nhân tương lai của đất nước.

*Việt Hoàng* (Moskva)

## Nguyệt san THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

Giá bán tại châu Âu : **35 EUR/năm.**

**Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :**

**Tại Pháp :** Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

**Tại Đức :** Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

**Tại Hòa Lan :** Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

**Tại Bỉ :** Nguyễn Gia Thuởng, 83 Avenue de Jette, 1090 Bruxelles. Ngân phiếu xin đề *Nguyen Gia Thuong*.

**Tại Anh :** Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là **25 GBP**. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

**Tại Hoa Kỳ và Canada :** Nguyễn Văn Hiệp, 1332 Land Grant Road, Charlotte, NC 28217, USA. Giá báo một năm là **45 USD**. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Van Hiep* (TL).

**Tại Úc :** Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là **65 AUD**. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin rằng phát triển kinh tế chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa, vì thế cần phát huy một văn hóa kinh doanh, tôn vinh cố gắng làm giàu chính đáng và gây một tâm lý tin tưởng và lạc quan trong xã hội".

# Ba Lan : Bầu cử địa phương - bước tiến dài của nền dân chủ trẻ

*Đinh Minh Đạo*

## Vài nét về lịch sử

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, Ba Lan giành được độc lập ngày 11-11-1919. Đất nước được thống nhất lại từ ba vùng dưới sự cai trị của ba đế quốc : Áo-Hung, Đức và Nga. Lãnh thổ từ bờ biển Baltic đến dãy núi Karpates được chia thành 17 tỉnh.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, năm 1945 Stalin đã áp đặt Ba Lan theo chế độ xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, việc phân chia khu vực và các cấp hành chính luôn thay đổi. Việc "nhập" và "tách" các tỉnh, huyện, xã rất tùy tiện. Đặc biệt năm 1975 chính quyền cộng sản phân chia lại lãnh thổ thành 49 tỉnh, xóa bỏ cấp huyện, gây ra biết bao khó khăn và xáo trộn trong đời sống, sinh hoạt của người dân, làm tổn hại đến ngân sách quốc gia. Việc bầu cử ở các cấp địa phương cũng giống như ở các nước theo chế độ cộng sản khác, phương châm "đảng cử", "dân bầu" được áp dụng từ các cấp trung ương đến địa phương.

Ngày 4-6-1989 cuộc bầu cử quốc hội dân chủ đầu tiên được tiến hành, Công Đoàn Đoàn Kết (Solidarnosc) đã thắng lớn và thành lập chính quyền dân chủ đầu tiên sau 65 năm dưới sự lãnh đạo độc tài của đảng cộng sản. Chính quyền mới đã chấn chỉnh lại hệ thống hành chính : cấp huyện được tái lập trở lại, cơ quan hành chính các cấp được bầu cử dân chủ. Năm 2002, trước khi ra nhập Liên Hiệp Châu Âu, Ba Lan đã cải cách toàn bộ và sâu rộng hệ thống hành chính, trong đó có việc phân chia lại lãnh thổ thành 16 tỉnh với 66 quận, 314 huyện và 2.478 xã. Với một diện tích 312.685 km<sup>2</sup> và 38,5 triệu dân, các đơn vị hành chính và hệ thống quản lý các cấp địa phương đều theo quy định của Liên Hiệp Châu Âu. Về diện tích Ba Lan đứng thứ 4, về dân số đứng thứ 5 trong 25 nước của Liên Hiệp hiện tại.

## Vận động bầu cử sôi động, văn minh

Nhiệm kỳ của các cơ quan nhà nước như hội đồng tỉnh, thành phố, quận, thị trưởng các thành phố, thị trấn... là 4 năm. Đặc biệt đây là lần thứ hai Ba Lan tiến hành bầu cử trực tiếp thị trưởng của tất cả các thành phố, thị trấn trên toàn quốc.

Cuộc bầu cử các cấp địa phương năm 2006 tiến hành rất sôi động, các ứng cử viên thuộc các đảng hoặc độc lập đều tự do đăng ký ở các ủy ban bầu cử địa phương. Trên các xa lộ, các đường phố, các khu dân cư, các pan-nô vận động bầu cử được dựng lên chiếm hết chỗ của các quảng cáo thương mại. Hai kênh truyền hình nhà nước ở trung ương và kênh địa phương phân chia đều thời gian giành cho vận động bầu cử của các ứng cử viên. Các cuộc thảo luận, tranh luận giữa các ứng cử viên về chương trình tranh cử trên báo chí, radio và truyền hình đã được người dân đặc biệt theo dõi. Những biểu ngữ hoặc phát biểu có nội dung miệt thị, xúc phạm hoặc vu cáo các cá nhân và các đảng đối lập đều bị ủy ban bầu cử yêu cầu loại bỏ.

Theo dõi cả quá trình vận động bầu cử, chúng tôi thấy trong các chương trình vận động bầu cử của các cá nhân, các đảng không hề có những ngôn từ sáo rỗng. Thay vào đó là những chương trình tranh cử cụ thể trong nhiệm kỳ bốn năm như : giảm tỷ lệ thất nghiệp tại địa phương, phát triển giáo dục, giải quyết ách tắc giao thông, xây dựng cầu đường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, giảm tội phạm, v.v. Tóm lại, những gì ứng cử viên đưa ra là những vấn đề rất thiết thực với người dân và liên quan trực tiếp đến đời sống và sinh hoạt của họ. Đó chính là chất keo gắn bó người dân với việc bầu cử các cơ quan và chức vụ công quyền ở các địa phương của họ.

## Bầu cử địa phương, cánh hoa của nền dân chủ trẻ

Trong ngày 12-11-2006, hơn 50% cử tri trên toàn quốc đã đi bỏ phiếu.

Kết quả cuộc bầu cử hội đồng các cấp như sau : hai đảng hậu Solidarnosc đã dẫn đầu, đó là Đảng Nền Tảng Công Dân (PO) với 27,18 % phiếu và Đảng Luật Pháp và Công Lý (PiS) 25,08 % ; đứng thứ ba là liên minh hai đảng hậu cộng sản Cánh Tả và Dân Chủ (LiD) 14,25 %.

Việc các ứng cử viên độc lập (không thuộc đảng phái nào) được bầu vào các chức thị trưởng của các thành phố lớn làm dư luận đặc biệt chú ý. Trong số 15 người trúng cử ngay từ vòng đầu, 12 người là ứng cử viên độc lập. Người được tái cử vào chức thị trưởng thành phố Wrocław (thành phố công nghiệp quan trọng sau thủ đô Warszawa) là một ứng cử viên độc lập, ông Rafal Dutkiewicz, thị trưởng Wrocław từ năm 2002.

Rafal Dutkiewicz tham gia Solidarnosc từ năm 1979, đã giữ chức bí thư ủy ban công dân. Sau khi Solidarnosc thắng trong cuộc bầu cử tự do năm 1989, ông từ chối chức vụ chính quyền để đi tu nghiệp khoa kinh tế với học bổng khoa học Freiburg của Đức. Người dân thành phố Wrocław thường nói về ông như sau : "Rafal Dutkiewicz cao 1m95, nhưng ông không nhìn người dân từ chiều cao sấn có của mình". Ngay từ những ngày đầu nhậm chức, ông đã thực hiện kế hoạch phát triển thành phố về mọi mặt. Việc đầu tiên, để giảm tỷ lệ thất nghiệp trong thành phố, là thu hút vốn đầu tư của nước ngoài : ông lập nhóm đặc trách trong tòa thị chính phụ trách đầu tư nước ngoài. Từ việc đơn giản các thủ tục hành chính đến các yêu cầu về điện, nước, giao thông vận tải... của nhà đầu tư đều được giải quyết kịp thời. Hiện nay Wrocław là thành phố phát triển nhanh nhất với số vốn đầu tư nước ngoài cao nhất.

Trong bốn năm qua, các công ty nước ngoài đã đầu tư vào Wrocław là LG Philips, Wrozent, Whirlpool, Fagor, Siemens, Volvo, Wabco, 3M, HP và Toshiba và đã tạo khoảng 40.000 công việc làm cho thành phố ; Wrocław là địa phương có tỷ thất nghiệp thấp nhất.

Khi nhận thấy rất nhiều những kỹ sư, chuyên gia kinh tế kỹ thuật rời Ba Lan sang các nước Tây Âu làm việc,

Rafal Dutkiewicz lo ngại rằng nếu đà này cứ tiếp tục thành phố Wrocław sẽ thiếu chuyên gia kỹ thuật, ông liền cho dựng các biển quảng cáo việc làm ngay tại Luân Đôn để lôi kéo các trí thức Ba Lan về Wrocław làm việc.

Năm 2005 Wrocław trở thành thành phố điển hình về phát triển. Hội nghị thượng đỉnh về phát triển địa phương và thành phố của Liên Hiệp Châu Âu đã được tổ chức tại thành phố này với 800 đại biểu và hơn 100 nhà báo đến từ các nước của Liên Hiệp.

Về chính trị, Rafal Dutkiewicz không tham gia đảng phái nào, nhưng ông không ngại khi nhận xét về các hoạt động của các đảng phái trong thành phố. Ông trân trọng các giá trị của nền văn hóa cơ đốc giáo, mỗi sáng chủ nhật ông cùng vợ và các con đi lễ nhà thờ nhưng không như các thị trưởng của các thành phố khác, ông không ra quyết định cấm các cuộc tuần hành trong trật tự của những người đồng tính luyến ái. Theo ông, tự do là một trong những giá trị quý giá nhất của con người. Không ai ngạc nhiên khi ủy ban bầu cử công bố ông Rafal Dutkiewicz đắc cử ngay vòng đầu với 84,53 % số phiếu, vì thực sự ông không có đối thủ.

Lukasz Wisniewski tốt nghiệp đại học tổng hợp thành phố Szczecin, Ba Lan, và đang làm việc tại Luân Đôn. Anh quyết định trở về thành phố quê hương Barcin, nơi anh đã chào đời và trưởng thành, để ứng cử vào chức thị trưởng. Anh đã tự lập ra ủy ban vận động bầu cử độc lập và tiến hành vận động bầu cử theo "kiểu Mỹ". Anh gặp gỡ riêng từng cử tri, đặc biệt là giới trẻ, để lắng nghe ý kiến của họ và trình bày kế hoạch đổi mới thành phố của mình. Kết quả : Lukasz đã thắng cử với số phiếu gấp đôi đối thủ của mình là ông đương kim thị trưởng, người đã giữ chức vụ này từ năm 1990. Năm nay Lukasz Wisniewski vừa tròn 25 tuổi.

Cải cách hành chính và tự quản lý của các địa phương, trong đó có bầu cử dân chủ là một trong những thành tựu quan trọng nhất mà cuộc cách mạng bất bạo động của Liên Hiệp Châu Âu đã mang lại cho nhân dân Ba Lan. Nhờ đó, người dân đã tự định đoạt vận mệnh của mình và đất nước Ba Lan đã tiến những bước dài mới chỉ sau 16 năm sinh hoạt dân chủ.

### Trông người lại nghĩ đến ta

Viết đến đây, hình ảnh các cuộc bầu cử ở Việt Nam trở lại với tôi như những kỷ niệm buồn. Để chuẩn bị cho các cuộc bầu cử, người ta căng đầy trên đường phố những khẩu hiệu, biểu ngữ với những ngôn từ sáo rỗng như : "Sống, làm việc theo pháp luật", "Sáng suốt lựa chọn những người xứng đáng vào...", "Nhiệt liệt chào mừng cuộc bầu cử vào...". Những ứng cử viên nhất thiết phải do mặt trận tổ quốc giới thiệu, họ khai những bản lý lịch thật "kêu". Nơi bỏ phiếu thì trang hoàng lờ lợt với hòm phiếu đặt dưới bàn thờ tổ quốc.

Dân chúng thì rất thờ ơ với các cuộc bầu cử, họ nói với nhau rằng : "Mâm bát đã sắp xếp đâu vào đấy cả rồi, bỏ phiếu hay không bỏ phiếu thì vẫn thế". Nhưng người dân bắt buộc phải đi bỏ phiếu, vì nếu không các cán bộ

phường, xã lại xếp họ vào "đối tượng cần theo dõi" hay "gia đình thiếu tinh thần xây dựng tập thể", v.v.

Nếu như nền dân chủ đích thực được thiết lập ở Việt Nam, trái với những đe dọa của những kẻ ích kỷ và thiển cận cho rằng dân chủ sẽ dẫn đến "loạn lạc", qua những cuộc bầu cử trật tự, công bằng và tự do người dân từ thành thị đến nông thôn sẽ được cơ hội lựa chọn một cách dân chủ những người xứng đáng để đại diện cho quyền lợi của họ. Những người nông dân chân lấm tay bùn, không có điều kiện để học hành, có thể chưa hiểu nhiều về xã hội dân chủ, nhưng chắc chắn sẽ lựa chọn được những chủ tịch xã, huyện mà mình mong muốn hay yêu mến, nghĩa là những người có tài năng và đức độ, sẽ làm việc hết mình để xây dựng quê hương xứ sở của họ. Chắc chắn khi có dân chủ thật sự, chúng ta sẽ có nhiều chủ tịch, thị trưởng... như các ông Rafal Dutkiewicz và Lukasz Wisniewski của Ba Lan.

Thật ra tự do dân chủ không phải là điều khó làm. Vấn đề là muốn hay không mà thôi. Nếu chính quyền cộng sản Việt Nam trong sạch và lương thiện thì họ sẽ không sợ tự do dân chủ, vì đó là cơ hội để đo lường sự hâm mộ hay quý mến của dân chúng đối với chính quyền. Chỉ những chế độ độc tài hung bạo mới sợ tự do dân chủ và mỗi lá phiếu tự do của người dân sẽ là một bản án đối với chế độ.

Tuy nhiên vẫn còn một việc để làm để lấy lòng dân là tổ chức các cuộc bầu cử tự do ở cấp địa phương. Nếu đảng cộng sản vẫn được lòng dân thì họ sẽ thắng cử một cách lương thiện trong sự quý mến, nếu thu thì họ cũng chưa mất tất cả vì chính quyền trung ương vẫn còn nằm trong tay họ để chuẩn bị nhân sự cho các cuộc bầu cử quốc hội khác. Chính qua những cuộc vận động bầu cử này mà kinh nghiệm và sự lương thiện sẽ được tăng cường.

Trong một chế độ dân chủ, thắng hay thua là chuyện thường. Nếu thắng thì lên cầm quyền, còn thua thì dùng thời gian giữa hai cuộc bầu cử để chuẩn bị cho các cuộc tranh cử sau. Chính sự cạnh tranh này mới là những điều kiện căn bản để phát triển đất nước.

Cho dù chính quyền cộng sản vẫn cứ né tránh các cuộc bầu cử tự do, trước sau gì nó cũng sẽ tới và đảng cộng sản sẽ bị đánh bại một cách lâu dài. Hãy nghĩ đến quyền lợi của người dân, cố gắng cải cách hành chính sâu rộng hơn nữa để tiến tới tự do bầu cử là những cử chỉ mà dân chúng trân trọng. Làm được việc này không những chính quyền cộng sản sẽ được lòng dân và còn có cơ may thắng lớn trong các cuộc bầu cử địa phương hay trung ương vì các đảng phái khác chưa chuẩn bị kịp thời. Nếu cứ lo sợ, thoái thác trách nhiệm thì một ngày đó bắt buộc phải tổ chức các cuộc bầu cử tự do đảng cộng sản sẽ mất vĩnh viễn chính quyền vì không còn ai tin tưởng vào sự sáng suốt hay lương thiện của đảng cộng sản nữa.

Mong rằng bài học Ba Lan sẽ giúp cho mọi người Việt Nam, đặc biệt là những người cộng sản, suy ngẫm và nhanh chóng đi đến sự đồng thuận là trả lại cho người dân quyền tự do quyết định vận mệnh của họ. Hãy trả lại họ quyền tự do ứng cử, bầu cử vào những các chức vụ công quyền ở cấp địa phương.

**Đinh Minh Đạo (Warszawa)**

# VỀ KHÔN VÀ DẠI

Tôi đã gặp hần đôi ba lần tại nhà một người bạn ở bên Đức. Nhưng tôi không biết hần là con của chú tôi. Bởi vì hần sinh ra và lớn lên ở miền Bắc, còn tôi sinh ra và lớn lên ở miền Nam. Sau ngày cộng sản chiếm miền Nam, tôi bị di cải tạo. Khi vừa ra khỏi tù cải tạo, tôi liền vượt biên ngay nên chưa được biết hần. Tình cờ trong chuyến về Việt Nam thăm gia đình, đúng vào dịp hội nghị APEC, tôi được gặp hần tại nhà anh chị tôi và được biết hần là con của chú út bị kẹt lại Bắc năm 1954.

Hiện nay hần là công dân Đức và đang định cư ở Đức. Hần có vợ và hai con. Hần rất mồm mép. Khi biết tôi là anh của hần và đang định cư ở Hà Lan, hần không còn giữ ý như những lần gặp trước ở bên Đức. Hần ăn nói không che đậy và thẳng ruột ngựa : "Em đã đi rất nhiều nơi trên thế giới từ châu Mỹ đến châu Phi và Trung Đông để tìm thị trường làm ăn. Lần này em về nước cũng là để dò tìm thị trường làm ăn vì Việt Nam sau khi gia nhập WTO có thể có nhiều cơ hội tốt để làm ăn". Tôi hỏi hần : "Vậy chú có thấy được cơ hội nào để làm ăn ở Việt Nam chưa ?". Hần nói : "Ồ Việt Nam thì vẫn như vậy. Muốn làm ăn lớn được ở Việt Nam thì phải hoặc biết đi bằng hai đầu gối hoặc biết đi bằng hai chân của người khác. Em tìm thị trường ở Việt Nam là để làm ăn ở bên Đức. Lúc này em còn đang quan hệ và khảo sát nên chưa có thể trả lời dứt khoát được".

Sau đó hần kể về vợ và hai con của hần : "Vợ em, kém em 10 tuổi, rất tháo vát và đảm đang. Hiện nay vợ chồng em có một cửa tiệm, làm ăn cũng khá phát đạt. Vợ em lo trông coi cửa tiệm, còn em thì chuyên lo chạy hàng. Vợ em là con của một đảng viên cao cấp nên gia đình vợ em khá giàu có. Chẳng những em không phải chu cấp gì cho gia đình nhà vợ mà còn được gia đình nhà vợ giúp đỡ. Mỗi khi em hoặc gia đình em về Việt Nam đều được gia đình vợ đài thọ mọi chi phí. Em chỉ phải chu cấp cho gia đình bố mẹ em nên cũng đỡ gánh nặng. Vợ chồng em cũng đã mua được một căn nhà biệt lập khá rộng rãi để ở. Em có hai thằng con trai. Đứa lớn năm nay 16 tuổi. Đứa nhỏ mới 12 tuổi.

Đứa lớn học khá giỏi. Còn hai năm nữa thì thằng lớn sẽ lên đại học. Nhưng thằng lớn dại lắm. Nó chỉ lo học cho giỏi và cố gắng chấp hành đúng luật pháp ở đây để mong có một cái job kiếm nhiều tiền. Theo em thì thằng này chỉ có thể sống được ở Đức thôi. Vì ở Đức đa số người dân đều tôn trọng luật pháp. Chứ nó mà đi sống ở các nơi khác, chẳng hạn như ở Việt Nam thì chẳng có đất đứng. Nhưng dù sao thì em cũng yên tâm về thằng lớn vì nó sẽ ở Đức và trở thành người Đức.

Thằng em học cũng khá giỏi, có khi còn giỏi hơn thằng anh. Thằng này đã bắt đầu vào trung học và cũng vào học ở trường để lên học đại học như thằng anh. Thằng em này rất khôn. Từ lúc 8 tuổi nó đã biết vào siêu thị uống nước ngọt và ăn kẹo bánh không trả tiền. Đã từ lâu, nhà em chẳng phải mua nước ngọt và kẹo bánh cho nó".

Thấy tôi trợn mắt nhìn, hần bổ túc thêm : "Uống

nước ngọt và ăn bánh kẹo không trả tiền nhiều lần mà không bị bắt mới là khôn, chứ mà để bị bắt thì đâu có thể được coi là khôn. Thằng nhỏ nhà em vào siêu thị lấy nước và bánh kẹo ăn uống tại chỗ rồi đi ra chứ có mang ra ngoài đâu mà có thể bị bắt".

Tôi lên tiếng phản đối hần : "Tại sao chú lại để cho con của chú làm như vậy ? Tại sao chú lại tập dần cho con chú thói quen ăn cắp từ nhỏ ? Ai cũng làm như con chú thì xã hội làm sao còn được yên ổn ? Xã hội sẽ trở thành xã hội của những kẻ tìm cách ăn cắp lẫn nhau thì làm sao sống được với nhau đây ? Chính vì vậy mới có luân lí và luật pháp để bảo vệ sự công bằng và yên ổn cho mọi người sống trong xã hội".

Thấy tôi có vẻ nổi nóng, nhưng hần vẫn cười hề hề nói tiếp : "Anh bớt nóng đi. Đúng là anh đã bị văn hóa và tôn giáo của những kẻ thống trị trước đây đầu độc nặng rồi. Anh đã bị bọn lưu manh ấy giáo dục xem xét lịch sử một cách quá chủ quan. Tại sao lại nhìn lịch sử cuộc sống dưới góc độ coi chiến tranh là những bất trắc của lịch sử và coi hòa bình là điều tự nhiên của cuộc sống ? Nếu anh nhìn cuộc sống và lịch sử dưới góc độ cuộc sống con người là một cuộc chiến tranh triển miên giữa con người với nhau, là những cảnh tranh giành giữa nhóm này nhóm kia và hòa bình là những bất trắc hiếm hoi của lịch sử và cuộc sống thì anh sẽ thấy cách giáo dục của em không có gì để phản đối. Anh đọc lại lịch sử nhân loại đi. Có phải lịch sử đó là lịch sử của những cuộc ăn cướp không ? Và như vậy có phải chiến tranh là điều tự nhiên của cuộc sống không ? Anh hãy sống thực tế đi, đừng mơ mộng hão huyền. Anh hãy nhìn thực tế chung quanh anh để xem. Những kẻ được coi là sống đạo đức theo luân lí cổ truyền dạy bảo, có ai là người có địa vị và giàu có lớn không ? Trong xã hội hiện nay chỉ có những kẻ ăn cướp, lường gạt, gian trá mới có chức quyền và sống giàu có, thoải mái. Anh hãy thử điểm lại những khuôn mặt có quyền lực mà chúng ta có thể kiểm chứng được để thấy là điều em nói đúng sự thực. Hồ Chí Minh được dân chúng gọi là Bác và tôn thờ như thánh sống cũng chỉ là một kẻ lưu manh lường gạt. Có ai dày mặt, đội tên giả để tự ca ngợi mình như Hồ Chí Minh không ? Vợ nọ con kia mà không dám công khai để làm như mình vì nước vì dân nên phải hi sinh cuộc sống hạnh phúc lứa đôi. Lê Đức Anh khai man lí lịch, làm chỉ điểm cho mật vụ Pháp mà lại nắm quyền lực cao nhất nước một thời và ngày nay vẫn còn quyền lực lớn đối với Đảng Cộng Sản Việt Nam. Lê Duẩn và Lê Đức Thọ cũng là những tên lưu manh giết người không gớm tay, đã một thời làm mưa làm gió trên đất nước ta và ngày nay, dù đã chết, vẫn còn bị nhiều người thù ghét. Tân thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng là kẻ phạm pháp, làm trái luật nhà nước, chuyên môn kinh tài buôn lậu cho đảng cộng sản từ Hà Tiên cho đến vùng biên giới Lào-Thái lúc còn ở cấp sĩ quan. Vì vậy anh đừng lấy làm lạ khi ông được bổ nhiệm làm thống đốc ngân hàng mặc dù ông chẳng có học hành gì về kinh tế tài chánh và ngày nay làm thủ tướng. Những nhân vật lưu manh và gian trá còn nhiều, em có kể ra anh cũng không biết họ là ai".

Tôi nêu thắc mắc với hần : "Tại sao có lần tôi kể về

Hồ Chí Minh theo như tài liệu của Nguyễn Minh Cần và Vũ Thư Hiên viết thì nhiều người đổ mắt tía tai đòi đánh và cho là tôi nói bậy, xuyên tạc, bị Mĩ Ngụy tuyên truyền đầu độc ? Điều này cho thấy là vẫn còn nhiều người tôn sùng Hồ Chí Minh như thánh sống. Tại sao lại có chuyện lạ như vậy ?".

Hắn lại cười hề hề và nói : "Tại sao anh tối dạ vậy ? Những kẻ tin tưởng và tôn thờ Hồ chí Minh như thánh sống chỉ là những kẻ ngu. Chính vì vậy bọn họ vẫn nghèo khổ và làm đầy tớ. Những người khôn đều biết rõ về Hồ chí Minh như anh đã biết. Những người ấy là những người có quyền cao chức trọng trong xã hội này. Họ phải giáo dục cho người khác tin tưởng mù quáng vào những điều mà họ bịa đặt ra để trở thành những người ngu cho họ dễ thống trị và bóc lột. Nếu ai cũng khôn như họ thì làm sao thống trị được ? Anh nên nhớ là ở xã hội này, càng lưu manh càng gian trá thì càng quyền cao chức trọng và giàu có. Và càng gian trá thì càng phải giáo dục xã hội sống theo những gì mà họ tuyên truyền và tô màu để dễ bề cai trị. Anh không thấy đất nước Việt Nam này thối và có nhiều chuyện ngược đời à ? Anh không thấy đường đi ở Việt Nam đầy phân à ? Nào là màu xanh phân ngựa, nào là màu vàng phân bò nhan nhản trên đường. Những loại phân này thối lăm nhưng nhờ có đeo súng nên có quyền đớp được nhiều tiền vì ai cũng sợ phân mà phải nộp. Cái gì có thể bắt nhân dân ủng hộ đều có kèm hai chữ "nhân dân" như "quân đội nhân dân", "ủy ban nhân dân", "hội đồng nhân dân", "toà án nhân dân", v.v. nhưng cái gì liên quan đến tiền là của "nhà nước" như "ngân hàng nhà nước", "kho bạc nhà nước". Còn chuyện đến ơn đáp nghĩa, đó là một trò hề : tặng một ngôi nhà tình thương cho một gia đình liệt sĩ giá khoảng 6 triệu đồng, nhưng gia đình đó phải chi là nào là tiền xe cộ ăn nhậu cho quan lớn tốn có khi gấp đôi căn nhà được tặng. Những chuyện ngược đời như thế này xảy ra hàng ngày và sẽ còn xảy ra dài dài nếu xã hội vẫn còn bị những người mà dưới mắt anh là những người lưu manh, và dưới mắt em là những người khôn, tiếp tục cai trị".

Tôi hỏi hắn : "Chú khôn vậy tại sao không ở Việt Nam mà sống lại đi định cư ở Đức và còn trở thành công dân Đức ?". Hắn lại vừa cười hề hề vừa nói : "Đấy cũng là một việc làm khôn của những người khôn. Ở Việt Nam thì em không đủ sức đi bằng hai chân. Em lại không biết quý. Còn đi bằng hai chân của người khác thì cũng chỉ là giai đoạn. Bởi vậy em cần tìm một hậu cần vững chắc để tùy thời, tùy công việc mà mượn hai chân của người khác để đi. Khi hai chân này yếu thì lại lui về hậu cần nghỉ ngơi và chờ tìm được hai chân khác khỏe mạnh hơn". Hắn nhấn mạnh : "Chỉ có những người khôn mới biết tìm một hậu cần vững chắc ở một nước văn minh Âu Mĩ. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng là một người khôn tuyệt vời. Ông cũng đã biết tìm một hậu cần vững chắc ở Mĩ. Ông cho con lấy một Việt kiều ở Mĩ để có được một hậu cần vững chắc khi cần lui thì có chỗ lui".

Tôi lại hỏi hắn : "Như vậy những người tìm cách vay mượn tiền bạc để đến Đức, sau đó bị bắt đưa vào trung tâm chờ bị trả về Việt Nam, do đó phải đi ăn cắp để có đủ tiền trả nợ đã mượn khi phải về Việt Nam cũng là

những người khôn phải không ?".

Hắn lắc đầu chán ngán : "Em không ngờ anh lại tối dạ hơn mức em tưởng tượng. Những người này cũng chỉ là những người vừa ngu và vừa dại. Họ chỉ biết mù quáng nghe theo những lời xúi dại mà không chịu kiểm chứng với thực tế. Họ không biết là trước đây người Đức tiếp nhận người Việt Nam vì lòng nhân đạo và vì mặc cảm tội lỗi đã chống Mĩ và ủng hộ cộng sản Việt Nam trong cuộc chiến tranh Việt Nam để đất nước Việt Nam rơi vào nghèo đói mất tự do. Nhưng từ sau khi Việt Nam đổi mới, cho làm kinh tế thị trường và chủ nghĩa cộng sản bị sụp đổ ở Liên Xô và Âu châu thì những tình cảm ấy đã đi vào quên lãng. Việt Nam đâu còn được nằm trong danh sách được tiếp nhận ở Đức nữa".

Tôi lại hỏi hắn : "Thế tại sao chú không mượn hai chân của bố mẹ vợ để đi ?". Hắn cười và nói : "Bố mẹ vợ em đâu có chân mà mượn. Ở trong đảng, thời nào ông bà ấy cũng chỉ biết đi bằng đầu gối nên lúc nào cũng có được cái ghế tốt để kiếm chác".

Tôi nói với hắn : "Anh thấy cách hành xử và lí luận của chú rất là mâu thuẫn. Khi thì chú ủng hộ gian trá lường gạt, khi thì chú lại ủng hộ những giá trị luân lí, đạo đức cổ truyền mà ông cha chúng ta đã dạy bảo". Hắn trả lời : "Em hành xử và lí luận rất nhất quán. Em dựa vào quyền lợi vị kỉ của con người để hành xử và lí luận. Điều gì có lợi lúc này và ở đây thì tôn vinh. Lúc khác và ở nơi khác không có lợi thì đả phá. Theo em thì đó là cách hành xử của những người khôn. Và trong xã hội Việt Nam hiện nay chỉ có đất đứng cho những người khôn như vậy".

Tôi lại góp ý thêm với hắn : "Không phải ông cha chúng ta đã coi những thời kì hòa bình trong cuộc sống là điều tự nhiên và những thời kì chiến tranh chỉ là bất trắc của lịch sử. Mà trái lại. Chính vì vậy ông cha chúng ta mới quy định những luật lệ và luân lí để làm giảm bớt thói hung bạo và cướp đoạt của con người, giúp con người sống yên ổn và hòa bình với nhau. Một đảng chúng ta mong muốn cướp đoạt của người khác, một đảng chúng ta lại muốn sống với nhau hòa bình yên ổn. Chúng ta đang sống trong một mâu thuẫn giữa thực tế ham muốn cướp đoạt và lí tưởng mong ước hòa bình. Mâu thuẫn này tại sao lại tồn tại ở Việt Nam và những nước độc tài nghèo đói ? Tại sao ở Đức và ở Hà Lan ít có mâu thuẫn này ? Chú là người khôn và thông minh vậy chú thử nghĩ xem tại sao ? Nguồn gốc của mâu thuẫn ấy là ở đâu ? Có phải là ở cơ chế tổ chức xã hội không ? Nếu đúng như vậy thì phải làm gì ?".

Hắn ngồi thừ ra suy nghĩ một lúc khá lâu và trả lời : "Theo em thì đúng là tại cơ chế tổ chức xã hội. Bao lâu Việt Nam còn cơ chế tổ chức xã hội như thế này thì xã hội Việt Nam còn tồn tại mâu thuẫn trên. Em đồng ý với anh là cần phải thay đổi cơ chế tổ chức xã hội ở Việt Nam. Việt Nam phải là một nước dân chủ đa nguyên thực sự nếu mọi người đều muốn có một cuộc sống yên ổn hòa bình và có cơ hội đồng đều để sống. Nhưng làm cách nào để thay đổi được cơ chế này khi khối trí thức Việt Nam chỉ biết đi bằng hai chân của người khác hoặc bằng đầu gối để kiếm tiền bạc và danh vọng ?".

**Phan Bá Việt** (Den Haag)

# Tân kỷ trước thêm năm mới

Nguyễn Văn Hiệp

Thời gian của ngày đón giao thừa dường như trôi đi nhanh hơn. Từng dòng xe lao vun vút trên các đường cao tốc, từng dòng người rào chân hối hả trong những khu siêu thị. Ai ai cũng tham lam muốn nhét tất cả công việc của năm cũ vào những giờ đồng hồ hiếm hoi còn lại trước thời khắc trừ tịch. Nhịp sống thật nhanh của bắc Mỹ lại càng thêm tất bật, những vận động viên điền kinh như đang ở trên đường đua nước rút với chính mình.

Chiều đã đi qua vội vã, hoàng hôn bình thản về không đợi ai. Những hạt mưa phùn dầm lạnh cũng thôi giăng thong thả, hắt lên theo từng đợt gió đông như phải hòa nhịp vào dòng chảy cuốn cuộn cuối năm. Trong khung cảnh tưởng chừng không ngơi nghỉ ấy, chỉ còn có những hàng thông thẳng tắp đứng lặng yên, chớm trĩu cành để đón nhận những hạt nước vừa kết hình bông tuyết. Cái se lạnh của những ngày cuối năm chỉ vừa đủ để những bông tuyết kịp đan dính trên những tàn cây, lung linh như những mảnh pha lê dưới ánh đèn đường, những mảnh pha lê huyền ảo mà trong một giây lẳng đọng có thể cho ta bất chợt gặp quá khứ hiển hiện, thấy tương lai phản chiếu. Những mảnh pha lê mong manh.

"Anh vô tình đưa tay vuốt mặt, nhìn những hạt nước long lanh trắng ngần trong tay, tâm hồn kẻ phiêu bạt chợt thấy viễn ảnh của một thời đã trôi qua. Ồ nhỉ ! Cũng có một thời anh sống trên đất nước ấy, anh có một tình yêu tổ quốc nồng nàn. Anh yêu gốc đa, bến nước, con đò. Anh yêu dòng sông mềm mại mà mỗi chiều về vọng đưa điệu hò man mác. Đó là lời mẹ ru...". Đoạn văn mà người bạn thân thiết hồi phổ thông trung học của tôi viết cho chợt bồi hồi hiện về, mồn mọt. Tôi đã hân hạnh nhận được trong thư tay tiễn đưa từ anh trước ngày tôi cùng gia đình di định cư ở Mỹ theo chương trình HO.

Anh tên H, là một trong những người bạn thân thiết nhất với tôi của thời phổ thông trung học ở Việt Nam. H là con của một liệt sĩ. Được biết cha của anh là một quân nhân thiết giáp trong Quân Đội Nhân Dân, đã bỏ mình trong cuộc chiến đấu vệ quốc ở biên giới phía bắc năm 1979.

Còn trong khoảng thời gian này thì cha tôi, một quân nhân thuộc binh chủng pháo binh của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, đang mòn mỏi không biết ngày về trong nhà tù cộng sản được mệnh danh là trại cải tạo.

Hoàn cảnh lịch sử của đất nước đã đưa đẩy như thế. Chúng tôi gặp nhau trong một lớp học phổ thông trung học ba năm vào những năm cuối thập niên 80. Điều đáng trân quý là tất cả chúng tôi đã chia sẻ tình thân với nhau như anh em trong một nhà. Cũng phải kể là tình thân ấy ngày càng bền chặt sau mỗi lần chúng tôi sát vai nhau chống trả các băng đảng du côn chuyên đi trấn lột học sinh. Chúng tôi đã luôn sát vai nhau.

Đoạn văn trên của H là một mẫu đối thoại với nhân vật qua đó anh bày tỏ trước sự lo lắng là lòng yêu tổ quốc của những người đi xa như tôi rồi sẽ sớm bị phai nhạt hay không. Anh đã diễn tả lòng yêu nước, bằng tấm lòng của một người

thanh niên 19 tuổi, qua những hình ảnh vừa cụ thể như yêu "gốc đa, bến nước, con đò", vừa mang những âm hưởng xa vắng mênh mang như "điệu hò", như "lời mẹ ru". Và chắc hẳn là như thế. Cái tình cảm vô hình với mẹ Việt Nam này cũng có thể đã nằm sẵn trong những điều rất giản dị, chan hòa, trong bát phở miền Bắc phụng phức, trong tô bún bò miền Trung cay nồng, trong bữa cơm canh chua cá kho tộ miền Nam ngào ngạt, hay chỉ là từ chén nước mắm quốc hồn quốc túy mặn mà. Lòng yêu nước chắc hẳn được kết tinh qua những điều rất đời bình thường nhưng kỳ diệu như thế. Thật không dễ để liệt kê, cân đo đong đếm đầy đủ những thành tố của lòng yêu nước, nhưng quả thực những hình ảnh và âm hưởng rất đời mộc mạc và gần gũi này không khỏi khiến bất cứ người Việt viễn xứ nào mà không day dứt tình cảm với mảnh đất hình chữ S Việt Nam.

Như thế thì hỏi làm sao ai ra đi mà không nhớ để quay về ! Đã có nhiều người quay về, để tìm hương vị "của chùm khế ngọt", để nhìn lại "con đường đi học rợp lá vàng bay", và chỉ có thế. Nhưng tại sao cũng bằng từng những hình ảnh thân thương ấy làm hành trang, đã có những người xông pha đóng góp cho dân chủ Việt Nam trên nhiều lĩnh vực khác nhau ? Điều này không thể có giải thích thỏa đáng, nhưng điều biết được là số người này lại rất hiếm hoi, đáng quý.

Tôi biết là đã bị trách sao đi biệt lập, chưa thấy quay về. Nhưng khoảng cách địa lý có ý nghĩa gì nếu ý tưởng không gần nhau. Đã mười mấy năm trôi qua. Nay H và các bạn như D đã đi vào con đường chính trị, ở độ tuổi ba mươi, đang nắm những vai trò trọng yếu ở cấp tỉnh ủy trong guồng máy của đảng cộng sản. D cũng là một người bạn thân thiết của tôi, là con của một cán bộ tập kết ra Bắc trước đây, học giỏi trong lớp, điển trai, và cũng là người đã cùng tôi sát cánh trong những lần chống trả tụi băng đảng du côn đi trấn lột học sinh.

Không biết có phải vì những ràng buộc trong guồng máy của đảng cộng sản của H, D và các bạn mà chúng tôi không còn nhiều dịp trao đổi như những ngày đầu tôi đi xa, dù cá nhân tôi luôn muốn cùng đối thoại. Nhưng tôi tin là H, D và các bạn lựa chọn đi vào trong hệ thống đảng cộng sản là để được phục vụ nhân dân và tổ quốc, bởi những khẩu hiệu mà các bạn và chính tôi được giáo dục trong suốt 18 năm dưới mái trường xã hội chủ nghĩa. Về phần mình, tôi nghĩ H, D và các bạn trong thời gian qua có thể đã không có đầy đủ thông tin, thậm chí có thông tin sai về những hoạt động mà tôi đang đóng góp. Tôi muốn mượn trang giấy này, trước thêm năm mới, để được một lần chia sẻ.

Các bạn và tôi cũng đã từng chia sẻ cùng một nguồn cảm xúc lớn. Đó là những hình ảnh trữ tình, là những âm điệu tha thiết của quê hương đất nước, là lịch sử bất khuất của dân tộc. Tình cảm dành cho con người và cho mảnh đất hình chữ S chắc hẳn cũng đã được lớn dậy trong chúng tôi từ đấy.

Đối với cá nhân tôi, cái tình cảm ấy đã lớn thành trách nhiệm, đó là trách nhiệm chung nhằm giữ gìn và chuyển giao tốt đẹp hơn cho thế hệ mai sau cái gia sản mà tiền nhân bốn ngàn năm đã để lại cho chúng ta. Tôi có dịp đi ra bên ngoài để quan sát và so sánh thì cái trách nhiệm ấy nó lại lớn hơn lên, khi tận mắt nhận thấy hoàn cảnh thua kém quá xa của đất nước và dân tộc Việt Nam, để từ đó mà suy nghiệm.

Một cách tỉnh táo và nghiêm túc để phân tích thì cái nút cổ chai của vấn đề Việt Nam chính là cơ chế chính trị của

suốt ba mươi năm qua. Đó chính là cơ chế độc diễn của đảng cộng sản mà H, D và các bạn đang phục vụ. Vấn đề chính yếu và trước mắt của Việt Nam đó là cái cơ chế chính trị, do đó chọn lựa đúng và nhanh nhất là phải giải quyết nó bằng phương pháp chính trị thôi.

Tôi có cơ hội đóng góp phần nhỏ bé của mình trong tổ chức chính trị Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Lập trường nền tảng của tập thể rất rõ ràng đó là đấu tranh để thiết lập một chế độ Dân chủ đa nguyên, trong tinh thần Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc, bằng những phương thức bất bạo động. Phải chia sẻ ngay một điều phần khởi đó là lập trường nền tảng này nay đã trở thành tài sản chung của những người đấu tranh cho dân chủ rồi.

Nước Việt Nam muốn có tương lai thì người Việt bắt buộc phải hòa giải và hòa hợp với nhau, không thể cứ ra tay chém giết tàn sát nhau để giải quyết bất đồng mãi được. Trước khi trở thành người Phật giáo, người Công giáo, người Tin lành, người Quốc gia, người Cộng sản... thì hết thảy đều là người Việt Nam, đều là anh em cả.

Việt Nam là ngôi nhà chung của dân tộc Việt Nam, của 54 sắc tộc, bất kể Kinh, Thượng, Chăm, Hoa, Thái, Mường, Mèo... Lời giải cho bài toán thua kém là Việt Nam phải có dân chủ ngay. Càng hội nhập sâu vào với cộng đồng thế giới văn minh thì nhiều vấn đề được đặt ra và phải được giải quyết trên căn bản đồng thuận dân tộc. Vào WTO thì đáng ra Việt Nam đã phải gia nhập để buôn bán từ lâu, nay mới vào, nhưng thà muộn còn hơn không. Cơ hội đã mở ra cho người dân, cho đất nước. Muốn nắm những cơ hội tốt thì Việt Nam càng phải có dân chủ sớm. Không ai thương ta hơn mình, người Việt Nam phải biết tựa vào nhau mà tiến lên.

Nhưng vật cản lớn nhất là nhóm lãnh đạo trên trung ương của đảng cộng sản. Xin hỏi H, D và các bạn là những người này có lý tưởng cộng sản không? Câu trả lời là không. Giai cấp công nhân và nông dân nay đã quá xa lạ với sự xa hoa của họ. Chưa nói đến nạn tham nhũng tràn lan từ trung ương đến địa phương mà báo chí trong nước cũng đã từng phanh phui, các vị trong lãnh đạo trong trung ương đảng và chính phủ từ lâu đã cho con cái đi du học ở Mỹ, ở Tây Âu. Phải nói việc đi du học ở các nước dân chủ văn minh là điều cần thiết, để được hấp thụ những giá trị tiến bộ của xứ người, đó là những quyền căn bản bất khả xâm phạm của con người như tự do ngôn luận, tự do báo chí... Nhưng đối với người dân trong nước thì chính các vị trong Bộ Chính Trị này lại vừa đề ra cái Chỉ thị 37, cấm tự do báo chí ở Việt Nam. Dư luận trong nước và ngoài nước đã nói nhiều về cái Chỉ thị này, Ban biên tập báo *Tổ Quốc* đã có bài xã luận "*Chỉ thị 37 : thiếu căn cứ vững và sai phạm*". Riêng tôi thì tôi cho đó là một hành động lưu manh, quá lưu manh, còn tệ hơn các băng đảng du côn chuyên đi trấn lột học sinh mà H, D, tôi và các bạn đã từng luôn sát vai nhau để chống trả, khi thấy những hà hiếp đối với các học sinh yếu đuối.

Trước thềm của năm mới 2007 tôi xin mạn phép dùng trang giấy này để có những chia sẻ chân thành và bộc trực đến những người bạn cũ. Tôi cũng luôn tâm niệm với mục đích cao cả mà Tập Hợp luôn đề cao cho cuộc vận động dân chủ lịch sử này đó là vì đất nước Việt Nam và cho mỗi người Việt Nam.

**Nguyễn Văn Hiệp** (Charlotte, NC)

## THỦ ĐỘC GIẢ

### Khi anh Hai Hoa Kỳ chưa bật đèn xanh...

Trả lời câu hỏi "Tại sao giới trẻ ở Mỹ lại ít nhập cuộc vào cuộc vận động dân chủ cho Việt Nam?" (*Thông Luận* số 209, tháng 12-2006), tôi mạn phép đóng góp một vài ý kiến thô thiển như sau.

Phần lớn các bạn trẻ, và ngay cả những người lớn hiện nay định cư ổn định và làm việc tại hải ngoại nói chung và thành người Mỹ da vàng nói riêng, hầu hết đã thực sự ổn định về kinh tế và thừa hưởng đầy đủ tự do mọi mặt. Có thể nói Hoa Kỳ mới là một nước cộng sản thực sự, theo đúng đường lối của ông tổ cộng sản : mọi người đều bình đẳng, từ vị tổng thống tới người dân bình thường...

Sự sai lầm của đảng cộng sản Việt Nam là đã tìm con đường đi tắt không hề dám kinh qua tư bản chủ nghĩa, cứ ôm khư khư độc tài vì vậy mà nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam mới sử dụng phương cách làm láo báo cáo hay, từ đó mới phải tìm mọi cách bịt mắt và bịt miệng người khác, ông tổng bí thư bịt miệng ông phó tổng bí thư, và từ đó tạo ra rất nhiều vấn nạn...

Nhà cầm quyền Việt Nam không hoàn toàn ngu và dốt, họ rất thông minh và quỷ quyệt. Họ có thể lừa dư luận từ quốc gia này đến quốc gia khác, từ Pháp đến Mỹ, Ý, Đức. Ngay cả Liên Xô và Trung Quốc đã từng là quan thầy, gọi nhau là anh em mà họ cũng không chừa, cũng qua mặt, sẵn sàng đối trá với nhau... Đối với nước ngoài thì tươi cười vui vẻ nhưng đảng viên người dân thấp cổ bé miệng trong nước thì họ tha hồ hành tội... Nhìn chung hướng đi của chế độ cộng sản Việt Nam là như vậy.

Nhưng hiềm một nỗi cho anh em quốc gia chúng ta, khi nhìn về khía cạnh toàn cầu thì người Mỹ hoàn toàn không muốn bỏ cộng sản Việt Nam nếu cộng sản Trung Quốc còn tồn tại. Khi anh Hai Hoa Kỳ chưa bật đèn xanh thì chúng ta vô phương. Nếu Việt Nam thay màu áo dân chủ thì Trung Quốc có dễ yên không? Chiến tranh Trung Quốc và Việt Nam sẽ xảy ra. Mỹ có bảo trợ được một tỷ người Trung Quốc không? Hiện tình thế giới hiện nay là mọi cường quốc rất sợ chiến tranh nguyên tử, hạch tâm bùng phát, do vậy đã đem kinh tế ra triển khai thể dân chủ cho toàn cầu. Hiện nay là chiến lược kinh tế toàn cầu bằng đô la xanh mà thôi... Ngay cả Thượng viện và Hạ viện Hoa Kỳ cũng đồng ý làm kinh tế ở một nước với công nhân rẻ mạt. Chính qua Hội nghị APEC, dù mọi đoàn thể hải ngoại gửi không biết bao nhiêu thỉnh nguyện thư đòi hỏi nhân quyền, dân chủ mà chúng ta vẫn phải ngậm bồ hòn mà chịu đắng nuốt cay đó sao?

Xin đề nghị chúng ta hãy thực sự kêu gọi mọi người hải ngoại hãy đoàn kết một lòng cải tổ lại hướng đi cho Việt Nam. Thành kính cảm ơn tất cả các anh chị em đã đọc lời góp ý này.

**Minhut** (MD-TX)

## 10. Thời Tây Sơn (1771-1802)

và

### 15 năm văn hóa Phú Xuân

Lê Văn Hảo

#### Thời Tây Sơn trong lịch sử dân tộc

Muốn hiểu thời Tây Sơn, cần tham khảo thư từ, bút ký, hồi ký của các giáo sĩ, thương nhân và các nhà du hành nước ngoài đã có mặt tại Đại Việt trong thời kỳ đó, cộng thêm với những công trình nghiên cứu sử học nghiêm túc : Tạ Chí Đại Trường (*Lịch sử một cuộc nội chiến*, 1971 ; *Việt Nam thời Tây Sơn*, 2006), Maurice Durand (*Histoire des Tây Sơn*, 2006), Hồ Bạch Thảo (*Cao Tông thực lục*, 2006)...

Ở đây chúng tôi chỉ nêu ra những khía cạnh đáng chú ý về văn hóa.

#### 15 năm văn hóa Phú Xuân

Vào cuối thế kỷ 18, văn học Tây Sơn đã ra đời. Những nhà văn, nhà thơ đã thể hiện tinh thần của thời Tây Sơn trong tác phẩm của mình là : Lê Ngọc Hân, Cao Huy Diệu, Ngô Ngọc Du, Ninh Tồn, Đoàn Nguyên Tuấn, Phan Huy Ích, Hồ Xuân Hương, Ngô Thời Nhiệm, v.v.

Tác phẩm tiêu biểu nhất của văn học Tây Sơn có lẽ là *Hoàng Lê nhất thống chí* viết về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn và sự nghiệp Quang Trung phong phú, sinh động hơn tất cả các tác phẩm khác, đặc biệt hồi thứ 14 và 15 đã tập trung mô tả chiến thắng Đống Đa oanh liệt.

Một khía cạnh đáng chú ý của văn học Tây Sơn là *sự phát triển rực rỡ của văn học chính luận* với hàng chục tác phẩm được tập hợp lại trong hai cuốn *Bang giao hảo thoại* và *Đại Việt quốc thư* nói lên chính nghĩa của triều đại Tây Sơn và tiếp nối truyền thống ưu tú của văn học chính luận thời Lê Lợi-Nguyễn Trãi.

Trong vài năm ngắn ngủi (1789-1792), Quang Trung đã ra sức phát triển văn hóa dân tộc : việc học được mở rộng, chế độ thi cử được chấn chỉnh, đặc biệt vua rất coi trọng tiếng nói của dân tộc và đã đưa chữ Nôm lên địa vị chữ viết chính thức của triều đại.

Hai cơ quan học thuật lớn của Tây Sơn là *Viện Sùng Chính* ở Nghệ An và *Quán Quốc Sử* ở Phú Xuân. Dưới sự điều khiển của viện trưởng Nguyễn Thiếp, Viện Sùng Chính đã dịch nhiều sách chữ

Hán ra chữ Nôm để dùng dạy học và phổ biến trong dân. Chỉ trong hai năm đã dịch xong các sách *Tiểu học*, *Tứ thư*, *Kinh Thi* và hiện nay còn giữ được hai công trình lớn của viện là *Thi kinh giải âm* và *Ngũ kinh toát yếu diễn nghĩa*.

Ngô Thời Nhiệm là tổng tài Quốc Sử Quán và trong hơn 10 năm hoạt động đã cho xuất bản ba công trình lớn : *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Đại Việt sử ký tục biên* và *Đại Việt sử ký tiếp lục tổng tự*. Đây là những bộ sử có giá trị với nhiều lời bình luận xác đáng, thấm nhuần tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

Y học thời này đã kế thừa thành tựu của nền y học dân tộc các thời trước. Lãnh đạo ngành y tế của triều đình dưới thời Quang Trung là Nguyễn Hoành, tác giả bộ *Nam dược* trình bày 500 vị thuốc ; lãnh

đạo Viện Thái Y là Nguyễn Quang Tuân, đã soạn bộ *La Khê phương dược* và danh y quan trọng nhất thời ấy là Nguyễn Gia Phan, thượng thư bộ Lại thời Cảnh Thịnh mà cũng là tác giả của các sách về nhi khoa, phụ khoa và khoa truyền nhiễm.

Bình Định vốn là một trong những cái nôi của nghệ thuật hát bội nhờ công lao đầu tiên của Đào Duy Từ. Đến thời Tây Sơn, hát bội lại rất thịnh hành. Bên cạnh về *Chàng Lía* đã có thêm vở tuồng hát bội *Văn Lía* và có những thầy tuồng nổi tiếng như ông Nhưng Huy. Vào năm 1790 niên hiệu Quang Trung thứ ba, nhà du lịch người Anh John Barrow (1764-1849) đã đến thăm nước ta và sau đó xuất bản cuốn *Những cuộc du hành ở Nam Phi và Đàng Trong* (*Voyages dans le Sud de l'Afrique et à la Cochinchine*) kèm theo một bức tranh màu vẽ một cảnh hát bội.

Phú Xuân vốn là cái nôi của ca nhạc Huế từ thời các chúa Nguyễn. Đến cuối thế kỷ 18, nhân dịp lễ thượng thọ 80 tuổi của hoàng đế Càn Long, vua Quang Trung đã gửi sang Bắc Kinh một đoàn ca múa nhạc gồm 6 ca công và 6 nhạc công dưới sự điều dắt của Phan Huy Ích. Theo *Đại Việt quốc thư*, đoàn văn nghệ này đã biểu diễn thành công 10 bài bản ca nhạc



Lễ hội Quang Trung tổ chức tại Bình Định



Tượng tổ La Hàu La (chùa Tây Phương)

Huế ("*Nhạc phủ từ khúc thập diệu*").

Khi nói tới mỹ thuật thời Tây Sơn, người ta thường nghĩ tới bộ tượng 16 vị tổ được thờ tại chùa Tây Phương (Hà Tây) sáng tác từ cuối thế kỷ 18 mà giới nghiên cứu mỹ thuật Việt Nam cũng như những nhà mỹ học nước ngoài đánh giá là một đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc tôn giáo Việt Nam.

Võ thuật thời Tây Sơn là loại võ đạo phổ biến trong quân đội của Quang Trung. Đây là một bước tiến mới của võ Bình Định truyền thống. Bên cạnh võ thuật Tây Sơn lại có *nhạc võ Tây Sơn* để nâng thêm khí thế trong chiến đấu. Khi đánh trống võ Tây Sơn không ngồi mà phải đứng, hai tay vừa múa võ vừa đánh trống, có lúc nhanh đến mức tưởng chừng như cả 12 trống được gõ cùng một lúc bởi một nghệ nhân duy nhất. Ngoài ra còn có thêm trống cái và bộ chiêng để tạo nên một bầu khí hào hùng.

### Năm danh nhân thời Tây Sơn

- **Lê Ngọc Hân** kết hôn với Nguyễn Huệ năm 16 tuổi (1786), trở thành Bắc cung hoàng hậu, rồi góa bụa năm 22 tuổi và mất khi chưa đầy 30 tuổi (1799), để lại cho văn học Việt Nam hai áng văn nổi tiếng là *Văn ai tư* và *Văn tế vua Quang Trung*.

*Văn ai tư* có lẽ là tác phẩm nói lên đầy đủ nhất con người và sự nghiệp của Quang Trung cũng như mối tình tuyệt đẹp giữa một công chúa và một tướng quân :

Mà nay áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước biết bao công trình

Kiếp này chưa trọn chữ duyên

Ước xin kiếp khác vẹn duyên lửa hương

- **Bùi Thị Xuân** (?-1802) đã cùng chồng là Trần Quang Diệu tham gia khởi nghĩa Tây Sơn từ buổi đầu để trở thành một vị nữ tướng tài ba dũng liệt, tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu tới cùng của nghĩa quân. Một giáo sĩ phương Tây, sau khi chứng kiến cuộc hành hình toàn thể gia đình bà, đã nói lên trong tập hồi ký của mình lòng khâm phục



Tượng Bùi Thị Xuân tại bảo tàng Quang Trung

sâu sắc khi gợi lại hình tượng người nữ tướng hiên ngang tiến thẳng tới con voi sấp dầy xéo mình. Sau khi bà mất, dân gian đã sáng tác nhiều thơ ca, giai thoại và câu đối đề cao tài năng và khí tiết của bà, cụ thể là áng văn *Bà thiếu phó* (chức tước của bà Bùi Thị Xuân) và truyện thơ Nôm *Cân quốc anh hùng* truyện được

sáng tác 3/4 thế kỷ sau khi bà mất, đó là áng anh hùng ca của nhà Nho Nguyễn Bá Huân tuyền dương vị nữ anh hùng lỗi lạc.

- **Ngô Thời Nhiệm** (1746-1803) đã được Nguyễn Huệ trọng dụng từ năm 1788, với các chức tước đại học sĩ, thị lang bộ Lại, rồi thượng thư bộ Binh. Hai lần làm chánh sứ sang Trung Quốc, ông đã tỏ ra là một nhà tư tưởng



Chân dung Phan Huy Ích (tranh vẽ 1790)

chiến lược kiêm nhà ngoại giao tài giỏi nên đã đóng góp rất nhiều trong việc chuyển quan hệ ngoại giao giữa hai nước từ đối kháng sang hòa hảo. Ông đã để lại cho đời sau nhiều tác phẩm văn, sử, triết học, tôn giáo và chính trị. Sau khi sáng tác bộ sách *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, ông đã được tôn vinh là tổ thứ tư của thiền phái Trúc Lâm.

- **Phan Huy Ích** (1751-1822) đã hết lòng đi theo chính nghĩa Tây Sơn với chức thị lang bộ Hộ, rồi thượng thư bộ Lễ. Sau khi Quang Trung mất, ông trở về quê hương Sài Sơn sống ẩn dật, dạy học và gom góp lại các sáng tác của mình thành hai công trình qui mô lớn : *Dụ am ngâm lục* (600 bài thơ), *Dụ am văn tập* (khoảng 400 bài văn), trong đó đáng chú ý nhất là 5 bài văn tế chữ Nôm sáng tác khi hoàng hậu Lê Ngọc Hân mất (1799) để bày tỏ lòng biết ơn và sự khâm phục của mình đối với vua Quang Trung mà ông gọi là "con người tài năng hơn ngàn đời trước".

- **Nguyễn Gia Phan** (1748-1817) là vị danh y cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho nổi đời làm thuốc. Từ năm 24 tuổi ông đã đi sâu vào nghề y và bắt đầu soạn một số sách về nhi khoa và phụ khoa. Ông thường được mời về Thăng Long chữa bệnh cho Trịnh Sâm và nhiều người trong phủ chúa. Ông đã có công chế thuốc chống ôn dịch để cứu dân vùng Sơn Tây. Được Quang Trung triệu về làm việc ở Thái Y Viện, ông đã xin về hưu để chữa bệnh cứu dân và hoàn thành các công trình y học lớn của mình để lại cho đời sau : *Liệu dịch phương pháp toàn tập* (chuyên về chữa trị các bệnh truyền nhiễm), *Lý âm phương pháp thông lục* (chuyên về phụ khoa và sản khoa), *Hộ nhi phương pháp tổng lục* (chuyên về nhi khoa), *Y gia phương pháp tổng lục* (chuyên về y lý trị liệu). Ông còn là một nhà thơ và nhà văn. Trước khi mất, ông đã hoàn thành cuốn *Thiệt lý sự trạng* ghi lại những công việc cứu nhân độ thế trong đời mình.

**Lê Văn Hảo** (Paris)

## BẠO CHÚA ĐẸN TỘI

Saddam Hussein không biết năm 2007. Ông ta đã bị treo cổ sáng ngày 30-12-2006, hưởng thọ 69 tuổi. Kết thúc ghê rợn

của một bạo chúa cùng hung cực ác. Cuộc hành hình này đã được phổ biến trên các màn ảnh khắp thế giới. Người ta thấy một Saddam Hussein trong chiếc áo choàng màu đen bị dẫn tới nơi hành quyết và những chuẩn bị cuối cùng : đám đao phủ bịt mặt choàng một chiếc khăn đen quanh cổ ông ta trước khi choàng dây thòng lọng vào cổ. Saddam Hussein tỏ ra chậm chạp, bi thảm như người mất hồn nhưng vẫn cố giữ thể diện trong phút cuối cùng của cuộc đời. Ông ta lắc đầu từ chối để đao phủ bịt đầu.

Cố gắng tỏ ra can đảm trong phút chót này có lẽ là cử chỉ đúng đắn duy nhất của Saddam Hussein đối với hàng trăm ngàn người mà ông ta đã tàn sát một cách lạnh lùng và dã man.

Sinh năm 1937 trong một gia đình nghèo ở Tikrit, miền Bắc Iraq, Saddam Hussein mồ côi cha từ trong bụng mẹ và được một người chú nuôi nấng. Sau khi không trúng tuyển vào trường sĩ quan, Saddam Hussein gia nhập đảng xã hội Baas, lúc đó còn là một đảng khủng bố ngoài vòng pháp luật. Năm 22 tuổi trở thành nổi tiếng nhờ tổ chức một cuộc ám sát tướng Karim Kassem, tổng thống Iraq. Sau khi tướng Kassem bị đảo chính và hành quyết năm 1963, đảng Baas được hợp thức hóa ; Saddam Hussein leo rất nhanh các cấp bậc của đảng Baas và năm 1968, khi đảng này đảo chính cướp chính quyền, Saddam Hussein trở thành con người quyền lực nhất với chức vụ phó tổng thống nhưng đồng thời cũng là lãnh tụ đảng. Năm 1979, ông ta kiêm nhiệm luôn chức vụ tổng thống.

"Bàn tay sắt" có lẽ là cụm từ quá yếu để mô tả cách cai trị của Saddam Hussein. Ông ta thẳng tay tàn sát những người chống đối thuộc giáo phái Hồi giáo Shiite chiếm hơn 60% dân số Iraq và các sắc dân Kurd, nhưng ông ta cũng tàn sát những người bị tình nghi chống đối ông ta trong giáo phái Sunni (khoảng 25% dân số) của ông và ngay cả trong nội bộ đảng Baas. Ngay sau khi chính thức nắm chức tổng thống năm 1979, trong đại hội đảng Baas, Saddam Hussein buộc tội và ra lệnh xử bắn tại chỗ mấy chục "dân biểu" và đem cho quay phim và phổ biến cảnh hành quyết này để làm gương.

Năm 1980, Saddam Hussein thành lập ra lệnh tấn công Iran. Cuộc chiến kéo dài tám năm đã làm hàng triệu người thiệt mạng. Saddam Hussein đã dùng hơi độc để giết quân Iran. Saddam Hussein cũng đã dùng hơi độc để tàn sát những người Iraq thuộc sắc tộc Kurd.

Saddam Hussein đã bị hành quyết sau khi bị kết án tử hình vì một trong những tội nhỏ của ông ta : tàn sát 148 người trong một làng nơi ông ta bị ám sát hụt. Ông ta còn đang ra tòa về tội tàn sát người Kurd và đáng lẽ còn phải ra tòa vì vô số tội ác khác. Cuộc hành quyết này đã cắt ngang một loạt những vụ án có thể kéo dài nhiều năm.

Saddam Hussein tuy đáng tội chết, và đáng xử tử nhiều

## Thời Sự QUỐC TẾ & VIỆT NAM

lần, nhưng cuộc hành quyết này đã không làm tăng thế giá của chính quyền Iraq. Cho quay phim cảnh một tội nhân sắp bị hành quyết, nhất là lại có tiếng la lối

thù hận của nhiều "khán giả", là điều mà thế giới văn minh không thể chấp nhận. Người ta có thể đặt câu hỏi : đây là công lý hay là trả thù ? Câu hỏi càng dễ đặt ra vì nhiều thẩm phán đã bị thay thế sau khi tỏ ra thiếu cứng rắn với Saddam Hussein, ba luật sư bào chữa cho Saddam Hussein cũng đã bị ám sát.

Tương lai Iraq còn rất nhiều bấp bênh vì bạo lực là định luật tự nhiên tại đây. Nền văn minh đầu tiên của loài người đã xuất hiện tại đây hơn 5.000 năm trước. Kinh thánh Thiên Chúa giáo cũng cho loài người xuất phát từ đất này, những rỗi vùng đất này đã trở thành chiến trường liên tục, có lẽ vì nó quá phì nhiêu và kêu gọi sự thèm muốn của mọi thế lực. Trong thế kỷ 20 không có nước nào mà xung đột chính trị đẫm máu như tại Iraq. Tất cả những người cầm quyền đều tàn sát dã man những người bị tình nghi là đối lập, để rồi sau cùng chính mình cũng bị tàn sát dã man.

## MỘT TỔNG THỐNG MỸ VÔ DANH ?

Gerald Ford đã chết ngay khi năm 207 vừa bắt đầu. Ít ai, kể cả phần lớn người Mỹ, biết ông là ai, mặc dù ông từng là tổng thống Mỹ cách đây mới 30 năm.

Gerald Ford đã trở thành tổng thống Mỹ một cách không giống bất cứ một tổng thống Mỹ nào : ông không được bầu là tổng thống và cũng không được bầu làm phó tổng thống. Ông chỉ là một dân biểu đứng đắn, được chỉ định làm trưởng khối Cộng Hòa tại Hạ Viện. Năm 1972, Richard Nixon và Spiro Agnew tái cử tổng thống và phó tổng thống. Năm 1973 Agnew bị đình lưu trong một vụ bê bối tiền bạc và phải từ chức. Nixon định chọn John Connally nhưng bị nhiều người phản đối nên cuối cùng chọn Gerald Ford thay thế Agnew trong chức vụ phó tổng thống. Sang năm 1974, chính Nixon bị đình lưu vào vụ Watergate và phải từ chức. Gerald Ford lên làm tổng thống dù không hề ứng cử tổng thống hay phó tổng thống. Năm 1976 ông ra tái ứng cử tổng thống và thất bại trước Jimmy Carter.

Gerald Ford có thể được coi là một chính khách Mỹ điển hình : lương thiện nhưng rất thích tiền và danh vọng, thực tiễn, thỏa hiệp, rất thông thạo các vấn đề của nước Mỹ nhưng chỉ biết rất ít về thế giới. Ra chào đời với tên Leslie King Jr. trong một gia đình khá giả nhưng lục đục vì người cha hung bạo, ông theo mẹ khi mẹ ly dị lấy chồng khác và đổi tên theo người bố dượng là Gerald Ford. Ông học giỏi, tốt nghiệp hàng đầu về luật tại đại học danh tiếng Yale, gia nhập hải quân trong thế chiến II rồi ứng cử vào Hạ Viện sau chiến tranh, lên dần tới địa vị lãnh đạo khối Cộng Hòa tại Hạ Viện, sau cùng trở thành tổng thống Mỹ trong một giai đoạn chính trường Hoa Kỳ đầy sóng gió.

Ít lâu sau khi lên làm tổng thống Gerald Ford ký lệnh

"ân xá toàn bộ và dứt khoát" cho cựu tổng thống Richard Nixon. Điều này khiến nhiều người nghĩ đã có thỏa hiệp trước giữa hai người theo đó Nixon từ chức để Ford lên thay với điều kiện là Ford ân xá cho Nixon. Cả hai đều phủ nhận, nhưng sự phủ nhận này không có giá trị nào bởi vì nếu có thỏa hiệp chẳng nữa thì cũng chỉ có thương lượng giữa các phụ tá của họ.

Người ta càng tin có thỏa hiệp này vì Ford là người rất thực tiễn, không tỏ ra có một viễn kiến chính trị nào và quan tâm trước hết đến địa vị của mình. Cách xử lý vấn đề Việt Nam là một thí dụ. Ford lên làm tổng thống vào tháng 8-1974 lúc tình hình miền Nam chưa có gì đặc biệt nguy ngập, nhưng Ford thấy đa số dư luận Mỹ đã chán chiến tranh ở Việt Nam nên không muốn dính líu vào, dù lúc đó tỷ lệ người Mỹ muốn bỏ rơi miền Nam Việt Nam thấp hơn tỷ lệ người Mỹ muốn triệt thoái khỏi Iraq hiện nay. Ford đã hoàn toàn im lặng để cho quốc hội cắt dần viện trợ cho miền Nam Việt Nam và đưa chế độ Việt Nam Cộng Hòa đến chỗ sụp đổ, mặc dù trước đó Ford là một trong những dân biểu điều hâu đòi làm tất cả để đạt chiến thắng tại Việt Nam. Khía cạnh cơ hội chủ nghĩa và ít lý tưởng của Ford đã được phe Dân Chủ triệt để khai thác để giành thắng lợi cho Jimmy Carter. Tuy vậy ai cũng nhìn nhận Gerald Ford là một người lương thiện.

Ngoài việc là một tổng thống duy nhất không hề được bầu, Gerald Ford còn có một đặc điểm khác : ông là vị tổng thống Mỹ đầu tiên thua một cuộc chiến, cuộc chiến Việt Nam.

## **BA LAN : TỔNG GIÁM MỤC LÀM ĐIỂM CHỈ CHO MẶT VỤ ?**

Tòa thánh vatican đã phải "chấp nhận" để hồng y Stanislaw Wielgus từ chức tổng giám mục Warszawa, sau khi ông này thú nhận đã từng hợp tác với cơ quan tình báo của chế độ cộng sản Ba Lan trước đây. Hồng y Wielgus vừa mới được bổ nhiệm tổng giám mục địa phận Warszawa vài tuần trước.

Giáo Hội Công giáo Ba Lan đã phần nào mất uy tín trong vụ này, chủ yếu là do cách ứng xử vụng về. Hội Đồng Giám Mục Ba Lan trước khi kiểm chứng các sự kiện đã bác bỏ một cách cao ngạo. Stanislaw Wielgus cũng đã chỉ thú nhận sau khi các bằng chứng quá rõ ràng được đưa ra.

Sự thật thì hồng y Stanislaw Wielgus đã chỉ nhận lời làm cộng sự viên cho sở tình báo dưới sự đe dọa khi còn là một sinh viên, và đã không tố giác bất cứ ai; Ông không hề gây thiệt hại cho ai cả và cũng không còn hợp tác với sở tình báo khi đã trở thành linh mục và giám mục. Tóm lại, ông chỉ là một nạn nhân của chế độ cộng sản và trong thế bị cưỡng bức đã không làm hại ai. Cái yếu của Stanislaw Wielgus chỉ là không dám khẳng khái từ khước khi bị ép buộc. Về điểm này ông không khác tuyệt đại đa số những người Ba Lan bị sở tình báo chiếu cố. Nếu Stanislaw Wielgus và giáo hội Ba Lan nói thẳng sự thật ra ngay từ đầu thì có lẽ vấn đề điều khác hẳn. Không chừng

không ai buộc tội ông mà còn có thể có người khen ông là đã mưu lược, qua mặt được sở tình báo.

Di sản của các chế độ cộng sản đều nặng nề và nhiều khi người ta không biết xử lý một cách đúng đắn. điều nghịch lý là ngày nay các cựu đảng viên cộng sản được chấp nhận trong mọi sinh hoạt chính trị, Kwasniewski từng đắc cử tổng thống Ba Lan và tái đắc cử với tỷ lệ cao, thì những người bị ép buộc hợp tác với chế độ cộng sản lại bị phê phán, ngay cả khi trong thế khó khăn đã khôn ngoan chấp nhận hợp tác giả vờ.

Phải hiểu như thế nào ? Có lẽ phải hiểu là dân chủ đòi hỏi sự minh bạch. Stanislaw Wielgus đã không hoàn toàn minh bạch ngay từ đầu, đã chối rồi mới chịu thú nhận sau.

## **CHÍNH QUYỀN CỘNG SẢN DỰ ĐỊNH BỎ CÁC NHÀ THƯƠNG CÔNG**

Nếu không phải là lời từ cửa miệng ông Nguyễn Thế Dũng, giám đốc sở y tế Sài Gòn, và được đăng trên báo *Pháp Luật* của bộ tư pháp thì không ai có thể tin là chuyện có thật.

Ông Nguyễn Thế Dũng cho biết là tất cả các bệnh viện công sẽ được "cổ phần hóa". "Cổ phần hóa" là một cụm từ được dùng để thay thế cho cụm từ "giải tư", nghĩa là biến một công ty quốc doanh thành một công ty tư có cổ phần và đem bán.

Ông Dũng cho hay các bệnh viện công sẽ trở thành các công ty trách nhiệm hữu hạn. Ba bệnh viện đầu tiên được chọn để cổ phần hóa là Bệnh Viện Bình Dân, Bệnh Viện Mắt và Bệnh Viện Từ Dũ (nhà bảo sanh Từ Dũ, sau ngày 30-4-1975 có lúc bị đổi tên thành Xưởng Đẻ Từ Dũ).

Công thức tư nhân hóa là nhà nước "đóng góp" nhà đất, thiết bị và nhân sự hiện có, sau đó bệnh viện tự lo lấy về tài chánh bằng tiền nhận được từ các bệnh nhân. Ông Dũng cho biết thành phố Sài Gòn được chọn làm thí điểm, sau đó kinh nghiệm "cổ phần hóa" sẽ áp dụng cho cả nước. Một người bình thường khi hay tin này chắc chắn phải giật mình tự hỏi : nếu chỉ còn bệnh viện tư thôi thì những người không có tiền khi bị yếu bệnh sẽ ra sao ? Trên thế giới hiện nay không có nước nào dám lấy quyết định bỏ hết các nhà thương công cả, người ta cho rằng một xã hội từ chối săn sóc những người nghèo khổ không còn là một xã hội loài người nữa. Đây là một việc không thể tưởng tượng.

Điều đáng ngạc nhiên là tin này, được đăng trên báo *Pháp Luật* và nhiều báo khác từ đầu tháng 12-2006, đã không gây ngạc nhiên. Những nạn nhân của biện pháp đã man này có thể đã không đọc báo hay không có tiếng nói, còn những người khác thì đã phải trả tiền để được chăm sóc từ lâu rồi, đối với họ tư nhân hóa các bệnh viện là một điều đáng mừng vì ít nhất các bệnh viện sẽ được quản lý một cách đứng đắn hơn.

Ông Nguyễn Thế Dũng cũng trình bày chính sách tư nhân hóa các bệnh viện như là một biện pháp để phục vụ tốt người bệnh. Nhưng người bệnh nào, người bệnh có tiền hay người bệnh nghèo ?

## TIN NGẮN QUỐC TẾ

### HỒNG KÔNG

Theo một bản khảo sát mới nhất của Liên Hiệp Quốc được công bố vào ngày 8-12-2006, người dân Hồng Kông được coi là những người giàu nhất thế giới.

Xét trên mặt tài chánh và tài sản, bình quân mỗi người Hồng Kông đáng giá 201.542 USD, so sánh với người giàu hạng nhì thế giới là Lục Xâm Bảo (181.975 USD), hạng ba Thụy Sĩ (143.780 USD), kế đến là Mỹ (143.288 USD). Nhật Bản được xếp hạng chín với tài sản bình quân đầu người 124.462 USD, kế tiếp là người Singapore đứng hạng 12 đáng giá 113.271 USD.

Dân số Hồng Kông hiện nay là 6.826.500 người sống chen chúc trên một lãnh thổ có diện tích chỉ 1.098 cây số vuông. Mật độ dân số trung bình ở Hồng Kông là 6.217 người/cây số vuông.

### SANTIAGO

Nhà độc tài Chí Lợi Augusto Pinochet, người được coi là một trong tay độc tài khét tiếng nhất thế giới, đã chết sau một cơn đau tim vào chiều ngày 11-12-2006, thọ 91 tuổi.

Bằng cái chết của mình, nhà độc tài quân phiệt Pinochet đã tránh được việc phải ra tòa trả lời cho các tội phạm gây ra trong thời gian cầm quyền từ năm 1973 cho đến 1990. Trong thời gian cầm quyền Pinochet đã bị tố cáo giết đến trên 3000 đối thủ chính trị của ông.

Dân chúng đã đổ xô ra đường vui mừng hỉ hả sau khi được tin Pinochet qua đời. Tuy nhiên cũng có hàng ngàn người khác lại yêu mến ông vì cho là ông đã cứu đất nước ra khỏi tay Đảng Cộng Sản Mác-xít Chí Lợi.

Sau khi làm đảo chánh cướp chính quyền năm 1973, Pinochet đã cho tiến hành hàng loạt những hoạt động thanh trừng chính trị, nổi bật nhất là một mật ước "Hành quân Đại bàng" giữa các chính quyền quân phiệt Argentina, Bolivia, Brazil, Paraguay và Uruguay cùng hợp tác để săn lùng các đối thủ chính trị và tẩu tẩu thi thể họ. Ngoài ra ông còn bị tố cáo dựng nên "Chuyến Xe Tử Thần" chạy khắp nước để giết các đối thủ của ông.

### NAM HÀN

Theo một bài viết đăng trên báo *Chosun Ilbo*, một tờ báo của phe đối lập nhiều uy tín ở Nam Hàn, phát hành vào ngày thứ Năm 7-12-2006, trong năm 2007 này chính phủ Nam Hàn đã viện trợ cho Bắc Hàn một số tiền kỷ lục 800 triệu USD và trong năm tới nữa (2007), số tiền viện trợ này sẽ được nâng lên đến 910 triệu USD.

Bất chấp sự ương ngạnh của Bắc Hàn đã cho thử một loạt đầu đạn nguyên tử vào tháng 10 vừa qua, sự viện trợ của Nam Hàn cho Bắc Hàn càng tăng thêm thay vì giảm lại.

Sự thật phía sau chính sách "ngoại viện" này là Nam Hàn không muốn thấy chính quyền cộng sản Bắc Hàn sụp đổ quá nhanh sẽ ảnh hưởng tai hại đến nền kinh tế đang phát triển ngoạn mục của Nam Hàn. Kinh nghiệm thống

nhất giữa Đông và Tây Đức đã khiến Nam Hàn phải có thái độ khoan hòa và giúp đỡ Bắc Hàn để tránh trường hợp phải "thống nhất" bất ngờ với Bắc Hàn.

Chính quyền Bắc Hàn, qua cuộc thử nghiệm đầu đạn nguyên tử thành công đã tỏ ra tự tin có thể tránh được nạn đói như đã từng xảy ra trước đây bằng cách sử dụng đầu đạn nguyên tử như một cần câu cơm nuôi sống chế độ độc tài. Chính quyền Bình Nhưỡng hiện đang ráo riết quay ngược bánh xe lịch sử để đưa người dân Bắc Hàn trở lại thời kỳ Xít-ta-lin như trước khi nạn đói xảy ra.

Hiện nay Bình Nhưỡng đang ráo riết cho phục hồi lại thời kỳ bao cấp như giới hạn sự tự do đi lại, người dân phải có giấy phép của công an mới được đi đến các địa phương khác. Công an bố ráp các phiên chợ để xét giấy đi đường của người dân.

Bắt đầu vào tháng 10-2005, Bình Nhưỡng đã tái thiết lập hệ thống phân phối thực phẩm qua đó nhu yếu phẩm cho đời sống phải độc quyền do các cơ quan của chính quyền cung cấp. Sự buôn bán gạo tư nhân đã bị cấm chỉ, người dân phải mua gạo bằng các "phiếu mua gạo" do nhà nước cung cấp và chỉ có các cơ quan của nhà nước mới được phép bán gạo.

Bắt đầu từ tháng 12, người Bắc Hàn muốn kinh doanh mua bán ở các chợ phải có giấy phép của nhà nước xác nhận họ thuộc diện "ăn theo" của một người có nguồn thu nhập chính trong gia đình. Chỉ có người diện "ăn theo" mới được mua bán ở chợ. Người diện "ăn theo" được mua 250 gr gạo mỗi ngày, người có thu nhập chính được 543 gr/ngày. Mọi người dân ông đều phải có "việc làm" đứng đắn tại các tổ chức, công ty, cơ sở của nhà nước. Người có thu nhập chính không được làm việc buôn bán và phải đi làm hàng ngày tại các công sở, ở đó họ được thường xuyên học tập về sự ưu việt của chế độ.

### DO THÁI

Thủ tướng Do Thái Ehud Olmert nói ông không thể loại trừ trường hợp Do Thái có thể tấn công Iran được biết là đang ra công chế tạo một loại vũ khí nguyên tử.

Ông Olmert nói việc tổng thống Iran cứ tiếp tục nhắc đi nhắc lại lời đe dọa sẽ tiêu diệt Do Thái là "hoàn toàn có tính hình sự". Lời phê bình trong một cuộc phỏng vấn này đã được đăng tạp chí *Der Spiegel* số ra ngày 10-12-2006, chuẩn bị trước cho cuộc hội đàm giữa thủ tướng Do Thái và thủ tướng Đức Angela Merkel.

Vào ngày 8-12 thủ tướng Olmert đã nói với tổng thống Nga Vladimir Putin rằng Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc phải cấm vận Iran nếu như xứ này tiếp tục tiến hành chương trình nguyên tử của họ bất chấp mọi sự lên án của cộng đồng thế giới.

Ông Olmert cũng nói với tạp chí *Der Spiegel* rằng ông sẵn sàng trao trả nhiều phần đất lớn trong vùng Tây Ngạn cho người Palestine vì tin rằng hành động này sẽ gây dễ dàng cho việc ký kết hiệp ước hòa bình trong vùng. Ông nói : "Một thủ tướng thì không nên đưa ra những lời hứa mà không thể thực hiện được, nhưng tôi nói rõ ràng rằng: tôi sẵn sàng trao trả các vùng đất ấy".

## Bush, người Việt, etc.

Trái với sự mong đợi của nhiều người, tổng thống George W. Bush đã không tuyên bố gì và cũng không có thái độ nào đối với chính quyền Việt Nam trước và sau hội nghị APEC. Lý do, theo một tiết lộ của một viên chức tòa Bạch Ốc yêu cầu được giấu tên khi phát biểu trên những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia, là vì ông nhận được những báo cáo rất mâu thuẫn về Việt Nam.

Bản báo cáo thứ nhất là của bộ thương mại Mỹ. Các chuyên gia tại bộ này cảnh giác rằng kỹ nghệ tin học Hoa Kỳ có thể gặp khó khăn với sự cạnh tranh của Việt Nam sau khi nước này tham gia WTO và được qui chế PNTR. Nó cho hay là người Việt Nam rất có khiếu về tin học phần mềm, họ có thể học để sử dụng thông thạo một ngôn ngữ máy tính như C++ và Java trong vòng một tháng, người Việt Nam rất giỏi về môn toán, điều này giải thích tại sao họ giỏi về tin học, mặc dù tỏ ra yếu kém về các môn sinh, lý, hóa. Bản báo cáo kết luận : *"Phải rất cảnh giác, kỹ nghệ phần mềm là một con bài chủ của Hoa Kỳ, chúng ta đang gặp sự cạnh tranh gay gắt của Ấn Độ, sắp tới chúng ta có thể gặp một đối thủ lợi hại khác. Nếu Việt Nam vào WTO và được hưởng qui chế PNTR, họ có thể gây khốn đốn cho các công ty tin học của ta"*.

Thế nhưng ngay sau đó một nghiên cứu của Rand Corporation lại khẳng định là không hề có mối nguy này. Theo Rand, người Việt Nam không giỏi về computer, họ là những computer. Mỗi người Việt Nam là một PC, nghĩa là không biết suy nghĩ, chỉ lặp lại những lý luận đã được nhồi nhét trong bộ nhớ, người Việt Nam giống như các máy tính, bề ngoài có vẻ thông minh nhưng không có trí khôn, chỉ có trí nhớ. Kỹ nghệ tin học chủ yếu đòi hỏi sự sáng tạo, một điều mà người Việt Nam hoàn toàn không có, vì vậy họ không thể là một đối thủ của bất cứ ai trong thị trường tin học cả. Rand còn khuyến khích thắt chặt quan hệ thương mại với Việt Nam để làm đối trọng với Trung Quốc. Phúc trình của Rand viết : *"An ninh kinh tế của chúng ta quá lệ thuộc vào Trung Quốc bởi vì mức lạm phát của chúng ta sẽ dĩ không cao là nhờ ta nhập khẩu từ Trung Quốc những mặt hàng thông dụng với giá rất thấp. Nếu Trung Quốc tăng giá những mặt hàng này kinh tế Hoa Kỳ có thể bị khủng hoảng. Cần đa dạng hóa những nguồn cung cấp các mặt hàng không có giá trị kỹ thuật. Việt Nam có khả năng cung cấp những mặt hàng này với giá thấp hơn Trung Quốc bởi vì chính quyền này còn bóc lột công nhân, và người nghèo nói chung, một cách trắng trợn hơn Trung Quốc"*. Rand đưa một thí dụ : chính quyền Việt Nam là chính quyền duy nhất trên thế giới dám lấy quyết định tư nhân hóa tất cả các nhà thương, sắp tới người nghèo mà bệnh thì cứ chết.

Trên vấn đề tôn giáo, trong khi nhiều tổ chức nhân quyền và các giáo hội Tin Lành tố giác chính quyền cộng sản đàn áp tôn giáo thì cơ quan CIA lại khẳng định ngược

## MỤC LỤC

01. Chúc mừng và kêu gọi  
*Nguyễn Văn Huy*
02. Kế hoạch hiện đại hóa quốc phòng lần thứ hai  
*Nguyễn Minh*
04. 2007 : Làm gì để thắng ?  
*Nguyễn Gia Kiểng*
07. Hiệp ước biên giới Việt - Trung  
*Trương Nhân Tuấn*
11. Tổ quốc và Thơ  
*Hà Sĩ Phu*
13. Yêu nước là yêu gì ? Thế nào là yêu nước ?  
*Tôn Thất Thiện*
16. Chi-Lê : phát triển nhờ độc tài ?  
*Nguyễn Huy Đức*
18. Giao lưu cùng ông Nguyễn Trần Bạt  
*Việt Hoàng*
21. Ba Lan : bầu cử địa phương, bước tiến dài...  
*Đinh Minh Đạo*
23. Về Khôn và Đại  
*Phan Bá Việt*
25. Tân kỷ trước thêm năm mới  
*Nguyễn Văn Hiệp*
26. TDG : Khi Anh Hai Hoa Kỳ bật đèn xanh  
*Minhuet*
27. Thời Tây Sơn (1771-1802)  
*Lê Văn Hảo*
29. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Bush, người Việt, etc.  
*Đầy*

hắn : đảng cộng sản Việt Nam không hề chống tôn giáo, không những thế họ còn quá tôn giáo, có thể nói là mê tín. Mọi cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam đều thờ những thần riêng, có khi cả ma xó, làm việc gì cũng cúng thần và cầu xin. CIA nhìn nhận chính quyền Việt Nam có đàn áp một số giáo phái Tin Lành nhưng không phải vì lý do tôn giáo mà vì lý do chính trị, nhưng lại lưu ý tổng thống rằng lịch sử đã chứng tỏ các tôn giáo càng bị đàn áp thì càng phát triển mạnh, cụ thể là Tin Lành là tôn giáo phát triển mạnh nhất tại Việt Nam hiện nay.

Bối rối nhất cho tổng thống Bush là chính sách đối ngoại của Việt Nam. Theo CIA thì Việt Nam mong muốn liên kết chặt chẽ với Hoa Kỳ để có thể đối phó với Trung Quốc và chấp nhận mọi điều kiện, kể cả gửi quân đội sang Iraq và Afghanistan. Tổng thống Bush rất hài lòng, nhưng ngay sau đó các viên chức bộ ngoại giao có kinh nghiệm về Việt Nam lại phản bác. Họ nói mọi tiên đoán về Việt Nam đều không có cơ sở bởi vì các cấp lãnh đạo Việt Nam chỉ lấy quyết định bằng cách xem bói.

Ông Bush tiếp tục phân vân và giữ im lặng.

Đầy